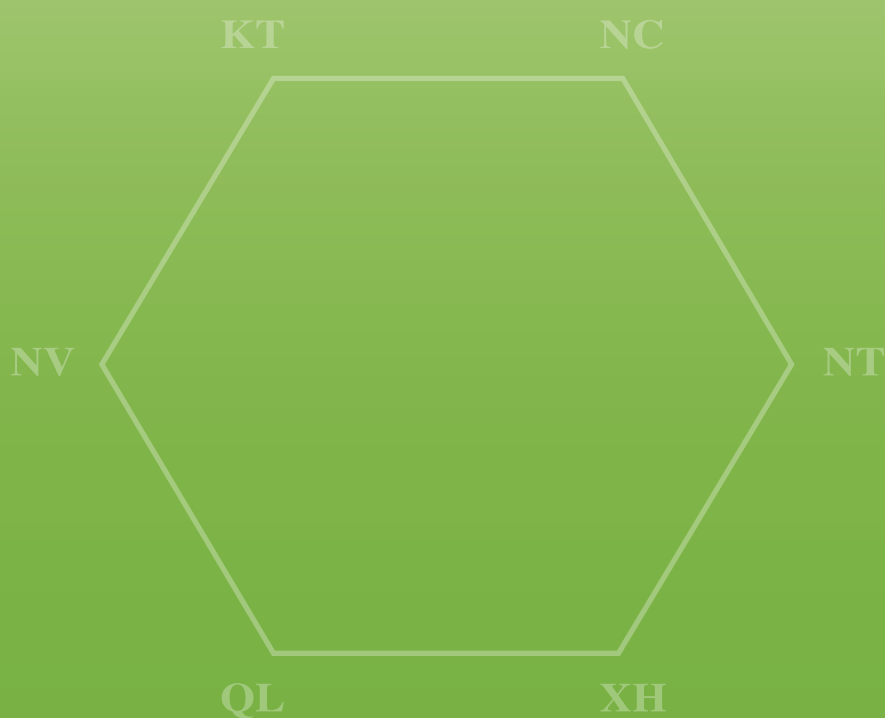


GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG



Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ chức VVOB Việt Nam

Biên soạn:

ThS. Trần Thị Thu

ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix

Ban biên tập:

ThS. Lê Trần Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Châu



Tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Fla Măng, Vương quốc Bỉ
CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG NGHIỆP

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU	5
PHẦN 1. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP	11
I. Một vài nét khái quát về Hoạt động giáo dục nghề phổ thông	13
II. Năng lực hướng nghiệp của học sinh trung học	14
III. Nội dung và phương pháp giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông	17
PHẦN 2. MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ HƯỚNG NGHIỆP	25
I. Giới thiệu	27
I. Quy trình hướng nghiệp	27
III. Lí thuyết cây nghề nghiệp	28
IV. Lí thuyết mật mã Holland	31
V. Lí thuyết hệ thống	35
VI. Mô hình lập kế hoạch nghề	37
VII. Lí thuyết vị trí điều khiển	39
VIII. Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch	40
PHẦN 3. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG	43
I. Ý nghĩa của việc dạy và học nghề phổ thông	45
II. Trắc nghiệm sở thích và khả năng theo lí thuyết mật mã Holland	46
III. Tìm hiểu các nghề phổ thông để sẽ đăng kí học	49
IV. Tìm hiểu mối tương quan giữa các nhóm sở thích và khả năng với các nghề phổ thông được dạy	58
V. Hình thành và rèn luyện các kĩ năng thiết yếu qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông	63
VI. Phát triển sở thích và khả năng nghề nghiệp cho học sinh trong quá trình học nghề phổ thông	68

VII. Tìm hiểu thông tin nghề và trải nghiệm thực tế nghề phổ thông	76
VIII. Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề phổ thông đã tham gia học	79
PHẦN 4. MẪU KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG TẬP HUẤN CHO GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG	83
PHẦN 5. PHỤ LỤC	99
Phụ lục 1. Phiếu trắc nghiệm sở thích	101
Phụ lục 2. Các nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland	106
Phụ lục 3. Các kĩ năng thiết yếu	113
Phụ lục 4. Bài giảng tìm hiểu sở thích và khả năng nghề nghiệp	118
Phụ lục 5. Cách tiến hành các hoạt động trong Hoạt động giáo dục nghề phổ thông	120
TÀI LIỆU THAM KHẢO	125

LỜI NÓI ĐẦU

Nghề phổ thông được đưa vào dạy trong các trường phổ thông cấp trung học theo hình thức khuyến khích từ sau năm 1981 nhằm **giáo dục hướng nghiệp** cho học sinh cuối cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông theo Quyết định 126 - CP của Hội đồng Chính phủ. Sau năm 2000, nghề phổ thông được chính thức đưa vào kế hoạch dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/ 2006/ QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo với tên mới là **Hoạt động giáo dục nghề phổ thông** và được tổ chức thực hiện ở lớp 11 với thời lượng 3 tiết/ tuần, 105 tiết/ năm học theo hình thức tự chọn bắt buộc (học sinh được chọn học một nghề phù hợp với sở thích, khả năng). Riêng ở cấp trung học cơ sở, học sinh vẫn học nghề phổ thông theo hình thức khuyến khích nên không quy định trong chương trình giáo dục phổ thông. Theo các văn bản của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động giáo dục nghề phổ thông là một hình thức, là con đường chủ yếu của công tác hướng nghiệp. Điều này đòi hỏi cán bộ quản lý trường học và giáo viên dạy nghề phổ thông phải hiểu rõ và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông để từ đó giúp học sinh có thêm cơ sở cần thiết trong việc chọn hướng học, ngành học, chọn nghề phù hợp với hứng thú cá nhân, năng lực bản thân và nhu cầu lao động của xã hội. Tuy nhiên, thực tế tổ chức hoạt động giáo dục nghề phổ thông trong những năm qua cho thấy, yêu cầu giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động này hầu như chưa được cán bộ quản lý trường học và giáo viên dạy nghề phổ thông nhận thức đầy đủ nên chưa được quan tâm thực hiện đúng mức. Sự đầu tư về mọi mặt cho hoạt động giáo dục nghề phổ thông còn nhiều bất cập so với yêu cầu thực tế. Việc tổ chức hoạt động giáo dục nghề phổ thông còn mang nặng tính hình thức, phong trào, ít chú ý tới hiệu quả giáo dục hướng nghiệp nên chưa đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp đã được xác định trong các văn bản của Chính phủ và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Trong khuôn khổ hỗ trợ cải thiện hiệu quả công tác hướng nghiệp trên cơ sở cải thiện hiệu quả của các hình thức giáo dục hướng nghiệp, VVOB Việt Nam đã mời một nhóm tư vấn có chuyên môn và kinh nghiệm về hướng nghiệp và hoạt động giáo dục nghề phổ thông trong và ngoài nước phối hợp với VVOB Việt Nam, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam và Nghệ An biên soạn tài liệu **“Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông”**. Tài liệu này được biên soạn dựa trên các quy định, chủ trương của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình thực tế về năng lực, nguồn lực và nhu cầu thực hiện mục tiêu hướng

nghiệp qua hình thức hoạt động giáo dục nghề phổ thông. Tài liệu này không chỉ đề cập tới các nội dung hướng nghiệp cần thiết qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông mà còn giới thiệu các phương pháp thực hiện các nội dung đó.

Hi vọng rằng, những nội dung được trình bày trong tài liệu này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích để các cơ sở giáo dục và các giáo viên dạy nghề phổ thông thực hiện được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp của hoạt động giáo dục nghề phổ thông. VVOB Việt Nam chân thành cảm ơn các tác giả, các cán bộ chương trình hướng nghiệp và các giảng viên nòng cốt về Hoạt động giáo dục nghề phổ thông của hai tỉnh Nghệ An và Quảng Nam đã nhiệt tình đóng góp ý kiến để hoàn thành tài liệu này.

TỔ CHỨC VVOB VIỆT NAM



Wilfried Theunis
Giám đốc chương trình quốc gia

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

1. CƠ SỞ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

Theo Quyết định 126- CP của Hội đồng Chính phủ, Chỉ thị 33/ 2003/ CT-BGDĐ và quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), công tác hướng nghiệp (CTHN) cho học sinh phổ thông được thực hiện qua 4 hình thức chủ yếu sau:

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (trước đây gọi là Sinh hoạt hướng nghiệp);
- Dạy học các môn văn hóa;
- Hoạt động giáo dục nghề phổ thông và lao động sản xuất;
- Tổ chức hoạt động ngoại khóa, tham quan.

Như vậy, hoạt động giáo dục nghề phổ thông (HĐGDNPT) là một hình thức giáo dục hướng nghiệp (GDHN) chủ yếu và giữ vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu hướng nghiệp cho học sinh phổ thông cấp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT). Trong khi đó, kết quả nghiên cứu và tham vấn về tình hình GDHN qua HĐGDNPT của hai tỉnh Nghệ An và Quảng Nam đã cho thấy, nhiều cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên dạy nghề phổ thông (NPT) nhận thức chưa đầy đủ về yêu cầu, nhiệm vụ GDHN qua HĐGDNPT. Trong thực tế, CBQL và giáo viên dạy NPT chưa được trang bị các kiến thức cơ bản về hướng nghiệp và nội dung, cách thức thực hiện GDHN qua HĐGDNPT. Do vậy, yêu cầu GDHN hầu như ít được quan tâm thực hiện, hiệu quả GDHN trong HĐGDNPT còn thấp.

Trong bối cảnh đó và trong khuôn khổ chương trình hướng nghiệp, tài liệu “Giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông” đã được VVOB Việt Nam hỗ trợ biên soạn.

Tài liệu “Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông” được biên soạn dựa vào:

- Mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp của HĐGDNPT được quy định trong Quyết định 126-CP của Hội đồng Chính phủ; Chỉ thị 33/2003/CT-BGDĐT và công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Bộ GD&ĐT về việc Thực hiện Hoạt động giáo dục nghề phổ thông lớp 11 năm học 2007-2008;
- Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình HĐGDNPT được ban hành theo Quyết định số 16/ 2006/ QĐ-BGDĐT và danh mục các NPT ban hành năm 1992;

- “Khung công việc cải thiện phương pháp và nội dung hoạt động giáo dục nghề phổ thông theo cách tiếp cận hướng nghiệp lấy học sinh làm trung tâm” và “Khung tài liệu bổ sung nội dung hướng nghiệp đối với HGDNPT”, năm 2013, tác giả Th.S Hồ Phụng Hoàng Phoenix - Trường đại học RMIT Việt Nam, Th.S Trần Thị Thu - Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ GD&ĐT, Th.S Nguyễn Thị Châu - VVOB Việt Nam¹;
- Tầm nhìn hướng nghiệp của hai tỉnh Nghệ An và Quảng Nam và Khung phát triển nghề nghiệp do VVOB Việt Nam hỗ trợ xây dựng năm 2012;
- Nội dung tài liệu của các NPT nói chung, và đặc biệt là nghề tin học văn phòng nói riêng (để lấy ví dụ cụ thể).

2. MỤC ĐÍCH

Tài liệu **Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông** được biên soạn trong khuôn khổ hợp tác giữa Chương trình Hướng nghiệp của VVOB Việt Nam với Sở GD&ĐT hai tỉnh Nghệ An và Quảng Nam nhằm giúp các cơ sở giáo dục (CSGD) cấp trung học và giáo viên dạy NPT của hai tỉnh hiểu rõ hơn về *yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, cách thức GDHN qua HGDNPT*, đồng thời có khả năng *áp dụng các nội dung GDHN vào HGDNPT cụ thể*. Qua đó, tác động tích cực tới việc học NPT của học sinh và giúp các em có đủ các yếu tố cần thiết để đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn nghề phù hợp hoặc có tâm thế sẵn sàng tham gia vào cuộc sống lao động ngay sau khi tốt nghiệp THCS, THPT nếu như các em không có điều kiện tiếp tục học lên.

3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU

- Cán bộ quản lý HGDNPT của các Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, các trường THPT và THCS;
- Giáo viên dạy NPT ở các trường THPT, THCS, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (TTKTTHHN), Trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTX) và CSGD khác có chức năng dạy NPT cho học sinh THPT và THCS.

Ngoài ra, các giáo viên phụ trách hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HGDHN) cũng có thể sử dụng tài liệu này làm tài liệu tham khảo cho các chuyên đề về Tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp ở các lớp 9, 10, 11, 12.

¹ Các nội dung này được trích dẫn đưa vào mục III phần 1 của tài liệu này. Hai nội dung này được biên soạn qua quá trình nghiên cứu các văn bản, tài liệu về HGDNPT do Bộ GD&ĐT quy định, các lý thuyết hướng nghiệp và có sự tham vấn của đại diện các lãnh đạo, các thầy cô giáo từ Sở, Phòng GD&ĐT, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, các trường trung học của hai tỉnh Nghệ An và Quảng Nam.

4. CẤU TRÚC TÀI LIỆU

Tài liệu này được cấu trúc thành 5 phần:

PHẦN 1. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, gồm những nội dung:

- Một vài nét khái quát về HĐGDNPT;
- Năng lực hướng nghiệp của học sinh trung học;
- Nội dung và phương pháp GDHN qua HĐGDNPT.

Đây là những cơ sở rất quan trọng để biên soạn tài liệu cũng như tổ chức thực hiện GDHN qua HĐGDNPT ở các CSGD cấp trung học. Hiểu rõ những nội dung trong phần 1 sẽ giúp CBQL và giáo viên dạy NPT nhìn nhận đầy đủ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của HĐGDNPT trong CTHN, đồng thời cũng giúp CBQL và giáo viên dạy NPT có một cái nhìn tổng thể về những nội dung, những công việc cần được thực hiện trong quá trình tổ chức HĐGDNPT để thực hiện được mục đích, mục tiêu GDHN của HĐGDNPT. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để thực hiện được những nội dung trên? Và, thực hiện các nội dung trên như thế nào để đáp ứng được yêu cầu cải thiện hiệu quả GDHN của HĐGDNPT? Xin xem chi tiết trong phần 3.

PHẦN 2. MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ HƯỚNG NGHIỆP, bao gồm các Lí thuyết hướng nghiệp có liên quan tới HĐGDNPT:

- Giới thiệu
- Quy trình hướng nghiệp
- Lí thuyết cây nghề nghiệp
- Lí thuyết mật mã Holland
- Lí thuyết hệ thống
- Mô hình lập kế hoạch nghề
- Lí thuyết vị trí điều khiển
- Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch

Các lí thuyết hướng nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc hỗ trợ giáo viên dạy NPT hướng nghiệp cho học sinh qua HĐGDNPT một cách hiệu quả. Nếu ví HĐGDNPT như công tác xây một ngôi nhà thì các lí thuyết hướng nghiệp là nền móng của ngôi nhà đó. Những lí thuyết hướng nghiệp này rất thực tế, gần gũi với mỗi người trong chúng ta và cũng rất dễ hiểu.

Các lí thuyết hướng nghiệp được đưa vào phần 2 nhằm giúp giáo viên dạy NPT có được những kiến thức cơ bản về hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, giáo viên dạy NPT

có thể xác định được những nội dung hướng nghiệp cần đưa vào HĐGDNPT do mình phụ trách và áp dụng được các lí thuyết hướng nghiệp vào quá trình dạy NPT nhằm góp phần hình thành, phát triển những năng lực hướng nghiệp cần thiết cho học sinh và thực hiện mục tiêu hướng nghiệp.

PHẦN 3. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG, bao gồm các nội dung sau:

- Ý nghĩa của việc dạy và học NPT;
- Trắc nghiệm sở thích và khả năng theo lí thuyết mật mã Holland;
- Tìm hiểu các NPT để đăng kí học;
- Tìm hiểu mối tương quan giữa các nhóm sở thích và khả năng với các NPT đang được dạy;
- Hình thành và rèn luyện các kĩ năng thiết yếu qua HĐGDNPT;
- Phát triển sở thích và khả năng nghề nghiệp cho học sinh trong quá trình học NPT;
- Tìm hiểu thông tin nghề và trải nghiệm thực tế NPT;
- Đánh giá sự phù hợp của bản thân với NPT đã tham gia học.

Các nội dung trong phần 3 được xây dựng theo tiến trình học NPT của học sinh Giáo viên dạy NPT nghiên cứu kĩ từng nội dung trong phần này để kết hợp giữa dạy NPT với hướng dẫn học sinh hướng nghiệp sao cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của CSGD.

PHẦN 4. PHỤ LỤC, gồm: Phiếu trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp; Các nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland; Kĩ năng thiết yếu và đánh giá kĩ năng thiết yếu; Bài dạy: “Trắc nghiệm sở thích và khả năng” do giảng viên nòng cốt soạn và thực hành tại trường THPT; Cách tiến hành các bài học trong Hoạt động giáo dục nghề phổ thông.

PHẦN 5. MẪU KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG TẬP HUẤN CHO GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG

Mẫu kế hoạch bài giảng trong tài liệu “**Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông**” được biên soạn dựa trên kinh nghiệm giảng dạy và tập huấn của các tác giả kết hợp với kinh nghiệm, ý kiến tham vấn và góp ý của các học viên tham gia lớp tập huấn giảng viên cốt cán về tài liệu này do VVOB Việt Nam tổ chức tại hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An vào đầu tháng 10 năm 2013.

Mẫu kế hoạch bài giảng được xây dựng nhằm mục đích hỗ trợ giảng viên nòng cốt xây dựng kế hoạch bài giảng và triển khai tập huấn “**Giáo dục hướng nghiệp**

qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông” cho các giáo viên dạy nghề phổ thông trong thời lượng 2 ngày.

Chúng tôi mong rằng những nội dung trong tài liệu này sẽ được các CBQL và giáo viên dạy NPT áp dụng vào thực tiễn tổ chức HĐGDNPT ở các CSGD nhằm từng bước nâng cao hiệu quả GDHN của HĐGDNPT.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn tài liệu, nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, chúng tôi luôn mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của tất cả những người sử dụng tài liệu và những người quan tâm để tài liệu “Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông” ngày càng hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về theo địa chỉ:

ThS. Nguyễn Thị Châu: chau.nt@vvob.be

ThS. Trần Thị Thu: tranthu.edu@gmail.com

ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix: hophunghoang@gmail.com

ThS. Lê Trần Tuấn: lttuan@moet.edu.vn

TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
CBQL	Cán bộ quản lí
CTHN	Công tác hướng nghiệp
CSGD	Cơ sở giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
HĐGDHN	Hoạt động giáo dục hướng nghiệp
HĐGDNPT	Hoạt động giáo dục nghề phổ thông
NPT	Nghề phổ thông
PPDH	Phương pháp dạy học
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TTKTTHHN	Trung tâm kĩ thuật tổng hợp hướng nghiệp
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
VVOB	Tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Bỉ

PHẦN

1

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NGHỀ PHỔ THÔNG TRONG
CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

I. MỘT VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG²

1. Mục đích của Hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Theo các văn bản của Chính phủ và chỉ thị, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, việc tổ chức dạy NPT ở cấp THCS, THPT nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh được thực tập làm quen với một số nghề, đồng thời trang bị cho học sinh các kiến thức, kỹ năng lao động cần thiết trong lĩnh vực nghề phổ biến, cần phát triển ở địa phương, đất nước và phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học. Trên cơ sở đó, góp phần định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống lao động hoặc được tiếp tục đào tạo phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu của xã hội. Nói cách khác, *việc tổ chức dạy học NPT nhằm mục đích chủ yếu là GDHN*, góp phần định hướng nghề nghiệp và phân luồng hợp lý học sinh sau THCS, THPT.

2. Mục tiêu, chuẩn kiến thức kỹ năng của HĐGDNPT

Chương trình hoạt động giáo dục nghề phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã xác định vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của HĐGDNPT như sau:

2.1. Vị trí

... “Trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, học sinh cần được tìm hiểu các lĩnh vực nghề nghiệp phổ biến trong xã hội để giúp cho việc định hướng nghề nghiệp và thấy được sự phù hợp của năng lực bản thân với yêu cầu ở nghề cụ thể. Hoạt động giáo dục nghề phổ thông tạo cơ hội cho học sinh được học tập, thử thách trong điều kiện của một nghề để làm cho quá trình tìm hiểu nghề có hiệu quả tích cực”...

2.2. Mục tiêu chung

• Kiến thức

Học sinh hiểu được một số kiến thức cơ bản về công cụ, kỹ thuật, quy trình công nghệ và về an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với một nghề phổ thông. *Biết những đặc điểm và yêu cầu của nghề đó.*

• Kỹ năng

Học sinh có một số kỹ năng sử dụng công cụ, thực hành kỹ thuật theo quy trình công nghệ để làm sản phẩm đơn giản theo yêu cầu của mỗi nghề. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng những kiến thức đã có vào thực tiễn.

² Nguồn: Quyết định 126-CP của Hội đồng Chính phủ; Chương trình giáo dục phổ thông- Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ban hành theo Quyết định 16/ 2006/ QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chỉ thị 33/ 2003/ CT-BGDĐT.

- **Thái độ**

Phát triển hứng thú kĩ thuật và khả năng vận dụng vào hoàn cảnh mới, thói quen làm việc có kế hoạch, bước đầu có tác phong công nghiệp, làm việc theo quy trình và an toàn lao động, vệ sinh môi trường. *Có ý thức trong việc tìm hiểu nghề và lựa chọn nghề nghiệp.*

2.3. Chuẩn kiến thức kĩ năng

Chuẩn kiến thức, kĩ năng là sự cụ thể hóa mục tiêu của HĐGDNPT, là căn cứ quan trọng để xác định nội dung, phương pháp dạy - học và đánh giá kết quả đầu ra của hoạt động này. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng HĐGDNPT đã được xác định cụ thể trong chương trình giáo dục phổ thông, trong đó chuẩn kiến thức, kĩ năng về hướng nghiệp của học sinh đối với mỗi HĐGDNPT đều được xác định chung như sau:

- Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề;
- Biết được đặc điểm và yêu cầu của nghề;
- Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề;
- Biết được các nơi đào tạo nghề;
- Có kĩ năng tìm hiểu thông tin nghề cần thiết;
- Liên hệ với bản thân để lựa chọn nghề;
- Có thái độ tích cực tìm hiểu thông tin nghề và định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

II. NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CẦN THIẾT CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC

1. Tầm nhìn hướng nghiệp³

Tầm nhìn hướng nghiệp được xây dựng qua quá trình nghiên cứu và tham khảo các văn bản, quy định của Chính phủ Việt Nam, Bộ GD&ĐT và thực tiễn thực hiện công tác hướng nghiệp của Việt Nam và quốc tế. Tầm nhìn hướng nghiệp trả lời cho các câu hỏi: CTHN hướng tới xây dựng năng lực hướng nghiệp gì cho học sinh (nam, nữ)? Chiến lược nào cần có? Các bên liên quan nào là cần thiết và có vai trò gì trong CTHN cho học sinh trung học?.

³ Tầm nhìn hướng nghiệp được VVOB Việt Nam hỗ trợ hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An xây dựng vào tháng 3 năm 2012

Tâm nhìn hướng nghiệp là cơ sở để định hướng cho việc xây dựng và thực hiện các hoạt động hướng nghiệp. Mục tiêu trong Tâm nhìn hướng nghiệp được xác định như sau:

- a. Ở cấp THCS, học sinh có thể khám phá bản thân “**Em là ai**”, và kết quả là học sinh có thể lựa chọn ban học ở cấp THPT (tự nhiên, xã hội v.v...) và cuối cùng là học sinh có kế hoạch nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT. Đối với những học sinh không thể tiếp tục học lên THPT, các em sẽ có tự tin và năng lực để chọn các chương trình đào tạo nghề và trường nghề phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS.
- b. Ở cấp THPT, học sinh có thể khám phá “**mình là ai**” về **năng lực, kĩ năng và điểm mạnh của bản thân**. Tiếp theo học sinh cần phải hiểu được các cơ sở lao động của địa phương và quốc gia, bao gồm thị trường lao động, nhu cầu của xã hội, các đặc điểm của nghề, quy mô và cơ cấu nhân lực tại địa phương v.v... Điều quan trọng nhất là học sinh hiểu rõ ràng các tác động từ xã hội, gia đình và các tác động khác ảnh hưởng tới sự lập kế hoạch về nghề nghiệp và ra quyết định nghề nghiệp của bản thân mình. Học sinh dần dần có thể xác định được các mục tiêu nghề nghiệp của mình, đưa ra các quyết định về nghề nghiệp một cách hợp lý, và cuối cùng là đánh giá và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp của bản thân mình một cách tốt nhất.

2. Năng lực hướng nghiệp cần thiết của học sinh trung học⁴.

Mục tiêu hướng nghiệp trong **Tâm nhìn hướng nghiệp** đã được cụ thể hóa bằng các năng lực hướng nghiệp cụ thể và thang đánh giá năng lực hướng nghiệp của học sinh ở mỗi khối, lớp theo ba khu vực: **1/ Nhận thức bản thân; 2/ Nhận thức nghề nghiệp; và 3/ Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp**. Mỗi khu vực gồm 3 năng lực và các năng lực này được xem như chuẩn đầu ra của học sinh sau khi tham gia các hình thức hướng nghiệp ở trường THCS, THPT.

Các chuẩn đầu ra này được đánh giá theo từng cấp độ ở từng khối lớp:

- Lớp 9: Học kiến thức
- Lớp 10: Vận dụng kiến thức
- Lớp 11: Hiểu rõ và áp dụng kiến thức vào trường hợp riêng của mình
- Lớp 12: Thực hành

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình của từng hình thức hướng nghiệp, có thể xác định sự tác động của từng hình thức hướng nghiệp tới việc đạt được các

⁴ Nguồn: Quản lí hướng nghiệp ở cấp trung học, ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu, ThS. Nguyễn Thị Châu, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2012. Người sử dụng có thể đọc thêm về Thang đánh giá năng lực hướng nghiệp của học sinh cũng trong tài liệu này.

năng lực hướng nghiệp của học sinh ở từng khu vực mà trong đó HĐGDNPT là một trong các hình thức hướng nghiệp.

Bảng 1. Năng lực hướng nghiệp cần thiết và các hình thức hướng nghiệp

Khu vực	Năng lực hướng nghiệp cần thiết	Hình thức hướng nghiệp
<p>Khu vực A: Nhận thức bản thân</p>	<p>Năng Lực 1 Xây dựng được kiến thức về bản thân trong bốn lĩnh vực: sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời.</p> <p>Năng Lực 2 Tìm hiểu bối cảnh gia đình, cộng đồng, Việt Nam, và thế giới, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời.</p> <p>Năng Lực 3 Xác nhận được mong muốn, ước mơ, hy vọng và mục tiêu đời mình, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời.</p>	<p>- HĐGDHN - HĐGDNPT</p> <p>- Qua các môn văn hóa - Tham quan, ngoại khóa</p> <p>Ngoài ra, qua các buổi sinh hoạt lớp, đoàn thể, ... học sinh có thể có thêm kiến thức để nhận thức rõ về bản thân</p>
<p>Khu vực B: Nhận thức nghề nghiệp</p>	<p>Năng Lực 4 Xây dựng kiến thức về các ngành học, các trường đại học, cao đẳng, nghề ở trong và ngoài nước, và dùng kiến thức này cho quyết định chọn ngành học và trường học sau khi hoàn tất lớp 9 và lớp 12.</p> <p>Năng Lực 5 Xây dựng kiến thức về nghề, các cơ quan, công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước, và dùng kiến thức này cho quyết định chọn nghề và nơi làm việc (công ty, cơ quan, nhà máy, v.v.) trong tương lai.</p> <p>Năng Lực 6 Đánh giá được vai trò của thông tin cũng như sử dụng được ảnh hưởng của thông tin đối với việc quyết định nghề nghiệp (chọn ngành học, trường học, loại công việc, và nơi làm việc công ty) của mình.</p>	<p>- HĐGDHN - HĐGDNPT</p> <p>- Qua các môn văn hóa, môn Công nghệ, tham gia lao động sản xuất - Tham quan, ngoại khóa</p> <p>Tìm hiểu thông tin trên các trang web, nói chuyện với người làm trong nghề</p>

Khu vực	Năng lực hướng nghiệp cần thiết	Hình thức hướng nghiệp
Khu vực C: Xây dựng Kế hoạch Nghề nghiệp	Năng Lực 7 Xác định mục tiêu nghề nghiệp Năng Lực 8 Hoạt động ngoại khóa và tham gia phục vụ cộng đồng để tạo thêm cơ hội nghề nghiệp. Năng Lực 9 Lập kế hoạch và từng bước thực hiện những bước trong kế hoạch nghề nghiệp	- HĐGDHN - Tham quan, ngoại khóa Ngoài ra, nếu thực hiện tốt yêu cầu GDHN qua HĐGDNPT cũng tác động tích cực tới năng lực xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của học sinh

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG

Nội dung và phương pháp GDHN qua HĐGDNPT theo cách tiếp cận hướng nghiệp lấy học sinh làm trung tâm được xây dựng nhằm mục đích xác định cơ sở để biên soạn tài liệu “**Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông**”. Nội dung này đã được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu các yếu tố hướng nghiệp trong chương trình HĐGDNPT hiện hành; Thực trạng và hiệu quả GDHN qua HĐGDNPT ở các CSGD của hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An; Các ý kiến đóng góp của đại diện Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, TTKTTHHN, trường THPT và THCS đã tham gia Hội thảo tham vấn về việc “Xây dựng kế hoạch cải thiện hoạt động giáo dục nghề phổ thông theo cách tiếp cận hướng nghiệp lấy học sinh làm trung tâm” do VVOB Việt Nam và Sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An và Quảng Nam tổ chức tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An hồi tháng 8 năm 2013.

Nội dung và phương pháp GDHN qua HĐGDNPT được cụ thể hoá trong Khung công việc cải thiện GDHN qua HĐGDNPT để trả lời các câu hỏi:

- Mục tiêu GDHN của NPT là gì?
- Cần phải làm gì để đáp ứng được mục tiêu GDHN của HĐGDNPT?
- Làm điều đó như thế nào?
- Ai sẽ thực hiện?
- Thực hiện khi nào?

Sau đây là các nội dung chủ yếu của “Khung công việc cải thiện nội dung và phương pháp giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông”.

4.1. Mục tiêu giáo dục hướng nghiệp của hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Sau khi tham gia HĐGDNPT, học sinh:

- Hiểu được vị trí, vai trò, triển vọng, những đặc điểm, yêu cầu của nghề; Xác định, đánh giá được sự phù hợp giữa sở thích, năng lực bản thân với yêu cầu của nghề cụ thể (mà học sinh tham gia học);
- Biết cách và có kĩ năng tìm hiểu thông tin nghề cần thiết; Hình thành và phát triển được các kĩ năng thiết yếu qua học nghề phổ thông;
- Phát triển hứng thú kĩ thuật; Có ý thức trong việc tìm hiểu nghề, định hướng nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

4.2. Năng lực hướng nghiệp học sinh cần đạt qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Qua các giai đoạn khác nhau của quá trình tham gia một HĐGDNPT, học sinh cần đạt được các năng lực hướng nghiệp nhất định. Các năng lực hướng nghiệp đạt được qua HĐGDNPT cũng sẽ là cơ sở để bổ sung, củng cố các năng lực hướng nghiệp mà học sinh có được qua những hình thức hướng nghiệp khác.

* **Giai đoạn 1 và 2:** Hai giai đoạn này tốt nhất là được thực hiện ở lớp 8, khi học sinh mới được học NPT ở cấp THCS. Những kiến thức này sẽ giúp học sinh đạt được các năng lực cần thiết cho việc tham gia HĐGDHN ở lớp 9.

* **Giai đoạn 3 và 4:** Hai giai đoạn này tốt nhất là được thực hiện ở lớp 11, khi học sinh tham gia HĐGDNPT ở cấp THPT. Những kiến thức này liên quan chặt chẽ với các kiến thức trong chương trình HĐGDHN ở cấp THPT.

Bảng 2: Năng lực hướng nghiệp học sinh cần đạt được qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Giai đoạn 1*	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
Học sinh nhận thức được ý nghĩa, vai trò của HĐGDNPT đối với việc chọn hướng học ở cấp học, bậc học cao hơn và chọn nghề.	Học sinh nêu được khái niệm và vai trò của các kĩ năng thiết yếu đối với việc hướng nghiệp; Có khả năng lực xác định được những kĩ năng thiết yếu đã có và những kĩ năng thiết yếu cần hình thành, rèn luyện trong quá trình tham gia học NPT.	Học sinh nhận thức được <i>sở thích và khả năng nghề nghiệp</i> của bản thân; Có năng lực đối chiếu sở thích, khả năng của bản thân với các NPT được dạy trong trường để lựa chọn NPT tham gia học; Đối chiếu sở thích và khả năng của bản thân với yêu cầu của nghề này trong thực tế để xác định sự phù hợp nghề của bản thân.	Học sinh có năng lực tìm hiểu, thu thập các thông tin nghề cần thiết và sử dụng các thông tin này cho việc chọn hướng học, chọn nghề.

4.3 Kiến thức và kỹ năng hướng nghiệp cần có của giáo viên dạy nghề phổ thông

Để giúp học sinh đạt được năng lực hướng nghiệp như nêu ở bảng 2, yêu cầu giáo viên cũng phải có các kiến thức và kỹ năng về hướng nghiệp như sau:

Bảng 3: Kiến thức và kỹ năng hướng nghiệp của giáo viên dạy nghề phổ thông

Giai đoạn 1*	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
Giáo viên nhận thức đầy đủ ý nghĩa, vai trò của HĐGDNPT đối với việc chọn hướng học, chọn nghề và phân luồng hợp lý học sinh sau THCS, THPT	Giáo viên hiểu rõ khái niệm và vai trò của kỹ năng thiết yếu trong HĐGDNPT	Giáo viên hiểu rõ lý thuyết mật mã Holland để giúp học sinh sử dụng kiến thức này vào việc tìm hiểu sự liên quan giữa các nhóm sở thích và khả năng với các NPT được dạy trong trường; với ban học ở bậc học cao hơn hoặc các ngành học ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học.	Giáo viên có kiến thức để giúp học sinh tìm hiểu, thu thập các thông tin nghề cần thiết và sử dụng các thông tin này cho việc chọn hướng học, chọn nghề.

Để học sinh đạt được những năng lực hướng nghiệp qua HĐGDNPT, cùng với các điều kiện về giáo viên tương ứng trong 4 giai đoạn nêu trên, các điều kiện về quản lý và hợp tác là rất cần thiết. Đó là:

- *Sở GD&ĐT chỉ đạo các trường áp dụng nội dung của tài liệu này và đưa khía cạnh hướng nghiệp vào kế hoạch kiểm tra đánh giá, giám sát HĐGDNPT;*
- *Các CSGD từ cấp Sở tới cấp trường tăng cường liên kết với các tổ chức, nhà máy, doanh nghiệp để tạo điều kiện trải nghiệm nghề cho học sinh;*
- *Các CSGD cộng tác với Hội Liên hiệp phụ nữ và các tổ chức phát triển dựa vào cộng đồng trong vùng để tăng cường hình thức GDHN qua HĐGDNPT.*

Các hỗ trợ này cần được kéo dài suốt 4 giai đoạn trong quá trình tổ chức HĐGDNPT

4. Nội dung và phương pháp hướng nghiệp đối với Hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Bảng 4: Nội dung giáo dục hướng nghiệp trong quá trình dạy và học nghề phổ thông

TT	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
1	Kỹ năng thiết yếu	Học sinh được học về các nhóm <i>kỹ năng thiết yếu</i> (mục 4, phần III). Học sinh cũng được học về vai trò quan trọng của kỹ năng thiết yếu trong phát triển nghề nghiệp. Những <i>kỹ năng thiết yếu</i> sinh học được trong NPT sẽ giúp cho sự phát triển nghề nghiệp của các em trong tương lai rất nhiều.	Học sinh làm phiếu đánh giá <i>kỹ năng thiết yếu</i> lúc bắt đầu và kết thúc khóa học NPT để có cơ sở đối chiếu, đánh giá những <i>kỹ năng thiết yếu</i> học sinh đã đạt được sau khi tham gia học NPT.
2	Trắc nghiệm sở thích và khả năng nghề nghiệp theo lí thuyết mật mã Holland	Học sinh được hướng dẫn làm trắc nghiệm theo lí thuyết mật mã Holland để tìm hiểu sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân Kết quả trắc nghiệm sẽ giúp học sinh lựa chọn được nhóm nghề mà mình yêu thích và có khả năng.	Cho học sinh làm trước khi đăng kí tham gia học 1 NPT do bản thân tự chọn
3	Tìm hiểu sự liên quan giữa các nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp theo lí thuyết mật mã Holland với các NPT được dạy trong trường; với các ban học ở cấp học cao hơn hoặc khối thi vào trường cao đẳng và đại học	Bước 1a: Trình bày mã của NPT được dạy trong trường, trong đó ghi rõ những nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp theo mật mã Holland cho mỗi nghề. Ví dụ: Nghề tin học văn phòng có nhóm sở thích NV-QL-KT (nghề nghiệp quản lí-kỹ thuật). Bước 1b: Học sinh so sánh nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân với sở thích và khả năng trong mã của NPT đã xác định ở bước 1a. Bước 2a: Trình bày bản có nội dung về mối liên hệ giữa các nhóm sở thích và khả năng theo mật mã Holland	Cho học sinh tìm hiểu và làm bài tập khi học bài 1

TT	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
		với các khối thi và ban học trong trường cao đẳng và đại học. Ví dụ: Người có nhóm NV, QL, và KT có thể thi vào ban khoa học tự nhiên hay ban khoa học cơ bản ở cấp THPT hoặc thi khối A Bước 2b: Học sinh so sánh nhóm sở thích và khả năng của bản thân với bản đã lập ở bước 2a.	
4	Tìm hiểu chi tiết về NPT phù hợp với sở thích và khả năng nghề nghiệp học sinh 1. Giới thiệu chung về nội dung sẽ được học trong NPT 2. Bản mô tả một công việc thuộc về NPT (ví dụ, mô tả công việc thư kí khi học nghề tin học văn phòng) 3. Một câu chuyện thật ngoài đời về công việc thuộc NPT này (ví dụ, nghề thư ký). 4. Vài nét về nhu cầu nhân lực của NPT này (ví dụ: nghề tin học văn phòng) ở thời điểm hiện tại trong vùng, quốc gia, và thế giới (nếu phù hợp). Lấy từ tài liệu giáo khoa về nghề Tin học văn phòng và các nguồn thông tin khác mà giáo viên có thể tự cập nhật, như trang dự báo nhân lực của TPHCM.	Học sinh chọn 2 NPT mà bản thân có sở thích và khả năng phù hợp. Sau đó học sinh thực hiện ND 4 bước ghi ở cột 2 để tìm hiểu những kiến thức liên quan đến 2 nghề ấy trước khi quyết định chọn NPT để học. Học sinh quyết định dựa trên hai yếu tố: 1/ Mình có thấy hứng thú để học NPT này không? 2/ Mình có khả năng thiên phú (tự nhiên) để học tốt NPT này không? Sau khi đã tìm hiểu, học sinh sẽ chọn một NPT để học. Học sinh học NPT đó với tâm thế mình đang tìm hiểu xem nó có phù hợp với mình không, chứ không phải học với ý tưởng rằng đây là nghề mình phải theo đuổi suốt đời.	Cho học sinh tìm hiểu trước khi đăng kí tham gia học 1 NPT do bản thân tự chọn và liên hệ trong suốt quá trình học NPT

TT	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
5	Hình thành, rèn luyện và phát triển các kĩ năng thiết yếu qua học NPT	Xác định những nội dung cụ thể trong tài liệu có liên quan đến việc hình thành và phát triển từng <i>kĩ năng thiết yếu</i> cho học sinh. Học sinh đánh giá <i>kĩ năng thiết yếu</i> của bản thân trước và sau khi tham gia HĐGDNPT	Trong suốt quá trình học sinh học NPT
6	Phát triển sở thích và khả năng học NPT cho học sinh qua các nội dung cụ thể trong tài liệu	Xác định các yêu cầu cần đạt về GDHN của các chủ đề/ bài học trong chương trình NPT; Các phương pháp, hình thức tổ chức HĐGDNPT để phát triển sở thích và khả năng của học sinh; Đưa yếu tố hướng nghiệp vào kiểm tra đánh giá kết quả HĐGDNPT	Trong suốt quá trình học sinh học NPT
7	Trải nghiệm thực tế NPT 1. Tìm hiểu và nghiên cứu dữ liệu về NPT qua sách báo, trang mạng, công cụ tìm kiếm google, v.v. 2. Tìm hiểu và nghiên cứu về NPT qua trò chuyện và phỏng vấn những người đang học ngành này ở trường nghề hay ở đại học, những người đang làm trong nghề này trong thực tế. 3. Tìm hiểu và nghiên cứu về NPT qua công việc làm thêm hay những cơ hội làm tình nguyện viên cho các sự kiện, công ty, v.v...	Học sinh thực hiện nội dung 3 bước ghi ở cột 2 để tìm hiểu thực tế xem NPT này có phù hợp với mình không. Nếu có thì vì sao, và phù hợp ở những điểm nào?. Nếu không thì vì sao và không phù hợp ở những điểm nào?	Cho học sinh làm ngay từ khi bắt đầu và kéo dài trong suốt quá trình tham gia học NPT.
8	Đánh giá sự phù hợp của bản thân với NPT 1. Kết quả của phiếu trắc nghiệm sở thích và khả năng	Học sinh tự đánh giá sự phù hợp của bản thân với NPT theo 2 bước ghi ở cột 2. Sau theo mật mã Holland từ phần	Tổ chức cho học sinh đánh giá sau khi học xong NPT

TT	Giai đoạn 2*	Giai đoạn 3*	Giai đoạn 4*
	<p>2 ở trên có đúng không? Nếu không thì mật mã nào chính xác hơn đối với sở thích và khả năng của bản thân học sinh ở thời điểm này?</p> <p>2. NPT mà học sinh đã chọn có phù hợp với bản thân không? Nếu có thì bao nhiêu phần trăm? Nếu không thì vì sao, và có phần nhỏ nào trong NPT phù hợp với học sinh không?</p>	<p>đó chuyển sang giai đoạn tìm hiểu hướng nghiệp bên tư vấn hướng nghiệp để định hướng học và nghề nghiệp trong tương lai.</p>	
9	<p>Đánh giá những <i>kỹ năng thiết yếu</i> đã học được trong NPT đã .</p>	<p>Học sinh làm bài tập để phát hiện những <i>kỹ năng thiết yếu</i> bản thân đã học và rèn luyện được trong suốt thời gian học NPT.</p> <p>Điểm quan trọng ở đây là giáo viên cho học sinh thấy rằng, dù học NPT nào và NPT đó có phù hợp với sở thích và khả năng của học sinh hay không, học sinh vẫn học được những <i>kỹ năng thiết yếu</i> quan trọng và hữu ích cho nghề nghiệp tương lai. Ví dụ, học sinh có thể phát hiện ra mình không phù hợp với nghề tin học văn phòng như lúc đầu đã nghĩ, nhưng những <i>kỹ năng thiết yếu</i> học được từ nghề này (như kỹ năng sử dụng máy vi tính để soạn văn bản, kỹ năng sắp xếp thông tin trên máy vi tính, kỹ năng liên lạc với người khác qua email và mạng xã hội, v.v...) sẽ rất hữu ích cho bất cứ nghề nghiệp nào học sinh sẽ làm trong tương lai.</p>	<p>Tổ chức cho học sinh làm bài tập và phiếu đánh giá sau khi học xong NPT</p>

Ngoài ra, giáo viên dạy NPT cần có nhạy cảm giới để tránh các ĐK và KMG trong việc hướng dẫn học sinh học NPT.

PHẦN

2

MỘT SỐ KIẾN THỨC
CƠ BẢN
VỀ HƯỚNG NGHIỆP

I. GIỚI THIỆU

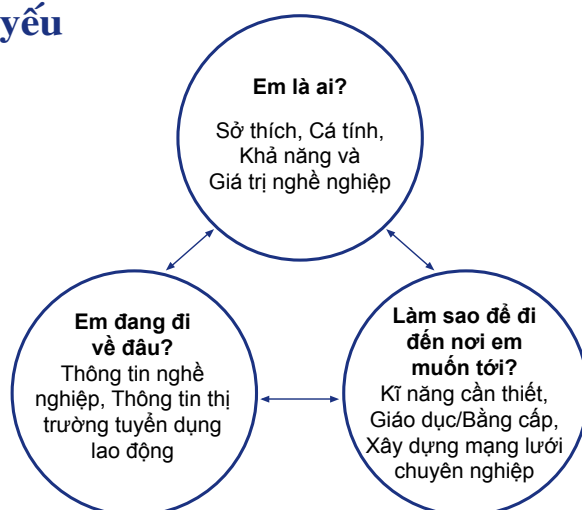
Qua các nội dung được trình bày ở phần 1, đặc biệt là các nội dung ở mục III phần 1 cho thấy, để thực hiện được yêu cầu GDHN qua HĐGDNPT, giáo viên dạy NPT không những phải có kiến thức, kỹ năng nghề vững vàng mà còn phải có trình độ và năng lực thực hiện những nội dung hướng nghiệp liên quan chặt chẽ với HĐGDNPT. Do vậy, việc tìm hiểu để hiểu rõ và vận dụng được những kiến thức cơ bản về hướng nghiệp, đặc biệt là các lý thuyết hướng nghiệp có liên quan chặt chẽ với HĐGDNPT vào quá trình tổ chức HĐGDNPT là rất cần thiết đối với mỗi giáo viên dạy NPT.

Trước khi đọc các nội dung cụ thể trong phần 2, xin được lưu ý: giáo viên dạy NPT có thể giới thiệu những lý thuyết dưới đây cho học sinh theo một trình tự khác với phần trình bày sau đây, tùy vào cảm nhận và hiểu biết của mỗi thầy cô. Điều quan trọng là cách các thầy cô liên kết các lý thuyết với nhau, và chỉ cho học sinh thấy được sự liên quan mật thiết giữa các lý thuyết đều vì một mục tiêu chung là giúp các em lập ra được một kế hoạch nghề nghiệp hiệu quả cho bản thân.

II. QUY TRÌNH HƯỚNG NGHIỆP⁵

GDHN là một quá trình lâu dài, được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau theo một quy trình đã được xác định nhằm “giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội”.⁶

1. Nội dung chủ yếu



Hình 1. Quy trình hướng nghiệp

⁵ Để giúp học sinh trả lời các câu hỏi nhằm hoàn tất 3 bước trong quy trình hướng nghiệp, giáo viên NPT có thể tham khảo thêm “tài liệu bổ sung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9 và lớp 10, 11 và 12”, VVOB, 2013

⁶ Nguồn: Điều 3 - Nghị định 75/ 2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục

Quy trình hướng nghiệp gồm 3 bước:

- **Bước 1:** Là bước đầu tiên, **quan trọng nhất** cần làm trong hướng nghiệp là giúp cho học sinh trả lời được câu hỏi: *Em là ai?* trên cơ sở hướng dẫn học sinh khám phá bản thân qua những bài tập suy ngẫm, các bài trắc nghiệm và tư vấn cá nhân.
- **Bước 2:** Giúp học sinh trả lời được câu hỏi: *Em đang đi về đâu?* trên cơ sở hướng dẫn học sinh tìm hiểu thông tin nghề nghiệp qua các bài tập tìm hiểu nghề, qua trải nghiệm, qua các trang web, qua làm các bài tập phỏng vấn nghề nghiệp và qua tư vấn cá nhân.
- **Bước 3:** Giúp học sinh trả lời được câu hỏi: *Làm sao để đi đến nơi em muốn tới?* trên cơ sở hướng dẫn, hỗ trợ học sinh lập kế hoạch nghề nghiệp để theo đó thực hiện nhằm đạt được mục tiêu nghề nghiệp.

Quy trình hướng nghiệp có thể được lặp đi lặp lại trong những giai đoạn khác nhau của cuộc đời mỗi người. Đặc điểm của **quy trình hướng nghiệp** là bước 1, bước 2 và bước 3 có ảnh hưởng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Kết quả thực hiện bước trước là cơ sở để thực hiện bước sau. Ngược lại, kết quả thực hiện bước sau có thể giúp học sinh nhìn nhận, đánh giá lại kết quả thực hiện bước đã thực hiện trước đó để có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ, sau khi lập kế hoạch nghề nghiệp (bước 3), học sinh có thể nhận ra mình chưa hiểu rõ về thị trường tuyển dụng lao động (bước 2) hoặc nhận ra mình chưa hiểu rõ về bản thân (bước 1). Trong trường hợp này, học sinh có thể quay trở lại thực hiện bước 2 hoặc bước 1 trước khi hoàn tất bước 3. Các em cần lưu ý tránh sự ảnh hưởng có thể của các yếu tố định kiến và khuôn mẫu giới khi thực hiện 3 bước trong quy trình lập kế hoạch của bản thân.

2. Ý nghĩa

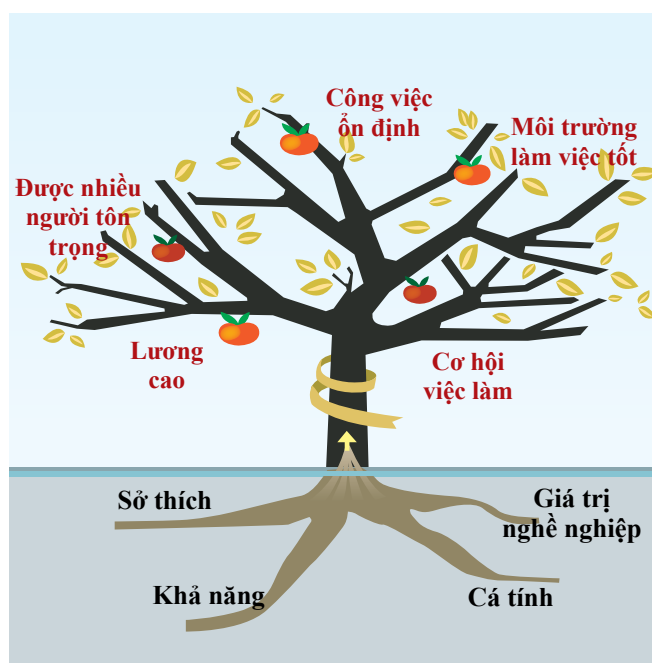
Quy trình hướng nghiệp là cơ sở quan trọng để xác định các công việc cần làm và các bước đi cụ thể trong CTHN nói chung, HGDNPT nói riêng. Đối với giáo viên dạy NPT, **quy trình hướng nghiệp** giúp mỗi người nhìn thấy trước những nhiệm vụ GDHN cần thực hiện qua các chủ đề/ bài học trong chương trình HGD NP và bước đầu đưa ra được định hướng để tiến hành GDHN.

III. LÝ THUYẾT CÂY NGHỀ NGHIỆP

1. Nội dung chủ yếu

Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người đóng vai trò rất quan trọng trong việc chọn hướng học, chọn nghề phù hợp và nó được coi là phần

“**Rễ**” của cây nghề nghiệp. Rễ có khỏe thì cây mới khỏe và ra hoa, kết trái như mong muốn của người trồng cây. Vì vậy, muốn lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, trước hết phải hiểu rõ *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân và phải dựa vào chính những hiểu biết này để lựa chọn nghề nghiệp. Nói cách khác là phải chọn nghề theo “**rễ**” vì đây là yếu tố có ảnh hưởng mang tính quyết định tới sự **kết trái** của cây nghề nghiệp. Thực tế đã chứng minh, những người quyết tâm chọn nghề và theo đuổi nghề phù hợp với “**rễ**” sẽ có nhiều khả năng thu được những “**quả ngọt**” trong hoạt động nghề nghiệp như: Có cơ hội việc làm cao, được nhiều người tôn trọng, lương cao, công việc ổn định... Tuy nhiên, giáo viên cần lưu ý các yếu tố định kiến và khuôn mẫu giới trong quá trình hình thành các “**rễ**” cây nghề nghiệp của học sinh.



Hình 2. Mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp

2. Ý nghĩa

Lí thuyết Cây nghề nghiệp là lí thuyết quan trọng nhất trong hướng nghiệp vì lí thuyết này đã chỉ ra rằng, công việc đầu tiên cần làm trong CTHN là phải giúp cho học sinh nhận thức đầy đủ về bản thân để các em chọn được nghề phù hợp với “**rễ**”, tránh được tình trạng chọn nghề theo “**quả**”, chọn nghề theo cảm tính, theo ý kiến của người khác hoặc chọn nghề theo trào lưu chung.

Trong trường phổ thông, việc GDHN cho học sinh dựa vào **lí thuyết cây nghề nghiệp** rất quan trọng. Phần lớn các em khi được hỏi: “**Vì sao em học ngành này hay thích nghề này?**”, câu trả lời thường là: “**Vì công việc này hiện đang được**

xem là nóng trong thị trường”, hay “Vì cơ hội việc làm của công việc này cao”, hoặc “Công việc này trả lương tương đối cao so với các việc khác”... Những câu trả lời trên cho thấy những em học sinh đó đã chọn nghề theo “trái”, không chọn nghề theo “rễ” của cây nghề nghiệp. Điều này là không nên bởi những “trái ngọt” của cây nghề nghiệp chỉ có được khi các em được làm công việc phù hợp với sở thích và khả năng của bản thân, hay còn gọi là “gốc rễ” của cây nghề nghiệp. Một công việc có thể được xem là rất thịnh hành không có nghĩa là ai học nó ra cũng có việc làm tốt. Doanh nghiệp chỉ tuyển dụng những người lao động có đam mê và khả năng phù hợp với vị trí công việc chứ không tuyển dụng người nào đó chỉ vì họ đã tốt nghiệp ở ngành nghề “hot”. Việc học và tốt nghiệp một ngành nào đó không đủ để chứng minh là người đó có khả năng làm việc tốt ở vị trí tuyển dụng. Trong thực tế đã có không ít trường hợp người lao động bị cho thôi việc sau thời gian thử việc do không chứng minh được sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân ở vị trí công việc được giao.

Hiện nay, HĐGDNPT được chính thức đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nhằm tạo cơ hội cho học sinh được thử sức mình trong một nghề cụ thể, qua đó giúp học sinh hiểu rõ hơn sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân để có cơ sở chọn nghề tương lai phù hợp. Vì vậy, một trong những yêu cầu mà giáo viên dạy NPT cần quan tâm thực hiện ngay từ khi bắt đầu tổ chức HĐGDNPT cho đến khi kết thúc khóa học là giúp học sinh xác định được và hiểu rõ sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân thông qua việc thực hiện những nội dung nghề cụ thể trong chương trình.

Ví dụ: Khi dạy các bài học trong phần 3 - Hệ soạn thảo văn bản Word - giáo viên cần làm cho học sinh thấy được bản thân có thực sự hứng thú đối với các công việc soạn thảo văn bản hay không? Khả năng lĩnh hội và hình thành các kĩ năng cơ bản khi làm việc với hệ soạn thảo văn bản Word đạt đến mức nào? Bản thân có khả năng rèn luyện để có năng lực sử dụng máy vi tính thành thạo, đảm bảo gõ bàn phím đạt tốc độ 60 - 70 từ/ phút đối với tiếng Việt, 50 từ/ phút đối với tiếng Anh hay không?...

Chú ý: Trong môi trường của giáo dục phổ thông, vì thời gian có hạn nên HĐGDNPT chỉ cần giúp các em tìm hiểu “sở thích nghề nghiệp” và “khả năng nghề nghiệp”, nói cách khác là tìm hiểu hai rễ của cây nghề nghiệp cũng đủ để giúp các em có những quyết định chọn ngành, ban học, nơi đào tạo hay nghề nghiệp tương lai.

IV. LÝ THUYẾT MẬT MÃ HOLLAND

1. Nội dung chủ yếu

Lí thuyết Mật mã Holland (Holland codes) được phát triển bởi nhà tâm lí học John Holland (1919-2008). Ông là người nổi tiếng và được biết đến rộng rãi nhất qua nghiên cứu lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp. Ông đã đưa ra lí thuyết **RIASEC** dựa trên 8 giả thiết, trong đó có 5 giả thiết cơ bản và một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp như sau:

1/ Bất kì ai cũng thuộc vào một trong 6 kiểu người đặc trưng sau đây: Realistic (**R**) - tạm dịch là **người thực tế/nhóm kĩ thuật (KT)**; Investigate (**I**) - tạm dịch là **nhà nghiên cứu/nhóm nghiên cứu (NC)**; Artistic (**A**) - **Nghệ sĩ/nhóm nghệ thuật (NT)**; Social (**S**) - tạm dịch là **người công tác xã hội/nhóm xã hội (XH)**; Enterprising (**E**) - Tạm dịch là **người dám làm/nhóm quản lý (QL)**; Conventional (**C**) tạm dịch là **người tuân thủ/nhóm nghiệp vụ (NV)**. 6 chữ cái của 6 kiểu người đặc trưng gộp là thành chữ RIASEC.

Những người thuộc cùng một kiểu người có sở thích tương đối giống nhau: Người mang mã XH (code S) XH rất thích tiếp xúc với người và thấy khó khăn khi tiếp xúc với vật thể; người mã QL (code E) thì thích tiếp xúc với dữ liệu và người, trong khi kiểu người có mã NC (code I) lại thích tiếp cận với ý tưởng và vật thể; người mã NV (code C) thích tiếp xúc với dữ liệu và vật thể; người mã NT (code A) thích tiếp xúc với ý tưởng và người.

2/ Có 6 loại môi trường tương ứng với 6 kiểu người nói trên. Môi trường tương ứng với kiểu người nào thì kiểu người ấy chiếm đa số trong số người thành viên của môi trường ấy. Ví dụ: môi trường có hơn 50% số người có mã XH (code S) trội nhất thì đó là môi trường loại XH.

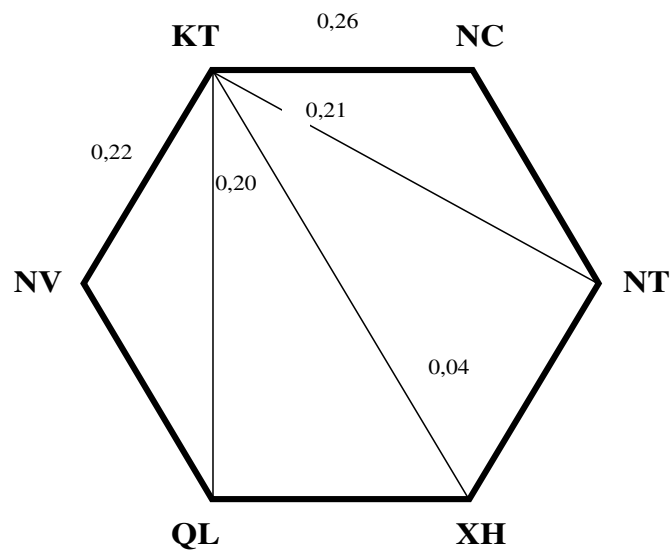
3/ Ai cũng tìm được môi trường phù hợp cho phép mình thể hiện được kĩ năng, thái độ và hệ thống giá trị của mình

4/ Thái độ ứng xử của con người được quy định bởi sự tương tác giữa kiểu người của mình với các đặc điểm của môi trường. Ví dụ, người mang mã NT (code A) được tuyển chọn vào môi trường NT (A) sẽ dễ dàng cảm thông với người xung quanh, mau chóng bắt nhịp với công việc, được đồng nghiệp tin yêu và có nhiều cơ hội thành công trong công việc.

5/ Mức độ phù hợp giữa một người với môi trường có thể được biểu diễn trong mô hình lục giác Holland⁷.

⁷ Xem sách The Self-Directed Search and Related Holland-Career Materials của Robert C. Reardon và Janet G. Lenz, PAR 1998, Lutz, trang 16

Có 4 mức phù hợp giữa kiểu người và loại môi trường: Kiểu người nào làm việc trong môi trường này là mức phù hợp cao nhất, ví dụ như kiểu người NT làm việc trong môi trường NT; người nào làm việc trong môi trường cận kề với kiểu người của mình (cùng một cạnh của lục giác), ví dụ như KT-NC (người kiểu KT làm việc trong môi trường NC) là mức độ phù hợp thứ nhì; Người nào làm việc trong môi trường cách 1 đỉnh của lục giác, ví dụ NC-NV (kiểu người NC làm việc trong loại môi trường NV) sẽ có mức phù hợp thứ 3; còn kiểu ít phù hợp nhất là khi kiểu người và loại môi trường nằm ở 2 đỉnh đối xứng trong lục giác Holland, ví dụ KT-XH hay QL-NC hay NT-NV⁸.



Hình 3. Mô hình lục giác Holland

Từ những giả thiết của lí thuyết Holland trên, có thể rút ra 2 kết luận sau:

1/ Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách và có sáu môi trường hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: Nhóm kĩ thuật (KT); Nhóm nghiên cứu (NC); Nhóm nghệ thuật (NT); Nhóm xã hội (XH); Nhóm quản lí (QL); Nhóm nghiệp vụ (NV)⁹.

⁸ Đã có những cuộc thử nghiệm khoa học đo độ tương quan giữa kiểu người với loại môi trường; kết quả như sau: R-I= 0.26; R-A= 0.21; R-S=0.02; R-E= 0.20; R-C=0.22; A-C=0.02; v.v... Xem sách Self-Directed Search Technical Manual của J. Holland, Fritzsche, Powell, PAR 1994, Odessa, trang 4.

⁹ Thuyết RIASEC được TS. Nguyễn Ngọc Tài- Viện nghiên cứu giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu và chuyển sang tiếng Việt thành 6 nhóm: Nhóm Kỹ thuật (KT)- tương ứng với kiểu R, Nhóm Nghiên cứu (NC))- tương ứng với kiểu I, Nhóm Nghệ thuật (NT))- tương ứng với kiểu A, Nhóm Xã hội (XH))- tương ứng với kiểu S, Nhóm Quản lí (QL))- tương ứng với kiểu E và Nhóm Nghiệp vụ (NV))- tương ứng với kiểu C. Trong tài liệu này sẽ dùng 6 nhóm tính cách đã được Việt hóa theo kết quả nghiên cứu của TS. Nguyễn Ngọc Tài.

2/ *Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ, thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp.* Nói cách khác: Những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình, hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc.

Trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm gọn trong một nhóm tính cách mà thường là sự kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn, ví dụ: NC KT, NT XH... Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét ở nhiều hơn một nhóm tính cách.

Giáo viên đọc nội dung của từng nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland ở **phụ lục 2** để hiểu sâu hơn về lí thuyết này.

2. Ý nghĩa

Lí thuyết mật mã Holland có liên quan rất chặt chẽ với **Lí thuyết cây nghề nghiệp** vì sử dụng **Lí thuyết mật mã Holland** là một trong những cách giúp học sinh biết được *sở thích và khả năng nghề nghiệp* của bản thân và những nghề nghiệp phù hợp nhanh nhất, dễ làm nhất.

Vì lẽ đó, trước khi tổ chức cho học sinh học NPT, nhà trường và giáo viên dạy NPT nên tổ chức cho học sinh làm trắc nghiệm tìm hiểu sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân theo **Lí thuyết mật mã Holland**. Kết quả tìm hiểu bản thân là cơ sở quan trọng để các em dựa vào đó lựa chọn NPT theo học cho phù hợp.

Ví dụ: Những học sinh có kết quả làm trắc nghiệm thuộc nhóm Kỹ thuật, bản thân lại có mơ ước trở thành kĩ sư điện thì có thể đăng kí học nghề Điện dân dụng; Những học sinh có kết quả làm trắc nghiệm thuộc nhóm Nghiệp vụ và nhóm Xã hội, bản thân lại có mơ ước trở thành Thư kí văn phòng thì có thể đăng kí học nghề Tin học văn phòng...

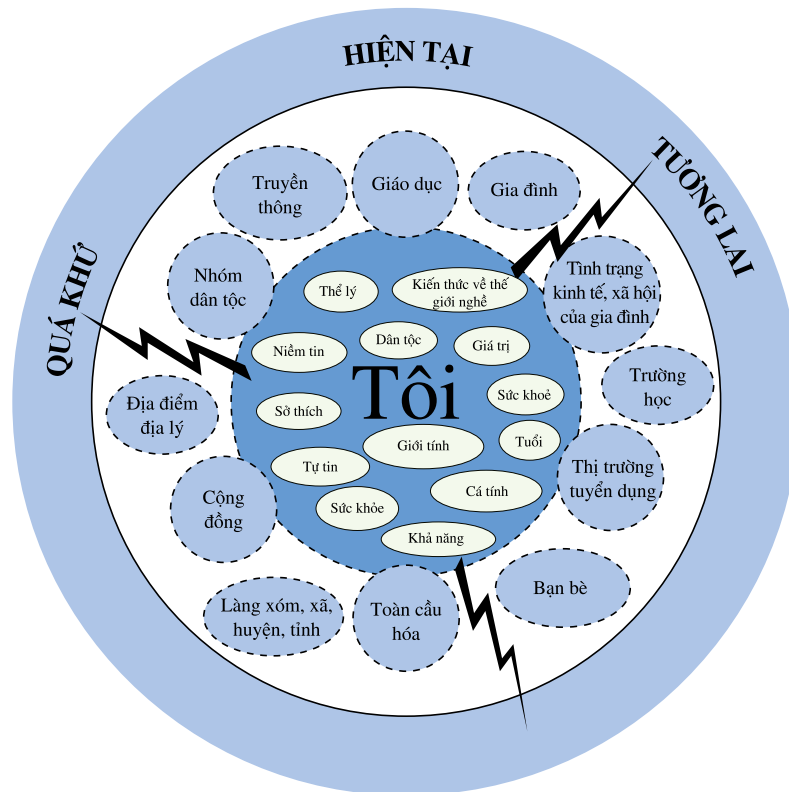
Chú ý: *Khi sử dụng trắc nghiệm theo lí thuyết mật mã Holland, các thầy cô nên chú ý về những trường hợp ngoại lệ, gồm có: a. Người thích hợp cả 6 nhóm, b. Người không thuộc về nhóm nào, c. Người thuộc về hai nhóm đối nghịch nhau. Để chuẩn bị cho việc tư vấn những trường hợp này, thầy cô nên đọc sâu và nghiên cứu kỹ hơn lí thuyết mật mã Holland trong phần phụ lục, và nên làm việc riêng với các em thuộc trường hợp ngoại lệ để tránh làm những học sinh khác bị ảnh hưởng. Quan trọng nhất là thầy cô phải nhớ rằng, **trắc nghiệm là một công cụ để khơi gợi suy nghĩ và nhận thức của mỗi người, chứ không phải là câu trả lời chính xác cho các câu hỏi về hướng nghiệp.***

Các trường hợp đặc biệt:

- **Một người thuộc cả sáu nhóm:** Là những người sau khi làm trắc nghiệm thấy mình có sở thích và khả năng rộng, trải đều cả sáu nhóm. Thông thường những người có đặc điểm này phải mất một thời gian dài mới tìm được công việc mình thực sự yêu thích. Cũng có trường hợp, họ sẽ làm một số công việc cùng một lúc.
- **Một người không thuộc về nhóm nào:** Là những người thấy mình có sở thích và khả năng rất thấp ở tất cả các nhóm, gần như không nổi trội ở nhóm nào. Thông thường, những người có đặc điểm này cần phải có cơ hội trải nghiệm thêm ở những môi trường hoạt động khác nhau trước khi hiểu được bản thân hơn. Có những trường hợp, các em học sinh có các khả năng trong mỹ thuật, âm nhạc và thủ công mỹ nghệ nhưng không được gia đình khuyến khích hoặc chưa bao giờ có cơ hội tiếp cận với những lĩnh vực này thì khó mà biết được những *sở thích và khả năng nghề nghiệp* của mình.
- **Một người thuộc về hai nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp đối lập nhau:** Là những người có *sở thích và khả năng nghề nghiệp* ở các nhóm đối lập nhau, ví dụ như NV và NT; XH và KT; QL và NC. Thông thường những người có đặc điểm này thường cảm thấy mâu thuẫn với chính bản thân vì các đặc điểm của hai nhóm đối lập rất khác nhau. Những người này sau khi hiểu được bản thân và học được cách kết hợp, dung hòa giữa hai nhóm sẽ tìm được câu trả lời cho mục tiêu nghề nghiệp của đời mình.

Khi gặp các trường hợp trên thì giáo viên không nên cho các em một câu trả lời khẳng định. Điều quan trọng là giáo viên cần hiểu rằng, trắc nghiệm, đặc biệt là trắc nghiệm trong *nguyên cứu tự định hướng nghề nghiệp* là công cụ để giúp học sinh bắt đầu tự hỏi về bản thân, về thế giới nghề nghiệp. Nếu các em cảm thấy lo lắng thì đó là dấu hiệu tốt. Vì vậy, giáo viên cần hiểu rõ lý thuyết mật mã Holland và dùng nó để hướng dẫn, tư vấn về việc chọn ngành học, trường học và nghề nghiệp tương lai cho các em.

V. LÝ THUYẾT HỆ THỐNG¹⁰



Hình 4. Mô hình lí thuyết hệ thống

1. Nội dung chủ yếu

Mỗi người là một cá thể sống trong một hệ thống phức tạp, đa dạng và chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Ở mức độ cá nhân, những ảnh hưởng ấy đến từ bên trong, gồm khả năng, sở thích, cá tính, giá trị, tuổi tác, giới tính, sức khỏe... Ở mức độ xã hội, những ảnh hưởng ấy là cha mẹ, các thành viên khác trong gia đình, bạn bè, hệ thống truyền thông, mạng xã hội, định kiến và khuôn mẫu giới... Và, ở mức độ môi trường xã hội, những tác động, ảnh hưởng ấy là vị trí địa lý, hoàn cảnh kinh tế - xã hội, toàn cầu hóa, định kiến và khuôn mẫu giới... Những quyết định trong quá khứ của mỗi người sẽ ảnh hưởng đến hiện tại, và những quyết định trong thời điểm hiện tại sẽ ảnh hưởng đến tương lai. Sự ảnh hưởng hoặc tác động của từng yếu tố chủ quan và khách quan đối với quyết định chọn nghề của mỗi người không như nhau vì nó còn tùy thuộc vào từng thời điểm, vào nhận thức, điều kiện, khả năng và phản ứng của mỗi người trước từng yếu tố. Các yếu tố trong lí thuyết hệ thống đều có nguy cơ bị tác

¹⁰ Nguồn: McMahon, M., & Patton, W. (2006) Career Development and Systems Theory. The Netherlands: Sense Publishers

động bởi định kiến giới và khuôn mẫu giới. Giáo viên NPT cần lưu ý khi hướng dẫn học sinh.

Ví dụ 1: Một học sinh có sở thích và khả năng thiết kế, cắt may quần áo thời trang nhưng nhà trường không có đủ điều kiện về thiết bị và giáo viên để tổ chức dạy nghề này nên em không thể học NPT cắt may được. Tuy nhiên, em vẫn vui vẻ đăng kí học NPT khác mà nhà trường tổ chức dạy và nuôi ước mơ sẽ thi vào ngành thiết kế thời trang sau khi tốt nghiệp THPT.

Ví dụ 2: Một học sinh có học lực trung bình, rất thích học nghề điện dân dụng để sau khi tốt nghiệp phổ thông có thể học tiếp để trở thành thợ điện, nhưng cha mẹ em không đồng ý, yêu cầu em phải tập trung vào học văn hóa để thi vào trường đại học quản trị - kinh doanh. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới tâm thế học NPT của em học sinh này trong thời điểm hiện tại mà có thể còn ảnh hưởng lâu dài tới con đường nghề nghiệp của em trong tương lai.

2. Ý nghĩa

Từ lí thuyết hệ thống cho thấy, việc học NPT cũng như việc chọn nghề của học sinh không chỉ phụ thuộc vào yếu tố chủ quan mà chịu sự ảnh hưởng/ tác động mạnh mẽ của các yếu tố khách quan như tác động từ gia đình, ý kiến của bạn bè, trào lưu của xã hội, giới, phong tục tập quán ở địa phương...

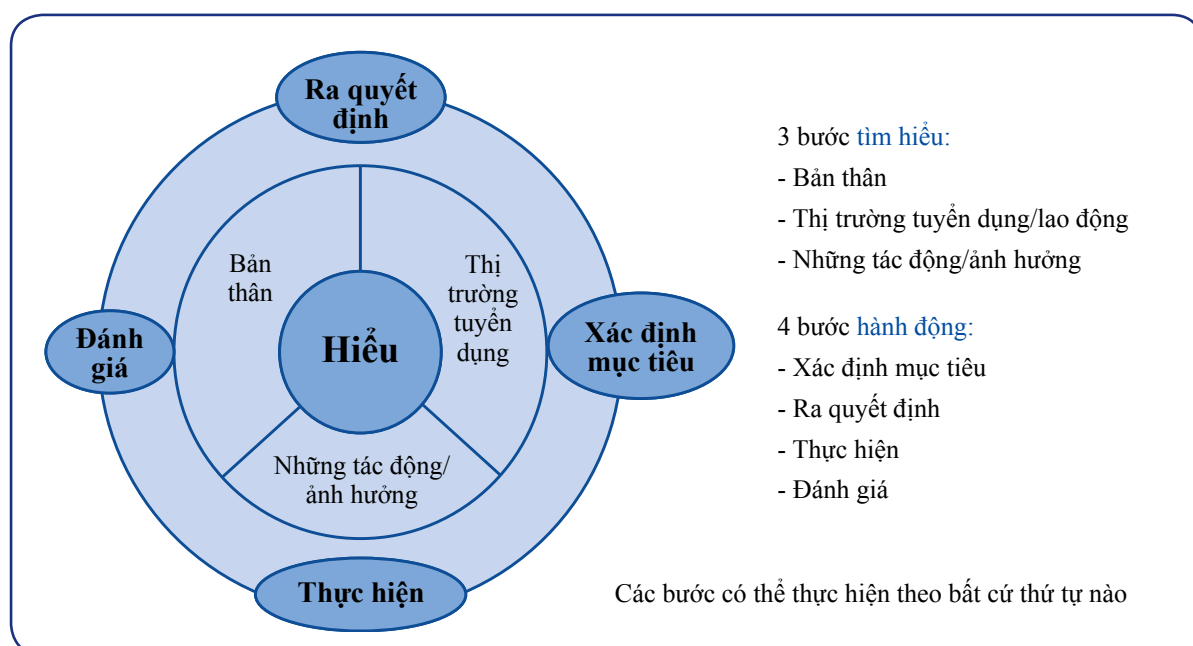
Vì vậy, khi tổ chức HĐGDNPT, giáo viên dạy NPT nên quan tâm tìm hiểu những tác động/ ảnh hưởng đang xảy ra trong hệ thống, nhất là những tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc đăng kí và tâm thế học NPT của học sinh cũng như những hệ quả mà những tác động ấy mang lại. Từ đó đưa ra các biện pháp GDHN nhằm giúp học sinh nhận thức được ý nghĩa của việc học NPT và tích cực tham gia học tập, rèn luyện để làm cho quá trình tìm hiểu nghề đạt hiệu quả.

Chú ý: *Giáo viên dạy NPT cần chú ý thêm hai điểm trong lí thuyết hệ thống. Một là, các đặc tính của mỗi cá nhân, theo thời gian, sẽ ảnh hưởng đến các yếu tố của xã hội và cộng đồng bên ngoài. Nói một cách khác, những đặc điểm bên trong mỗi cá nhân sẽ tương tác và ảnh hưởng tới các đặc điểm bên ngoài của xã hội và ngược lại. Ví dụ, những người lao động sinh vào thập niên 1980 sẽ có những giá trị nghề nghiệp khác với thế hệ cha mẹ của họ, và do đó, khi họ đi làm một thời gian dài, vào những vị trí nắm quyền quyết định, họ sẽ từ từ thay đổi môi trường làm việc, phương pháp tuyển dụng, văn hóa làm việc, v.v... Hai là, yếu tố may mắn đóng vai trò khá quan trọng trong lí thuyết hệ thống. Chúng ta sẽ nhắc đến yếu tố may mắn sâu hơn trong lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch dưới đây.*

VI. MÔ HÌNH LẬP KẾ HOẠCH NGHỀ

1. Nội dung chủ yếu

Mô hình lập kế hoạch nghề gồm 7 bước, cần lưu ý, 7 bước này đều có thể bị ảnh hưởng bởi định kiến và khuôn mẫu giới. Các bước này được chia làm 2 phần: 3 bước tìm hiểu và 4 bước hành động theo sơ đồ trong hình 3 dưới đây:



Hình 5. Mô hình lập kế hoạch nghề

Ba bước tìm hiểu trong Mô hình lập kế hoạch nghề:

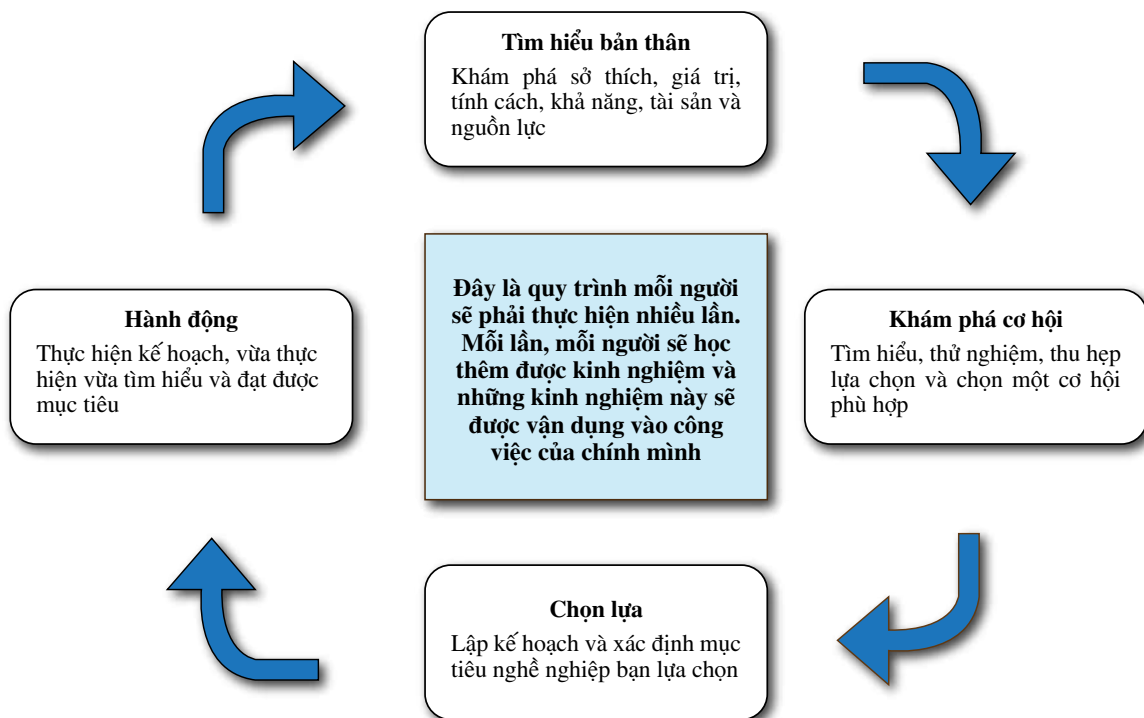
- Bước đầu tiên và quan trọng nhất là học sinh tìm hiểu bản thân để hiểu rõ *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp*.
- Bước thứ hai là học sinh tìm hiểu *thị trường tuyển dụng lao động* để biết những công việc, những nghề đang có ở thị trường trong vùng, quốc gia, và quốc tế; Yêu cầu của những nghề đó đối với người lao động; Những nghề đang được xem là có tiềm năng trong tương lai; Những *kỹ năng thiết yếu* mà người lao động cần phải có khi tham gia hoạt động nghề...
- Bước thứ ba là tìm hiểu những *tác động/ ảnh hưởng* tới bản thân các em khi chọn hướng học, chọn nghề, từ gia đình đến hoàn cảnh kinh tế xã hội bởi việc chọn hướng học, chọn nghề không phụ thuộc hoàn toàn vào bản thân học sinh mà còn chịu tác động/ ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan, nhất là hoàn cảnh gia đình và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Sau khi hoàn tất ba bước tìm hiểu, học sinh có đủ kiến thức để bắt đầu **bốn bước hành động**, gồm:

- Xác định mục tiêu nghề nghiệp của bản thân;
- Ra quyết định nghề nghiệp;
- Thực hiện quyết định nghề nghiệp;
- Đánh giá xem quyết định nghề nghiệp có thực sự phù hợp với bản thân các em hay không.

Tất cả bảy bước trên có thể được hiện theo bất cứ thứ tự nào, miễn sao phù hợp với nhu cầu, khả năng của mỗi học sinh.

Để hiểu rõ hơn **mô hình lập kế hoạch nghề**, giáo viên có thể xem thêm sơ đồ sau:



Hình 6. Sơ đồ vòng nghề nghiệp

2. Ý nghĩa

Mô hình lập kế hoạch nghề là một trong các lí thuyết cơ bản của CTHN cho học sinh phổ thông vì nó chỉ ra các bước đi và những công việc cụ thể mà những người làm CTHN và học sinh cần theo đó để thực hiện. Nếu ví CTHN như công trình xây dựng một ngôi nhà thì **mô hình lập kế hoạch nghề** sẽ là móng của ngôi nhà đó. Vì lẽ đó, hiểu rõ về các bước trong **mô hình lập kế hoạch nghề** và tổ chức thực hiện từng bước, nhất là **3 bước tìm hiểu** có hiệu quả sẽ tạo cơ sở vững chắc cho việc chọn hướng học, chọn ngành, chọn nghề của học sinh.

HĐGDNPT là một hình thức GDHN có nhiều lợi thế trong việc giúp học sinh thực hiện bước tìm hiểu nghề và thị trường tuyển dụng lao động của nghề trong **mô hình xây dựng kế hoạch nghề nghiệp**. Vì vậy, nếu giáo viên chú ý thực hiện các yêu cầu, nội dung GDHN qua HĐGDNPT sẽ tác động rất tích cực vào kết quả thực hiện các bước, đặc biệt là bước 2 trong **Mô hình lập kế hoạch nghề**.

VII. LÝ THUYẾT VỊ TRÍ ĐIỀU KHIỂN

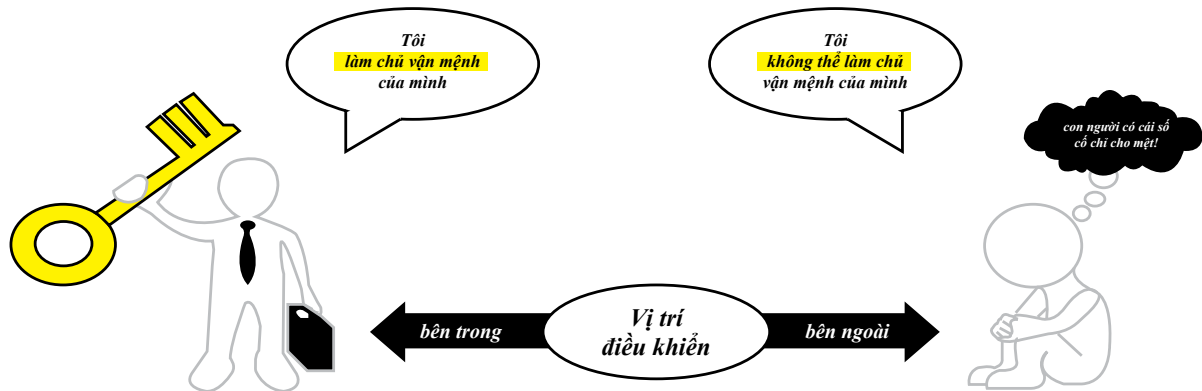
1. Nội dung chủ yếu

Lý thuyết vị trí điều khiển đưa ra 2 quan điểm sống:

1/ Quan điểm thứ nhất cho rằng cuộc đời của mỗi người là do chính bản thân người đó làm chủ và điều khiển. Do đó, họ có toàn quyền làm chủ cuộc sống, làm chủ suy nghĩ, nội tâm của mình.

2/ Quan điểm thứ hai cho rằng cuộc đời của mỗi người là do vận mệnh đã sắp đặt sẵn và điều khiển. Do đó, họ luôn cho rằng mình có làm gì cũng không thay đổi được số mệnh và thường đổ người khác hoặc hoàn cảnh làm chủ vận mệnh của họ.

Có thể khái quát 2 quan điểm của **lý thuyết vị trí điều khiển** trong sơ đồ sau:



Hình 7. Mô hình mô phỏng lý thuyết vị trí điều khiển

2. Ý nghĩa

Trong hướng nghiệp, vấn đề cơ bản được rút ra từ **lý thuyết vị trí điều khiển** là: Có rất nhiều chuyện xảy đến trong cuộc đời mỗi người mà chúng ta không có khả năng tránh né hay điều khiển được. Ví dụ, ta sinh ra trong gia đình kinh tế khó khăn hay khá giả; Sinh sống ở một quốc gia giàu có hay chậm phát triển; Tai nạn đột nhiên xảy đến với ai đó khi họ đi ngoài đường... Nhưng, ta có toàn quyền quyết định cách ta phản ứng lại khi những chuyện ấy xảy ra. **Nếu ta phản ứng một cách tích cực thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực và ngược lại.** Nói cách khác, **chúng**

ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. Vì vậy, chúng ta có khả năng tự làm chủ vận mệnh của mình.

Ví dụ: Trong chương trình giáo dục phổ thông hiện nay, tất cả học sinh lớp 11 đều tham gia HĐGDNPT theo hình thức tự chọn bắt buộc. Việc tham gia học NPT của học sinh có thực sự hữu ích đối với bản thân các em hay không tùy thuộc rất nhiều vào cách suy nghĩ, phản ứng của mỗi em. Rất nhiều học sinh tham gia học nghề chỉ với suy nghĩ đơn giản: *Chương trình quy định học thì phải học*. Các em tham gia học một cách miễn cưỡng, thiếu động lực. Do vậy, hiệu quả học NPT thường thấp. Học nghề xong mà nhiều em không biết rõ mình thực sự có khả năng đối với nghề này hay không? Yêu cầu của nghề đối với người lao động là gì? Thậm chí không vận dụng được những kiến thức, kỹ năng nghề đã học vào thực tiễn cuộc sống. Ngược lại, có những em rất hứng thú tham gia học NPT. Các em nghĩ rằng học NPT là biết thêm một nghề, là, điều kiện, cơ hội để học và làm những công việc hữu ích cho bản thân, gia đình như lắp đặt, sửa chữa đồ điện trong nhà, nấu ăn, làm bánh, thêu, đan, móc, may, làm hoa ... Thực tế cho thấy, những em có phản ứng tích cực đối với việc học NPT như trên thường tham gia học NPT với tâm thế rất thoải mái, các em luôn thực hiện đầy đủ, sáng tạo các nội dung lí thuyết, thực hành và có nhu cầu sử dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống thực tiễn.

Vì vậy, nếu giáo viên NPT hiểu rõ và vận dụng lí thuyết này trong quá trình tổ chức HĐGDNPT sẽ không cảm thấy bức xúc khi học sinh chưa nhiệt tình tham gia học NPT. Ngược lại, mỗi người sẽ nhìn thấy rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc làm thay đổi nhận thức của học sinh đối với HĐGDNPT theo hướng tích cực, nhất là đối với những học sinh ở vùng sâu, vùng xa, những em có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc có hoàn cảnh gia đình phức tạp về tâm lí. Lí thuyết này giúp học sinh tìm ra niềm hy vọng từ bên trong khi các em tin rằng bản thân mình và suy nghĩ của mình sẽ ảnh hưởng tích cực đến cuộc đời mình. Nhờ đó, các em sẽ bắt đầu những bước đi vững chắc về một tương lai tốt đẹp.

VIII. LÍ THUYẾT NGẪU NHIÊN CÓ KẾ HOẠCH

Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch (tạm dịch từ thuật ngữ *planned happenstance theory*) xuất hiện vào đầu những năm 2000. Giáo sư John Krumboltz, một trong các cha đẻ của thuyết này tin rằng: Sự may mắn, hay sự ngẫu nhiên (tùy theo cách gọi của mỗi người) đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của mỗi người.

1. Nội dung chủ yếu

Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch cho rằng, *trong quá trình phát triển nghề nghiệp, sự may mắn không đến một cách ngẫu nhiên mà đến một cách có kế hoạch*. Nói cách khác, sự may mắn không đến một cách tình cờ cho bất cứ một ai đó, mà nó chỉ đến với người tạo ra sự tình cờ/ may mắn đó. Và, điều mà lí thuyết này muốn hướng đến là: *Sự may mắn của một người không đến một cách tình cờ, ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình khám phá, tham gia hoạt động, chia sẻ, phục vụ, v.v... Mỗi người hãy tự tạo ra sự tình cờ/ may mắn ấy trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình*.

Ví dụ: Ngọc là một học sinh có sở thích và khả năng trong lĩnh vực nữ công gia chánh nhưng sức học chỉ đạt ở mức trung bình khá, dù em rất chăm chỉ học hành. Từ nhỏ, em đã rất thích quan sát và tham gia làm những công việc nấu ăn, khâu, vá, thêu thùa trong gia đình. Ở trường, mỗi dịp lớp tổ chức liên hoan, Ngọc luôn là một thành viên tích cực trong nhóm xây dựng thực đơn và chế biến các món ăn theo thực đơn. Khi bắt đầu vào lớp 11, nhà trường yêu cầu học sinh đăng kí vào các lớp học NPT. Ngọc đã đăng kí học lớp dạy nghề nấu ăn ở TTKTTHHN mà trường Ngọc gửi học sinh sang đó học. Trong suốt quá trình tham gia học NPT, Ngọc luôn chịu khó học hỏi và thường đoạt giải trong các cuộc thi nấu ăn do trung tâm tổ chức. Lớp học NPT đã giúp Ngọc hiểu rõ hơn sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân. Vì vậy, khi học đến lớp 12, mặc dù các bạn trong lớp đều đăng kí thi vào đại học, nhưng Ngọc vẫn quyết tâm đăng kí thi tuyển vào trường cao đẳng nghề du lịch, khoa Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Khi tốt nghiệp trường cao đẳng nghề, với kết quả học tập tốt, Ngọc được nhận ngay vào làm đầu bếp cho một khách sạn lớn tại tỉnh nhà. Đến nay, Ngọc đã trở thành đầu bếp giỏi với mức lương, thưởng hàng tháng cao. Ngọc luôn cảm thấy hạnh phúc và thỏa mãn trong nghề nghiệp.

Qua ví dụ nêu trên cho thấy, Ngọc chính là người tạo ra sự may mắn cho bản thân bởi chính em chứ không phải ai khác là người biết rõ sở thích, niềm đam mê, khả năng của bản thân; Đã tích cực tham gia vào các hoạt động, nhất là HĐGDNPT để hiểu rõ hơn và phát triển niềm đam mê, khả năng của bản thân. Từ đó, đưa ra được quyết định chọn ngành học, chọn nghề phù hợp với bản thân.

2. Ý nghĩa

Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch có quan hệ chặt chẽ với **lí thuyết vị trí điều khiển** vì hai lí thuyết này đều chung một quan điểm: Nếu một người có niềm tin là họ có thể làm chủ cuộc đời mình thì nhất định sẽ tạo ra những kết quả tốt đẹp trong cuộc sống nói chung, hoạt động nghề nghiệp nói riêng.

Đối với học sinh cấp trung học, nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có thể hướng dẫn các em áp dụng lí thuyết này theo những cách sau:

- Học thật tốt những môn học mà em yêu thích. Tìm tòi, nghiên cứu, chịu khó tham gia các cuộc thi liên quan đến môn học đó (ví dụ thi học sinh giỏi, thi Olympic ...). Bộ lộ khả năng về môn học ấy để giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thấy rõ.
- Tham gia vào HĐGDNPT và các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường có liên quan đến sở thích và khả năng của mình. Trong lúc tham gia, hãy suy ngẫm và tự quan sát xem bản thân có sở thích, khả năng nào nổi trội, đồng thời chú ý rèn luyện những kĩ năng thiết yếu cho hoạt động nghề nghiệp sau này.
- Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được qua các môn học và HĐGDNPT vào những công việc phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Hằng hái tham gia trải nghiệm nghề để có cơ hội sử dụng, rèn luyện, và bộc lộ những khả năng sẵn có.
- Hãy luôn nhớ: sự may mắn của một người không đến một cách tình cờ, ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình khám phá, tham gia hoạt động, chia sẻ, phục vụ, vv.

PHẦN

3

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP
QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NGHỀ PHỔ THÔNG

I. Ý NGHĨA CỦA VIỆC DẠY VÀ HỌC NGHỀ PHỔ THÔNG

Thực hiện được yêu cầu GDHN qua HĐGDNPT sẽ đem lại nhiều tác dụng thiết thực cho học sinh, đó là:

1. Tạo điều kiện, cơ hội cho các em tiếp cận, làm quen, thử sức mình trong hoạt động nghề nghiệp cụ thể. Qua đó, giúp các em hiểu rõ hơn sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân để có định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp. Việc quyết định học ngành nào, trường nào, và công việc tương lai như thế nào ở năm cuối cấp sẽ rõ ràng và dễ dàng hơn.
2. Tuổi vị thành niên là lứa tuổi tò mò nhất về bản thân mình, thích xem bói toán qua tuổi, ngày giờ sinh, chữ ký, tên, v.v... để biết thêm về bản thân. HĐGDNPT sẽ giúp các em thỏa mãn phần nào nhu cầu trên một cách khoa học thông qua một số trải nghiệm và phiếu tự đánh giá.
3. Giúp các em tăng thêm hiểu biết về nội dung, yêu cầu, đòi hỏi của nghề trong thực tế. Nhờ đó, các em có cơ sở để đối chiếu sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân với yêu cầu của nghề và đưa ra quyết định nghề nghiệp phù hợp. Đây là yếu tố rất quan trọng giúp cho các em thành đạt trong hoạt động nghề nghiệp sau này.
4. Giúp các em có điều kiện, cơ hội vận dụng, kiểm nghiệm các kiến thức của các môn học khác như môn Công nghệ, Tin học, Sinh học... trong hoạt động nghề cụ thể. Nhờ đó, các em hiểu rõ hơn tính ứng dụng của các kiến thức đã học được và làm cho các kiến thức đó trở nên bền vững hơn. Không những thế, các em còn có điều kiện để rèn luyện các kỹ năng lao động cần thiết, các kỹ năng thiết yếu cho bản thân (do hoạt động thực hành chiếm tỉ lệ khoảng 2/3 thời lượng dành cho mỗi chương trình nghề). Do đó, nếu các em hứng thú, chuyên tâm học NPT, các em sẽ có được những kiến thức, kỹ năng nghề cần thiết cho cuộc sống hàng ngày và có hành trang cần thiết để bước vào cuộc sống lao động nếu như các em không có điều kiện tiếp tục học lên.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để học sinh thấy được những lợi ích do tham gia học NPT đem lại cho các em? Làm cách nào để học sinh hứng thú tham gia HĐGDNPT và luôn có ý thức tự hướng nghiệp trong suốt quá trình học NPT?

Sau đây là một số biện pháp GDHN thông qua HĐGDNPT. Trong mỗi nội dung được nêu ở phần 3 này, các ví dụ minh họa được lấy từ nghề Tin học văn phòng. Các giáo viên dạy NPT khác có thể tham khảo để theo đó thực hiện.¹¹

¹¹ Trong chương trình HĐGDNPT ban hành năm 2006 và trong danh mục nghề phổ thông ban hành năm 1992, nghề Tin học văn phòng là nghề phổ biến, thông dụng, được nhiều CSGD cấp THCS, THPT tổ chức dạy. Đây còn là nghề có nhiều học sinh nam và học sinh nữ thích học; điều kiện để trải nghiệm nghề trong thực tế tương đối rộng rãi và không quá khó khăn. Do đó, trong tài liệu này sẽ sử dụng các ví dụ cụ thể từ nghề Tin học văn phòng. Giáo viên dạy các NPT khác dựa vào các ví dụ này để soạn bài và tổ chức thực hiện các nội dung GDHN qua HĐGDNPT.

II. TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH VÀ KHẢ NĂNG THEO LÍ THUYẾT MẬT MÃ HOLLAND

1. Mục đích

Giúp học sinh biết được sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân để có cơ sở lựa chọn, đăng kí học NPT sẽ tham gia học.

Do vậy, sẽ rất tốt nếu các TTKTTHHN, TTGD TX, nơi có điều kiện tổ chức dạy nhiều NPT thuộc các nhóm nghề khác nhau tổ chức thực hiện được nội dung này. Khi đó, các trung tâm có thêm cơ sở để phân chia lớp học NPT theo *nhu cầu, sở thích* của học sinh, mặt khác học sinh cũng có cơ sở để lựa chọn và đăng kí học NPT phù hợp với *sở thích, khả năng* của bản thân. Điều này sẽ tác động tích cực tới tâm lí và động lực học NPT của học sinh

Đối với các trường THCS, THPT: Nếu nhà trường chỉ tổ chức dạy 2 hoặc 3 NPT vẫn nên tổ chức cho học sinh làm trắc nghiệm này để học sinh biết được sở thích, khả năng của bản thân và có cơ sở để đăng kí học một NPT tương đối phù hợp.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

Tốt nhất là tổ chức cho học sinh làm trắc nghiệm vào đầu năm học, trước khi học sinh đăng kí tham gia học NPT.

2.2. Các bước thực hiện

a. Tổ chức cho học sinh tìm hiểu sở thích

Như đã nêu ở mục III - phần 2, theo lí thuyết mật mã Holland, có 6 kiểu người tương ứng với 6 nhóm sở thích nghề nghiệp: 1/Kĩ thuật- \KT); 2/ Nghiên cứu - NC; 3/ Nghệ thuật - NT; 4/ Xã hội - XH); 5/ Quản lí - QL; 6/ Nghiệp vụ - NV). Các kí hiệu này được coi là mã (code) của từng nhóm sở thích. Ví dụ: Mã của nhóm kĩ thuật là KT; Mã của nhóm nghệ thuật là NT.

Những sở thích nghề nghiệp trong từng nhóm rất gần gũi và thực tế. Giáo viên hướng dẫn học sinh làm phiếu trắc nghiệm để giúp học sinh biết được sở thích nghề nghiệp của mình. Sau đó, trong suốt quá trình học NPT, học sinh sẽ tự quan sát, kiểm nghiệm để xác định xem mình có thật sự thuộc về nhóm sở thích như kết quả làm phiếu trắc nghiệm ban đầu hay không.

Cách làm như sau:

Bước 1: Giáo viên cho học sinh làm **2 phiếu trắc nghiệm về sở thích (phụ lục 1).**

Làm xong phiếu trắc nghiệm sở thích phần 1 mới làm phiếu trắc nghiệm sở thích phần 2. Nhắc học sinh đọc kĩ hướng dẫn ở phần đầu mỗi phiếu trước khi làm trắc nghiệm.

Bước 2: Giáo viên cho học sinh tiếp tục tìm hiểu một lần nữa sở thích và khả năng nghề nghiệp và những nghề phù hợp bằng cách đọc các nội dung trong **Bảng nhóm tính cách của Holland (phụ lục 2)**.

Bước 3: Đối chiếu kết quả trắc nghiệm ở bước 1 với nội dung trong từng bảng để xác định 3 nhóm sở thích nổi trội theo thứ tự:

- Nhóm sở thích nghề nổi trội nhất (thường là cùng nhóm sở thích có tổng điểm trắc nghiệm cao nhất ở phiếu trắc nghiệm sở thích phần 2. Ví dụ ở bước 1, học sinh có tổng điểm trắc nghiệm cao nhất thuộc nhóm sở thích Kỹ thuật. Sau khi đọc nội dung trong **mục 1. Nhóm Kỹ thuật** (phụ lục 2), học sinh này nhận thấy các đặc điểm sở thích, khả năng ghi trong nội dung đó đậm phù hợp với mình. Từ đó, học sinh sẽ xác định nhóm sở thích nghề nổi trội nhất của bản thân là nhóm KT.
- Nhóm sở thích nghề nổi trội nhì (thường là cùng nhóm sở thích có tổng điểm trắc nghiệm cao thứ hai ở phiếu trắc nghiệm sở thích phần 2, ví dụ nhóm NT)
- Nhóm sở thích nghề nổi trội thứ ba (thường là cùng nhóm sở thích có tổng điểm trắc nghiệm cao thứ ba ở phiếu trắc nghiệm sở thích phần 2, ví dụ nhóm NC)

Sau khi hoàn thành bước 3, học sinh biết được mình thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp nào, có mã (code) sở thích nghề nghiệp nào. Đây là bước đầu tiên giúp các em đăng kí học NPT phù hợp với sở thích của mình nhất.

b. Tổ chức cho học sinh tìm hiểu khả năng

Khi đã xác định được một hoặc hai nhóm sở thích của mình, việc tìm hiểu *khả năng* là cách giúp học sinh *thu hẹp phạm vi* tìm hiểu những ngành nghề phù hợp với bản thân. Từ đó, giúp học sinh ra quyết định nên theo học ngành nào một cách thực tế nhất nhưng vẫn dựa vào “**rẽ**” cây nghề nghiệp.

Giáo viên tiếp tục cho học sinh làm bài tập tìm hiểu khả năng của bản thân.

Bài tập: Từ kết quả làm 2 phiếu trắc nghiệm về sở thích ở bước 1 và kết quả xác định 3 nhóm sở thích nổi trội ở bước 3, em hãy dựa vào hiểu biết về bản thân kết hợp với đọc nội dung về đặc điểm chung của những người thuộc nhóm sở thích đó trong bảng “**Tính cách theo lý thuyết mật mã Holland**” để tự xác định **khả năng** của bản thân. Sau đó, điền nội dung thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Bảng 5: Khả năng của học sinh đối với từng nhóm nghề

	Những khả năng bạn đã có trong nhóm sở thích này (càng chi tiết càng tốt)	Những nghề mà bạn cho là phù hợp với sở thích và khả năng của bạn
Nhóm sở thích nổi trội nhất		
Nhóm sở thích nổi trội nhì		
Nhóm sở thích nổi trội ba		

Ví dụ:

	Những khả năng bạn đã có trong nhóm sở thích này (càng chi tiết càng tốt)	Những nghề mà bạn cho là phù hợp với sở thích và khả năng của bạn
Nhóm sở thích nổi trội nhất Nhóm nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ đẹp từ ngày còn nhỏ - Sử dụng máy vi tính để vẽ rất tốt - Trang trí báo tường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế đồ họa - Thiết kế mạng
Nhóm sở thích nổi trội nhì Nhóm kĩ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Khéo tay - Trồng cây và thích nuôi súc vật (chó, mèo) - Nặn tượng đất sét đẹp 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế đồ họa - Thiết kế cảnh quan
Nhóm sở thích nổi trội ba Không có		

Chú ý: Khi thực hiện nội dung ở mục II, giáo viên có thể tham khảo, sử dụng bài trình chiếu Tìm hiểu sở thích và khả năng nghề nghiệp của thầy giáo Bùi Đình Đường đã thực hành trong khoá tập huấn giảng viên nông cốt tại tỉnh Nghệ An, tháng 10 năm 2013 (phụ lục 4).

III. TÌM HIỂU CÁC NGHỀ PHỔ THÔNG ĐỂ ĐĂNG KÍ HỌC

1. Mục đích

Giúp học sinh biết được một số thông tin cơ bản của NPT, bao gồm: *Nội dung học tập, bản mô tả nghề, các cơ sở đào tạo nghề và nhu cầu nhân lực của nghề* để có thêm cơ sở đưa ra quyết định chọn NPT sẽ đăng kí học phù hợp với sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

Tổ chức cho học sinh tìm hiểu trước khi đăng kí tham gia học NPT và liên hệ sự phù hợp của bản thân với NPT lựa chọn học trong suốt quá trình học NPT.

2.2. Các bước thực hiện

Sau khi học sinh trong lớp đã có kết quả tìm hiểu *sở thích và khả năng*, giáo viên giới thiệu một số NPT mà nhà trường hoặc TTKTTHHN hoặc TTGD TX (có nhiệm vụ dạy NPT cho học sinh trung học) tổ chức dạy để các em biết sơ bộ nội dung chủ yếu của nghề và những ích lợi do việc học NPT đem lại cho các em. Dựa vào đó, các em đưa ra quyết định đăng kí NPT sẽ tham gia học.

Có thể giới thiệu NPT bằng một số cách, như:

- Tạo slides trình chiếu giới thiệu NPT bằng kênh hình hoặc kênh chữ hoặc kết hợp kênh hình với kênh chữ tùy theo khả năng, điều kiện của giáo viên và nhà trường;
- Viết bài giới thiệu các NPT trên báo tường, trên tờ rơi phát cho các học sinh hoặc dán trên bảng thông tin ở hành lang nơi học sinh thường đọc.
- Tạo facebook để giới thiệu về các NPT mà trường hoặc TTKTTH HN hoặc TTGD TX dạy và những trải nghiệm về sở thích, khả năng, tính cách.
- Giới thiệu những phần hấp dẫn của một số NPT trong hoạt động chào cờ bằng các vở kịch nhỏ.

Đối với mỗi NPT, nhà trường và giáo viên dạy NPT giới thiệu NPT theo các bước sau:

Bước 1. Giới thiệu chung về nội dung chủ yếu của NPT

Bước 2. Giới thiệu bản mô tả nghề

Bước 3. Tìm hiểu nhu cầu nhân lực của nghề ở thời điểm hiện tại trong vùng, quốc gia và quốc tế

Bước 4. Giới thiệu các trường đào tạo nghề có liên quan

Sau đây là ví dụ về các bước giới thiệu NPT Tin học văn phòng. Các giáo viên dạy NPT khác có thể dựa vào nội dung của các bước giới thiệu nghề Tin học văn phòng kết hợp với nghiên cứu sách học sinh, sách giáo viên NPT và tìm thông tin trên mạng Internet để xây dựng nội dung giới thiệu NPT do mình đảm nhận.

Bước 1. Giới thiệu chung về nội dung nghề Tin học văn phòng.

Việc thực hiện bước 1 nhằm giúp học sinh có được cái nhìn tổng quan về NPT thông qua những nội dung chủ yếu của nghề.

Ví dụ: Theo chương trình giáo dục phổ thông, nghề Tin học văn phòng có 6 chủ đề với các nội dung chủ yếu sau:

- **Chủ đề Mở đầu - Làm quen với nghề Tin học văn phòng**, bao gồm các nội dung: *Vị trí, vai trò, triển vọng của nghề*; Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề; Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
- **Chủ đề 2 - Hệ điều hành Windows**, bao gồm các nội dung: Các thành phần cơ bản của hệ điều hành Windows và chức năng của chúng; Các kiến thức cơ bản về các thao tác làm việc với hệ điều hành Windows.
- **Chủ đề 3 - Hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word**, bao gồm các nội dung: Một số kiến thức cơ bản về hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word; Một số nguyên tắc soạn thảo văn bản với Word; Trình bày một số loại văn bản; Các thao tác quan trọng khi soạn thảo văn bản; Một số tính năng nâng cao của hệ soạn thảo Microsoft Word.
- **Chủ đề 4 - Chương trình bảng tính Excel**, bao gồm các nội dung: Chức năng chung của bảng tính điện tử; Một số kiến thức cơ bản về bảng tính Microsoft Excel; Lập bảng tính, các thao tác trên bảng tính, trang tính, định dạng bảng tính; Công thức và một số hàm cơ bản của bảng tính Excel; Cơ sở dữ liệu, sắp xếp và lọc dữ liệu; Tạo biểu đồ trong Excel.
- **Chủ đề 5 - Làm việc trong mạng cục bộ**, bao gồm các nội dung: Thiết bị tối thiểu dùng để lắp đặt một mạng cục bộ; Làm việc trong mạng.
- **Chủ đề 6 - Tìm hiểu nghề Tin học văn phòng**, bao gồm các nội dung: Đặc điểm, yêu cầu của nghề; Thông tin về thị trường lao động của nghề; Nơi đào tạo nghề.

Bước 2. Giới thiệu Bản mô tả nghề

Trong hướng nghiệp, việc giới thiệu **bản mô tả nghề** nhằm *giúp học sinh biết được đặc điểm lao động, yêu cầu của nghề, điều kiện tuyển sinh và triển vọng của*

nghề. Từ đó, có cơ sở để đối chiếu *sở thích và khả năng nghề nghiệp* của bản thân với yêu cầu của nghề và đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp. Ở chương trình HĐGDHN lớp 9 và lớp 10, học sinh đã được tìm hiểu về ý nghĩa và nội dung của **bản mô tả nghề**. Vì vậy, khi thực hiện bước này, giáo viên nên khai thác các hiểu biết của học sinh về **bản mô tả nghề**.

Đối với HĐGDNPT, việc giới thiệu **bản mô tả nghề** trước khi học sinh đăng kí học là rất cần thiết nhằm giúp cho học sinh có cơ sở để chọn học NPT phù hợp (qua đối chiếu kết quả tìm hiểu *sở thích và khả năng* đã xác định ở mục II với yêu cầu của một số công việc thuộc NPT). Không những vậy, việc giới thiệu **bản mô tả nghề** còn giúp học sinh thấy được những yêu cầu của nghề mà bản thân còn thiếu, từ đó có kế hoạch rèn luyện, hình thành trong quá trình học nghề nếu như bản thân có mong muốn theo đuổi nghề này sau khi tốt nghiệp phổ thông.

Sau đây là ví dụ về **bản mô tả nghề** Thư kí văn phòng - một nghề có những nội dung và yêu cầu của nghề liên quan chặt chẽ với những kiến thức, kĩ năng căn bản về Tin học văn phòng.

Bản mô tả nghề Thư kí văn phòng¹²

1. Tên nghề: Thư kí văn phòng

2. Đặc điểm lao động và yêu cầu của nghề

Hiểu một cách đơn giản, Thư kí văn phòng là người chuyên đọc và soạn thảo các loại giấy tờ đi - đến; Giao dịch qua điện thoại; Đến các địa chỉ giao dịch; Ghi chép lại bằng văn bản những thông tin từ các cuộc họp, hội nghị; Sắp xếp thời gian, thông tin và tài liệu cho một hoặc một nhóm quản trị viên cấp cao nhất định và thực hiện các công việc do cấp trên chỉ định,... Thư kí còn là người truyền đạt các mệnh lệnh, quyết định của lãnh đạo, hay các nhiệm vụ đã được giao tới toàn thể công ty hoặc những người có liên quan.

2.1. Đối tượng lao động của nghề thư kí văn phòng

Máy vi tính dùng để soạn thảo, lưu trữ các loại văn bản và các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ văn phòng; Một số loại máy móc khác như điện thoại, máy fax, máy photocopy... dùng để truyền đạt thông tin, mệnh lệnh, nhiệm vụ.

Đối tượng lao động của nghề thư kí văn phòng còn là những con người với nhận thức, tư tưởng, tình cảm khác nhau.

¹² Trong nội dung của bản mô tả nghề Thư kí văn phòng có sử dụng một số tư liệu, hình ảnh giới thiệu nghề Thư kí văn phòng ở trang mạng [http://www. Google.com.vn](http://www.Google.com.vn).

2.2. Nội dung lao động của nghề thư kí văn phòng

Người làm nghề thư kí văn phòng thường phải đảm nhận nhiều vai trò khác nhau như vai trò của nhân viên văn thư - hành chính, vai trò nhân viên thư kí và một số vai trò khác như kế toán, tài chính, quản trị, nhân sự... Ngoài ra, thư kí văn phòng còn đóng vai trò là người đại diện cho cấp trên khi giao dịch với đối tác, khách hàng; Vai trò điều hành giữ cho công việc trôi chảy khi cấp trên vắng mặt.

Với những vai trò trên, nội dung công việc, đồng thời là những nhiệm vụ chủ yếu của nghề Thư kí văn phòng là:

- Soạn thảo các văn bản, hợp đồng, thư từ, báo cáo, thông tin liên quan. ;
- Xử lý thư từ chuyển đi, chuyển đến;
- Chuẩn bị tài liệu và thông tin theo yêu cầu của lãnh đạo;
- Lên chương trình và thời gian cho các cuộc họp, các hoạt động xã hội khác;
- Lưu trữ hồ sơ;
- Tham dự và viết biên bản cho các cuộc họp... Vì vậy, nhiều khi thư kí văn phòng còn làm công việc ghi tốc kí nếu cấp trên yêu cầu;
- Tiếp khách hàng khi cần thiết;
- Sắp xếp thời gian, thông tin và tài liệu cho một hoặc một nhóm quản trị viên cấp cao nhất định.

Các công việc trên phải luôn đảm bảo đúng tiến độ, yêu cầu và hiệu quả nhằm giúp cho công việc của lãnh đạo được suôn sẻ, đạt kết quả tốt đẹp.

Ngày nay, sự phát triển nhanh chóng của máy vi tính đã giúp cho các nội dung công việc mang tính thủ công của thư kí văn phòng giảm đi nhiều. Máy vi tính không chỉ có tác dụng soạn thảo văn bản, báo cáo mà còn có tác dụng tính toán chính xác, nhanh gọn; Xử lí và lưu trữ hồ sơ; Gửi và nhận thư điện tử... Vì vậy, các kiến thức, kĩ năng về tin học văn phòng sẽ rất hữu ích cho những bạn trẻ có sở thích, nguyện vọng làm nghề Thư kí văn phòng.

2.3. Công cụ, phương tiện lao động

Nghề thư kí văn phòng cần thường xuyên thao tác với các công cụ, phương tiện lao động sau:

- Máy vi tính;
- Máy điện thoại, máy Fax, máy photocopy;
- Công cụ lưu trữ hồ sơ như USB, ổ cứng.

2.4. Yêu cầu của nghề đối với người lao động

Từ khái niệm, nội dung công việc của nghề Thư kí văn phòng cho thấy, môi trường làm việc tương ứng của nghề mang đậm tính chất của nhóm NV và một phần của nhóm XH, nhóm KT. Vì vậy, để hoàn thành tốt công việc đảm nhận, người làm nghề thư kí văn phòng phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nghề như sau:

a. Về năng lực

- Có năng lực thao tác thực tiễn, cụ thể là có kỹ năng sử dụng máy vi tính thành thạo, đảm bảo gõ bàn phím đạt tốc độ 60 -70 từ/ phút đối với tiếng Việt, 50 từ/ phút đối với tiếng Anh; Sử dụng thành thạo các chương trình căn bản như Microsoft Words, Microsoft Exels để soạn thảo văn bản, làm bản hợp đồng, bản thu, chi, thư mời...; Kỹ năng sử dụng thành thạo máy Fax, Internet, máy photocopy...; Nhanh nhẹn, tháo vát, linh hoạt và năng động;
- Có năng lực giao tiếp, diễn đạt, thể hiện ở khả năng diễn đạt bằng ngôn từ lịch sự, rõ ràng, hấp dẫn khi nói chuyện trực tiếp và nói chuyện qua điện thoại; Có hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe tốt để hiểu rõ người đối thoại và phản hồi ý kiến một cách chính xác, rõ ràng, hợp lí, hợp tình; Nhạy bén, khéo léo trong ứng xử và xử lí các tình huống;
- Có năng lực nhận thức tốt, thể hiện ở khả năng tư duy và có trí nhớ tốt; Thành thạo ít nhất một ngoại ngữ; Có những hiểu biết nhất định về lịch sử, chính trị, văn hóa, nghệ thuật... Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để bổ sung kiến thức; tích cực học hỏi và tích lũy kinh nghiệm để hoàn thiện tác phong làm việc và ứng xử chuyên nghiệp.
- Có năng lực tổ chức, quản lí công việc, thể hiện ở phong cách làm việc ngăn nắp, điều độ, không nhầm lẫn; Óc tổ chức, làm việc theo nhóm và kỹ năng quản lí thời gian; Khả năng hoạt động độc lập và chịu áp lực công việc; Có chính kiến; Bảo mật thông tin và xử lí thông tin tốt.

b. Về phẩm chất

- Thư kí văn phòng là người trợ thủ đắc lực, đồng thời là người đồng hành tin cậy của lãnh đạo. Vì vậy, người làm nghề thư kí văn phòng phải có tính trung thực cao và tạo được sự tin cậy với mọi người; Có ý thức trách nhiệm, siêng năng, cần mẫn và luôn cố gắng để hoàn thành tốt công việc được giao.

Ngoài ra, người làm nghề thư kí văn phòng là người đại diện cho lãnh đạo công ty hoặc doanh nghiệp nên còn phải biết cách chăm sóc hình thức của bản thân sao cho lịch sự.

2.5. Điều kiện lao động và những chống chỉ định y học

a. Điều kiện lao động

Người làm nghề thư kí văn phòng là người lao động trí óc, chủ yếu là làm việc trong phòng với máy vi tính, điện thoại, máy in, máy Fax... theo giờ hành chính. Nhưng, nhiều khi thư kí văn phòng cũng phải làm việc ngoài giờ để hoàn thành các văn bản, báo cáo đúng tiến độ; Tham gia các cuộc họp, hội thảo hoặc thỉnh thoảng có những chuyến đi công tác theo yêu cầu của lãnh đạo.

b. Chống chỉ định y học

Những người có các đặc điểm sau đây không nên làm nghề thư kí văn phòng:

- Dị dạng, khuyết tật;
- Nói ngọng, nói nhịu hoặc nói lắp, bị điếc hoặc nghễnh ngãng;
- Tính tình nóng nảy, khả năng tự kiểm chế kém, dễ mất bình tĩnh, thiếu tính kiên trì, nhẫn nại, cẩn thận hoặc có vấn đề về thần kinh;
- Bị mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh hen, bệnh phổi.

3. Vấn đề tuyển sinh của nghề

3.1. Những nơi đào tạo nghề

Thư kí văn phòng là nghề tương đối hấp dẫn đối với nhiều bạn trẻ. Để trở thành thư kí chuyên nghiệp, các em cần phải được đào tạo để có được những kiến thức, kĩ năng thực hiện các nội dung công việc của người thư kí văn phòng. Hiện nay, nghề thư kí văn phòng được đào tạo từ trình độ cao đẳng (với mã số là C340407) đến trình độ sơ cấp. Những em có mong muốn làm nghề Thư kí văn phòng có thể đăng kí tham gia chương trình đào tạo nghề Thư kí văn phòng trình độ cao đẳng tại các cơ sở đào tạo sau:

- Đại học Nội vụ Hà Nội, 36 Đường Xuân La, Phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội.
Website: truongnoivu.edu.vn
- Đại học văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, 20 Nguyễn Du, Phường Điện Biên - Thành phố Thanh Hóa. Website: www.dvtdt.edu.vn
- Đại học Đồng Nai, số 4 Lê Quý Đôn, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng nai. Website: www.dnpu.edu.vn
- Đại học Sài Gòn, 273 An Dương Vương, phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Website: www.sgu.edu.vn
- Đại học Kinh tế - kĩ thuật Bình Dương, số 530 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Đại học Nguyễn Tất Thành, 298-300A Nguyễn Tất Thành, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Website: www.ntt.edu.vn
- Cao đẳng Hải Dương, Phố Nguyễn Thị Duệ, Thanh Bình, Hải Dương. Websites: www.caodanghaiduong.edu.vn
- Cao đẳng Ngô Gia Tự, Xã Quế Nham, Tân yên, Bắc Giang.
Website: www.cdbacgiang.edu.vn
- Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Phố Chu Văn An, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình
- Cao đẳng Sư phạm Trung Ương, 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Website: www.cdsptw.edu.vn

- Cao đẳng Bình Định, 684 Hùng vương, Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định.

Website: www.cdbd.edu.vn

Ngoài ra, các em có thể đăng kí học nghề Thư kí văn phòng trình độ trung cấp, sơ cấp tại những trường có mở ngành học này, như :

- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Giáo dục Việt Nam - Trung tâm đào tạo văn thư lưu trữ, thư kí, thông tin thư viện, 451 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy- Hà Nội

Tốt nghiệp ngành Thư kí văn phòng, sinh viên có đủ năng lực và trình độ làm Thư kí, trợ lí cho thủ trưởng các cơ quan, các đơn vị doanh nghiệp hoặc đảm nhận những chức danh khác (tổ trưởng, trưởng bộ phận Hành chính Văn phòng) hoặc làm công việc có liên quan đến công tác Văn thư Lưu trữ trong các đơn vị và doanh nghiệp.

3.2. Điều kiện tuyển sinh

Xét tuyển theo kết quả học phổ thông và thi đại học, không phải thi tuyển.

3.3. Triển vọng của nghề

Sau khi học xong lớp đào tạo nghề Thư kí văn phòng, các em có thể được nhận vào làm tại các công ty, doanh nghiệp, cơ quan hành chính công... để đảm nhận vai trò trợ thủ đắc lực cho các Tổng Giám đốc, Giám đốc... Nếu các em học giỏi, đạt kết quả tốt và đáp ứng được các yêu cầu của nghề (thông qua thi tuyển dụng), các em sẽ nhanh chóng có việc làm. Xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của các công ty, các doanh nghiệp, điều này cũng đồng nghĩa với nhu cầu về những người làm nghề thư kí văn phòng mang tính chuyên nghiệp cũng tăng lên. Những người làm lãnh đạo luôn mong muốn tuyển dụng được người thư kí giỏi, trung thành, tận tụy, hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao.

Lưu ý: Trong thực tế, có nhiều người được đào tạo từ những chuyên ngành khác như Quản trị văn phòng, Luật, Báo chí... nhưng khi tham gia thi tuyển dụng làm Thư kí văn phòng vẫn trúng tuyển do bản thân có những năng lực, phẩm chất và một số **kĩ năng thiết yếu** đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng. Điều này cho thấy, điều quan trọng nhất vẫn là bản thân mỗi người có **sở thích nghề nghiệp, khả năng phù hợp** với yêu cầu của nghề, đồng thời có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, tự rèn luyện để có được những năng lực, phẩm chất theo yêu cầu của nghề.

Bước 3. Tìm hiểu nhu cầu nhân lực của nghề Tin học văn phòng ở thời điểm hiện tại trong vùng, quốc gia và quốc tế

Trong thời đại ngày nay, kiến thức và kĩ năng tin học văn phòng đã trở thành **kĩ năng thiết yếu** trong hầu hết các công việc, các vị trí nghề nghiệp làm ở văn phòng và thiên về lao động trí óc. Từ bác sĩ cho đến kỹ sư, từ giáo viên tiểu học

đến giáo sư đại học, từ kỹ thuật viên đến nhà thiết kế, từ những người có chức vụ cao như giám đốc công ty đến những nhân viên văn phòng, ai ai cũng cần phải có những kỹ năng căn bản trong lĩnh vực tin học văn phòng mới tồn tại và phát triển trong nghề nghiệp của mình được. Đó là chưa kể tới những công việc đòi hỏi người lao động phải sử dụng các kỹ năng tin học văn phòng tới hơn 70% thời gian làm việc, như: thư kí văn phòng, nhân viên văn phòng, nhân viên hành chính tổng hợp, nhân viên lễ tân... Vì lẽ đó, kỹ năng tin học văn phòng được coi là một trong những tiêu chí tuyển dụng quan trọng. Thực tế cho thấy, những ứng viên tham gia tuyển dụng có kỹ năng tin học văn phòng tốt, có khả năng ngoại ngữ tốt là lợi thế hàng đầu bởi các nhà tuyển dụng cho rằng chính những người này mới là những người có khả năng tự học, tự đào tạo tốt, có khả năng thích ứng cao với những thay đổi trong yêu cầu của công việc.

Do đó, giáo viên dạy NPT Tin học văn phòng cần lưu ý với tất cả học sinh của mình rằng, trừ khi các em không có ý định thăng tiến trong nghề nghiệp và sẽ chỉ làm những nghề thuần túy lao động tay chân như thợ hàn, thợ mộc, thợ lắp ráp phụ kiện tại gia, v.v... còn lại, tất cả các em đều cần phải có các kỹ năng tin học văn phòng. Ngay cả đối với những em sẽ làm việc trong lĩnh vực thuần túy lao động tay chân kể trên, nếu các em giỏi chuyên môn và có cơ hội thăng tiến lên chức vụ đội trưởng hay quản lí cấp thấp, khi đó các em cũng sẽ cần phải có kỹ năng tin học văn phòng.

Cuối cùng, giáo viên nhấn mạnh lại: Những kỹ năng căn bản về tin học văn phòng mà các em học được trong quá trình tham gia HĐGDNPT rất cần thiết cho bất cứ công việc nào, ở bất cứ mức độ nào (trừ những công việc thuần túy tay chân ở mức độ ban đầu). Để có thể được tuyển dụng và phát triển trong thị trường lao động, tất cả các học sinh cần phải học và đạt được những kỹ năng căn bản trong HĐGDNPT Tin học văn phòng.

Bước 4. Giới thiệu các cơ sở đào tạo nghề có liên quan ở địa phương, trong nước, quốc tế

Nghề Tin học văn phòng chỉ tổ chức dạy ở trường phổ thông để học sinh có những hiểu biết, kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng để làm cơ sở cho các em lựa chọn các ngành nghề trong các lĩnh vực có liên quan, nhất là ngành Tin học ứng dụng, Thư kí văn phòng. Do vậy, những em học sinh yêu thích NPT Tin học văn phòng, sau khi tốt nghiệp phổ thông có thể đăng kí học Thư kí văn phòng, Tin học ứng dụng... tại các trường đại học, cao đẳng. Ở bản mô tả nghề đã giới thiệu các cơ sở đào tạo nghề thư kí văn phòng. Sau đây là các trường đại học, cao đẳng trong cả nước có đào tạo ngành Tin học ứng dụng Hệ cao đẳng (Mã ngành C480202):

Khu vực phía Bắc:

- Các trường đại học: Công nghiệp Quảng Ninh, Hoa Lư Ninh Bình, Nội vụ Hà Nội, Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Tây Bắc, Dân lập Lương Thế Vinh Nam Định, Hà Hoa Tiên Ninh Bình;
- Các trường cao đẳng: Công nghệ và Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên; Công nghệ in Phú Diễn Hà Nội, Công nghiệp Phúc Yên, Công nghiệp Thái Nguyên, Công nghệ thực phẩm Việt Trì - Phú Thọ, Công nghệ và xây dựng Quảng Ninh, Công nghiệp Việt Đức, Điện tử - điện lạnh Hà Nội, Kinh tế công nghiệp Hà Nội, Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ, Ngô Gia Tự Bắc Giang, Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ - Chương Mỹ - Hà Nội, Thương mại và Du lịch Hà Nội, Truyền hình, Xây dựng công trình đô thị, Vĩnh Phúc, Công nghệ Bắc Hà;
- Các trường cao đẳng sư phạm: Bắc Ninh, Điện Biên, Hòa Bình, Quảng Ninh;
- Cao đẳng cộng đồng: Bắc Cạn, Hà Tây.

Khu vực phía Nam:

- Các trường đại học: Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Tôn Đức Thắng TPHCM, Công nghệ Đồng Nai, Đông Á- Đà Nẵng, Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, Thái Bình Dương TPHCM, Văn Hiến TPHCM;
- Các trường cao đẳng: Bến Tre, Bình Định, Công nghiệp Huế, Tuy Hòa, Điện lực miền Trung, Giao thông vận tải TPHCM, Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang, Phát thanh truyền hình TPHCM, Bách Việt TPHCM, Công nghệ kinh doanh Việt Tiến Đà Nẵng, Kinh tế - Kỹ thuật Đông Du Đà Nẵng, Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam TPHCM, Tư thực Đức trí, Viễn đông TPHCM, Bách khoa Đà Nẵng;
- Các trường cao đẳng cộng đồng: Bình Thuận, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng;
- Các trường cao đẳng Sư phạm: Bình Phước, Đà Lạt, Đắc Lắc, Kiên Giang, Kon Tum, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Thừa Thiên - Huế.

IV. TÌM HIỂU MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NHÓM SỞ THÍCH VÀ KHẢ NĂNG VỚI CÁC NGHỀ PHỔ THÔNG ĐANG ĐƯỢC DẠY

1. Mục đích

- Giúp học sinh biết cách xác định NPT đăng kí học trên cơ sở xác định mối tương quan giữa kết quả tìm hiểu *sở thích nghề nghiệp, khả năng* của bản thân (mục II - phần 3) với kết quả tìm hiểu NPT (mục III - phần 3).
- Học sinh biết sử dụng kết quả tìm hiểu *sở thích và khả năng* khi tham gia HĐGDNPT để xác định ban học ở cấp THPT hoặc khối thi vào trường cao đẳng, đại học phù hợp.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

Khi tổ chức cho học sinh học phần 1 - **Bài mở đầu** trong chương trình NPT.

2.2. Các bước thực hiện

- **Xác định NPT đăng kí học**

Bước 1a: Xác định mã (code) cho NPT theo mật mã Holland

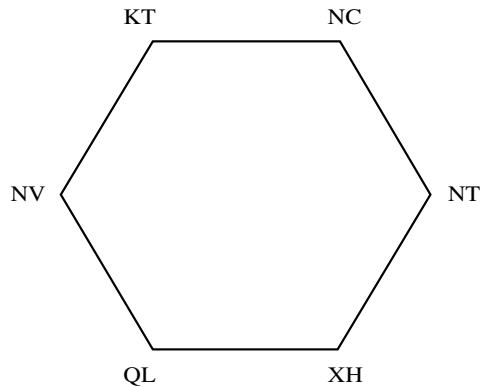
Dựa vào lí thuyết mật mã Holland, giáo viên có thể đánh mã (code) cho những công việc thuộc nhóm NPT mà mình đang dạy. Nếu giáo viên không chắc chắn lắm về mã (code) của một công việc nào đó thì có thể tham khảo thêm tài liệu tiếng Anh tại nguồn <http://www.onetonline.org/> của Bộ Lao Động Mỹ hay nguồn <http://www.myfuture.edu.au/> của Bộ Giáo dục Úc hoặc liên lạc với nhóm biên soạn tài liệu theo địa chỉ email đã cung cấp ở trang đầu của tài liệu.

Ví dụ: Nghề Thư kí văn phòng thuộc nhóm nghề Tin học văn phòng có mã (code) là NV-KT.

Nghề đồ họa trên máy tính có mã (code) là NT- KT...

Bước 1b: Học sinh đối chiếu mã nhóm sở thích và khả năng của bản thân với code của NPT đăng kí học

Giáo viên dựa vào những nội dung được nêu trong lí thuyết mật mã Holland, đặc biệt là giả thiết 5: “Mức độ phù hợp giữa một người với môi trường...” (mục III- phần 2) và Mô hình lục giác Holland dưới đây để hướng dẫn học sinh chọn NPT đăng kí học cho phù hợp.



Lưu ý đối với học sinh: Sau khi làm trắc nghiệm *sở thích*, em thấy mình có *sở thích* nổi trội nhất thuộc nhóm nào thì chọn NPT thuộc nhóm đó là phù hợp nhất (ví dụ: Học sinh thuộc nhóm KT thì nên chọn các NPT có mã là KT như nghề điện dân dụng, nghề sửa chữa xe máy, nghề làm vườn... Những học sinh có hai nhóm *sở thích* nổi trội nhất và nhì thuộc về NV và KT thường phù hợp với NPT Tin học văn phòng do có mã tương đồng nhau. Nếu nhà trường hoặc TTKTTHHN hoặc TTGD TX không dạy những nghề thuộc nhóm *sở thích* nổi trội nhất, học sinh có thể chọn NPT có mã trên cùng một cạnh của hình lục giác (ví dụ: Học sinh có *sở thích* nổi trội thuộc nhóm NC có thể chọn học nghề thuộc nhóm KT).

Hiện nay, đa số nghề trong chương trình HĐGD NPT đều thuộc nhóm KT nên việc đối chiếu mã nhóm *sở thích* và khả năng của bản thân với mã (code) của NPT đăng kí học chỉ mang tính tương đối. Hơn nữa, việc đăng kí học NPT còn tùy thuộc vào điều kiện tổ chức dạy NPT của các CSGD.

Sau khi tham gia các bước tìm hiểu nghề ở mục III - phần 3 và thực hiện bước 1a, nếu học sinh thấy NPT này phù hợp với *sở thích* và *khả năng nghề nghiệp* của bản thân, đồng thời thấy đây là một nghề hấp dẫn, có triển vọng, các em sẽ đăng kí học. Nếu thấy không phù hợp và hấp dẫn, các em có thể chuyển sang đăng kí học NPT khác mà nhà trường hoặc TTKTTHHN hoặc TTGD TX đóng gôn trường tổ chức dạy.

Trong suốt thời gian học NPT, học sinh nên thường xuyên liên hệ với bản thân, xác định xem mình có *sở thích* và *khả năng* tự nhiên nổi trội nào để làm cơ sở cho việc chọn ngành học, chọn nghề phù hợp khi lập kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân.

Ví dụ: Trong quá trình học NPT Tin học văn phòng, nếu học sinh thấy thích học làm các biểu đồ, bảng biểu, tệp và thư mục để sắp xếp dữ liệu cho gọn gàng, ... Điều đó chứng tỏ học sinh này có nhóm *sở thích* NV nổi bật và có thể chọn nghề kế toán, nhân viên ngân hàng, thư kí văn phòng...

Nếu học sinh luôn cảm thấy thích học cách viết công thức cho Excel để tính toán dữ liệu, cách tạo ra một đồ thị hay bảng biểu mới, hiểu và làm một cách dễ dàng những thao tác kỹ thuật. Điều đó chứng tỏ học sinh này có nhóm sở thích KT nổi trội và có thể chọn ngành học trong nhóm Kỹ thuật như khoa học máy tính, hệ thống thông tin, công nghệ kỹ thuật máy tính...

Còn nếu học sinh thích học cách tạo hình ảnh, trình bày và thiết kế cho một bản word mới lạ, đẹp mắt...Điều đó chứng tỏ học sinh này có nhóm sở thích thiên về NT và có thể chọn ngành học trong nhóm NT như đồ họa ứng dụng, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo, thiết kế nội thất, thiết kế đồ họa...

Để xác định được như trên, vấn đề quan trọng nhất là học sinh phải hiểu **lí thuyết mật mã Holland** và luôn được sự hỗ trợ, nhắc nhở của giáo viên trong việc kiểm nghiệm, liên hệ để hiểu rõ hơn về sở thích và khả năng của bản thân trong suốt thời gian học NPT. Giáo viên có thể giúp học sinh bằng cách in **lí thuyết mật mã Holland** ra giấy lớn và dán ở phòng học NPT cũng có thể thỉnh thoảng cho học sinh làm những bài tập nhỏ hoặc tổ chức các cuộc thảo luận để học sinh liên hệ bản thân theo **lí thuyết mật mã Holland**.

Chú ý: Nếu học sinh phải học một NPT trái ngược với nhóm sở thích nghề của bản thân hoặc sau khi học rồi mới biết rằng nhóm NPT ấy khác với sở thích của mình, thì đó cũng là một cách hay để học sinh trải nghiệm và hiểu rõ hơn về bản thân. Trong trường hợp này, giáo viên dạy NPT có thể dùng ngay ví dụ để giúp các học sinh hiểu thêm về những nghề nghiệp, ngành học, trường học các em nên chọn trong tương lai.

Bước 2a: Lập bảng có nội dung về các ban học ở cấp THPT hoặc các khối thi vào trường cao đẳng, đại học có mối liên hệ với các nhóm sở thích và khả năng của bản thân (theo lí thuyết mật mã Holland).

Việc xác định nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp của học sinh trước khi đăng kí tham gia học NPT không chỉ giúp học sinh có cơ sở để lựa chọn NPT phù hợp mà còn cung cấp cho học sinh cuối cấp THCS dữ liệu cần thiết để chọn ban học ở cấp THPT hoặc học sinh cuối cấp THPT chọn khối thi vào cao đẳng, đại học. Ví dụ: những em có sở thích nghề nghiệp thuộc nhóm KT, có khả năng tư duy, trí nhớ tốt, có khả năng học tốt các môn tự nhiên có thể đăng kí thi vào ban Khoa học tự nhiên ở cấp THPT hoặc đăng kí thi vào các ngành học thuộc nhóm KT.

Để thực hiện được bước này, học sinh cấp THCS cần được hướng dẫn tìm hiểu để biết được các yêu cầu tuyển sinh vào ban Khoa học tự nhiên, ban Khoa học xã hội hoặc ban cơ bản của các trường THPT. Còn đối với học sinh cuối cấp THPT cần

được hướng dẫn tìm hiểu các ngành học có liên quan với nhóm *sở thích và khả năng nghề nghiệp* của bản thân. Có thể lập thành bảng để học sinh có kế hoạch tìm hiểu về ban học ở cấp THPT hoặc khối thi, ngành học cụ thể.

Sau đây là ví dụ cụ thể về những ngành học mà những học sinh thuộc hai nhóm sở thích cao nhất là NV và KT ở cấp THPT có thể lập thành bảng để lựa chọn:

Bảng 6: Bảng nhóm sở thích và ngành học tương ứng

Nhóm sở thích	Ngành học
Kỹ thuật (KT)	<p>Các khối ngành kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ học kỹ thuật - Kỹ thuật Cầu đường - Kỹ thuật Ceramic - Kỹ thuật Cơ điện tử - Kỹ thuật Dầu khí - Kỹ thuật Điện Điện tử - Kỹ thuật Điều khiển tự động - Kỹ thuật Hạ tầng cơ sở - Kỹ thuật Luyện kim - Kỹ thuật máy tính - Kỹ thuật Máy xây dựng - Kỹ thuật Mỏ - Kỹ thuật Nhiệt lạnh - Kỹ thuật Thực phẩm - Kỹ thuật Vật liệu xây dựng - Kỹ thuật Y sinh <p>Các khối ngành Nông-Lâm-Ngư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản và chế biến nông sản - Bảo vệ thực vật - Bệnh học thủy sản - Chăn nuôi - Công nghệ rau hoa quả - Khuyến nông - Kiến trúc cảnh quan - Lâm học (Lâm sinh) - Nông lâm kết hợp - Nuôi trồng thủy sản - Phát triển nông thôn - Thú y - Thủy nông

Nhóm sở thích	Ngành học
	<p>Khối ngành Văn hóa Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ họa ứng dụng - Đồ họa - Nhiếp ảnh - Quay phim - Điêu khắc
<p>Nghệp vụ (NV)</p>	<p>Khối ngành Kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán - Kinh doanh thương mại - Tài chính - Ngân hàng <p>Khối ngành Văn hóa - Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư viện - Xuất bản <p>Khối ngành Sư phạm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục Tiểu học <p>Khối ngành Y Dược</p> <p>Khối ngành Quân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quân sự cơ sở <p>Các khối ngành Nông-Lâm-Ngư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản và chế biến nông sản - Bảo vệ thực vật - Bệnh học thủy sản - Chăn nuôi - Công nghệ rau hoa quả - Khuyến nông - Kiến trúc cảnh quan - Lâm học (Lâm sinh) - Nông lâm kết hợp - Nuôi trồng thủy sản - Phát triển nông thôn - Thú y - Thủy nông <p>Các ngành khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức sự kiện, PR

Lưu ý: trong bảng trên chỉ nêu một số ngành học làm ví dụ. Còn rất nhiều ngành khác học sinh có thể tìm hiểu thêm theo đường link http://www.thongtintuyensinh.vn/Thong-tin-tuyen-sinh_C182_D4005.htm và nhiều nguồn khác. Điều quan trọng là học sinh hiểu rõ đặc điểm của mỗi nhóm *sở thích nghề* và tìm hiểu xem các ngành học nào có đặc điểm phù hợp với từng nhóm *sở thích nghề*. **Không nên nhìn tên của khối ngành mà quyết định chọn ngành, nghề.**

Bước 2b: Học sinh so sánh nhóm *sở thích* và *khả năng nghề nghiệp* của bản thân với các ngành học trong bảng đã lập.

- Học sinh đọc thông tin ở bảng trên, dùng bút dạ đánh dấu những ngành cảm thấy hợp với bản thân;
- Học sinh chọn ra 3 ngành để tìm hiểu từ những ngành đã được đánh dấu;
- Học sinh tìm hiểu ngành học theo các bước:
 - + Lên mạng, vào trang thông tin tuyển sinh để đọc tóm tắt về ngành đã chọn.
 - + Hỏi những người trong gia đình, bạn bè, anh chị em, cựu học sinh của trường đang học, các thầy cô giáo, hội đồng hương hoặc những người quen để tìm người đã học ngành mà bản thân muốn chọn;
 - + Đến trường trung cấp, cao đẳng, hay đại học - nơi đang đào tạo các ngành mà học sinh muốn chọn để tìm hiểu thông tin chi tiết. Có thể đến thăm trường, thăm lớp và phỏng vấn các anh chị đang học tại đó.
- Sau khi tìm hiểu thông tin, học sinh xác định xem ngành được chọn có phù hợp với sở thích, khả năng tự nhiên và hoàn cảnh gia đình của mình hay không. Ở giai đoạn này học sinh đã có đủ thông tin để ra quyết định chọn ngành học và nghề nghiệp tương lai.

V. HÌNH THÀNH VÀ RÈN LUYỆN CÁC KỸ NĂNG THIẾT YẾU QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG

1. Mục đích

- Giúp học sinh biết được nội dung các nhóm **kỹ năng thiết yếu** và vai trò của **kỹ năng thiết yếu** trong phát triển nghề nghiệp;
- Học sinh tự đánh giá được **kỹ năng thiết yếu** của bản thân, biết được những **kỹ năng thiết yếu** bản thân còn thiếu và có kế hoạch rèn luyện các **kỹ năng thiết yếu** trong quá trình tham gia học NPT với sự hỗ trợ của giáo viên NPT.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

- Học sinh tự đánh giá **kỹ năng thiết yếu** của bản thân vào hai thời điểm: *Bắt đầu và kết thúc khóa học NPT*, khi tổ chức học bài 1 và bài cuối trong chương trình HGDNPT (giáo viên dành ra khoảng 20 - 25 phút của mỗi bài cho học sinh thực hiện nội dung này).
- Việc hình thành và rèn luyện **kỹ năng thiết yếu** được kéo dài trong suốt quá trình học sinh học NPT

2.2. Các bước thực hiện

Giáo viên tổ chức thực hiện bước 1, bước 2 khi dạy bài mở đầu trong chương trình.

Chú ý: Dưới đây là một cách đánh giá kỹ năng thiết yếu mà các tác giả giới thiệu. Giáo viên có thể làm theo bất cứ cách nào mình thấy phù hợp với bản thân và học sinh của mình nhất, miễn sao đạt được mục đích cuối cùng là giúp các em tìm hiểu kỹ năng thiết yếu cho mục tiêu hướng nghiệp. Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đánh giá kỹ năng thiết yếu của mình. Kết quả này sẽ được học sinh lưu giữ và sử dụng nhằm xây dựng thái độ tự giác và nghiêm túc với bản thân trong việc rèn luyện kỹ năng thiết yếu.

Bước 1. Giới thiệu kỹ năng thiết yếu

Trong tài liệu bổ sung sách giáo viên HGDHN lớp 10 cấp THPT¹³ có nội dung giới thiệu về **kỹ năng thiết yếu**. Đối với cấp THCS, tài liệu bổ sung sách giáo viên GDHN lớp 9 chưa có nội dung này. Vì vậy, ở cấp THCS, khi thực hiện bước 1, giáo viên cần giúp cho học sinh hiểu được khái niệm, ý nghĩa và các nội dung cơ bản của **kỹ năng thiết yếu**. Còn ở cấp THPT, nếu học sinh đã được giới thiệu nội dung này, giáo viên chỉ cần đặt các câu hỏi để liên kết và củng cố những hiểu biết của học sinh về **kỹ năng thiết yếu** mà học sinh đã được học ở HGDHN. Sau đây là những nội dung cơ bản về **kỹ năng thiết yếu** học sinh cần nắm được khi thực hiện bước 1 :

- *Khái niệm thế nào là kỹ năng? Thế nào là kỹ năng thiết yếu? Ý nghĩa, vai trò của kỹ năng thiết yếu trong hoạt động nghề nghiệp tương lai*

Kỹ năng là khả năng thực hiện công việc đạt kết quả, có chất lượng trong điều kiện nhất định, thời gian nhất định, dựa trên những tri thức, kinh nghiệm đã có. Kỹ năng được thể hiện ở kết quả và chất lượng công việc. Làm bất cứ việc gì cũng cần phải có kỹ năng. Muốn có kỹ năng phải vận dụng hiểu biết vào thực hành, rèn luyện và thực hiện lặp đi lặp lại nhiều lần.

Ví dụ: Muốn làm thư kí văn phòng, phải có kĩ năng soạn thảo văn bản thành thạo, thể hiện ở khả năng gõ bàn phím nhanh bằng 10 ngón tay, có thể đạt tốc độ 60 - 70 từ/ phút, trình bày văn bản đẹp, khoa học và không có lỗi chính tả.

Kĩ năng thiết yếu là những kĩ năng cần thiết cho công việc, học hành và cuộc sống của mỗi người. **Kĩ năng thiết yếu** giúp cho người ta có khả năng thành công cao trong môi trường làm việc, nó là nền tảng giúp cho mỗi người rèn luyện các kĩ năng khác, tiến triển trong nghề nghiệp và dễ dàng thích nghi với thay đổi, ví dụ như kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng biểu đạt ý kiến, kĩ năng lắng nghe và đặt câu hỏi, kĩ năng chia sẻ thông tin với người khác, kĩ năng quản lí thông tin, kĩ năng làm việc nhóm... Do vậy, khi tuyển dụng người lao động ở các vị trí khác nhau, cùng với việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn, các nhà tuyển dụng luôn xem xét và đánh giá cao các **kĩ năng thiết yếu** của mỗi người. Những **kĩ năng thiết yếu** được hình thành và phát triển trên nền tảng *khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của mỗi người.

Ở những nước phát triển, học sinh từ độ tuổi còn nhỏ đã được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa như làm từ thiện, chơi thể thao, tham gia các cuộc thi hoặc làm việc bán thời gian. Những kinh nghiệm và kiến thức học sinh học được từ các hoạt động này giúp các em rất nhiều trong việc phát triển các **kĩ năng thiết yếu** cũng như việc định hướng nghề nghiệp tương lai. Ở nước ta, học sinh thường được gia đình giáo dục rằng, việc học là quan trọng nhất. Những hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ thường bị coi là “mất thời gian” hay “ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng”. Cách nghĩ này nên được thay đổi vì chỉ khi tham gia vào nhiều hoạt động, các em mới có cơ hội bộc lộ *sở thích và khả năng* của bản thân trong hoạt động phù hợp và phát triển toàn diện. Sự phát triển toàn diện của học sinh có ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng, cơ hội tìm được việc làm của các em sau này.

Tham gia HĐGDNPT là một cơ hội tốt để học sinh phát triển những **kĩ năng thiết yếu**. Suốt thời gian học NPT, học sinh nên được hướng dẫn để tự đánh giá xem các em đã phát triển và trau dồi được những kĩ năng thiết yếu nào? Hoặc, những **kĩ năng thiết yếu** nào cần phải được tiếp tục rèn luyện nhiều hơn nữa sau khi kết thúc học NPT.

- *Nội dung của các kĩ năng thiết yếu*

Có nhiều **kĩ năng thiết yếu**. Thông thường, người ta chia các **kĩ năng thiết yếu** thành 3 nhóm là 1/ *Nhóm các kĩ năng cơ bản*; 2/ *Nhóm kĩ năng quản lí bản thân*; và 3/ *Nhóm kĩ năng làm việc nhóm*.

Giáo viên giới thiệu **Bảng 1. Các kĩ năng thiết yếu ở phụ lục 3** để học sinh biết được các **kĩ năng thiết yếu** và nội dung cơ bản của các **kĩ năng thiết yếu**.

Bước 2. Học sinh làm bài tập đánh giá kỹ năng thiết yếu của bản thân lúc bắt đầu học NPT.

Tốt nhất, giáo viên nên thử đánh giá **kỹ năng thiết yếu** của bản thân trước để hiểu rõ và kiểm nghiệm các nội dung trong bảng 2, sau đó hướng dẫn và tổ chức cho học sinh làm bài tập đánh giá **kỹ năng thiết yếu** theo trình tự sau:

1/ Đọc kỹ các nội dung ở **Bảng 2. Đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng thiết yếu phụ lục 3;**

2/ Liên hệ bản thân để xác định xem tới thời điểm hiện tại, mình đã có được những **kỹ năng thiết yếu** nào. Đánh dấu vào cột 2 mức độ **kỹ năng thiết yếu** mà bản thân đã đạt được hoặc còn yếu hay chưa có;

Giải thích: Cột 2 có 4 mức độ: Mức cao nhất là mức tốt; Mức thấp nhất là chưa có hoặc chưa biết. Học sinh tự đánh giá mức độ đạt được **kỹ năng thiết yếu** của bản thân. Bản thân thấy mình đạt ở mức nào thì đánh dấu X vào cột dọc tương ứng với kỹ năng đó.

Ví dụ: Học sinh nhận thấy bản thân đọc và hiểu thông tin (từ ngữ, hình ảnh, sơ đồ) tương đối tốt thì đánh dấu X vào cột ghi mức tương đối tốt ngang với mục 1.1 trong bảng. Còn nếu chỉ đạt ở mức bình thường thì đánh dấu X vào cột ghi mức bình thường ngang với mục 1.1 trong bảng.

3/ Ghi vào cột 3 những hoạt động học sinh sẽ thực hiện trong quá trình học NPT để rèn luyện, phát triển những **kỹ năng thiết yếu** đã có và bổ sung những **kỹ năng thiết yếu** chưa có hoặc còn yếu. Những hoạt động này ghi càng chi tiết, cụ thể càng tốt vì học sinh sẽ theo đó thực hiện trong suốt quá trình tham gia học NPT.

Giáo viên nêu ví dụ để các em biết cách ghi vào cột 3.

Ví dụ đối với nghề Tin học văn phòng: Sau khi tự đánh giá các **kỹ năng thiết yếu** của bản thân, các em thấy rằng mình chỉ đạt ở mức 2 hoặc mức 3 các **kỹ năng thiết yếu** trong mục 1. **Kỹ năng thông hiểu và giao tiếp**, các em có thể viết vào cột 3 những hoạt động để rèn luyện các **kỹ năng thiết yếu** này trong quá trình học nghề Tin học văn phòng như sau: *Tích cực viết và trình bày các ý tưởng của bản thân trong các giờ học; Tích cực thực hành soạn thảo các văn bản hành chính; Tập viết những mẫu chuyện ngắn trên máy tính; Tham gia tích cực các cuộc giao lưu về nghề nghiệp do lớp, trường tổ chức; Thường xuyên ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân; Thường xuyên liên lạc, chia sẻ với bạn bè, thầy, cô giáo qua điện thoại, email, facebook...*

Giáo viên nhắc học sinh giữ lại phiếu đánh giá để theo đó thực hiện các nội dung ghi ở cột 3, đồng thời có cơ sở để đối chiếu với bảng đánh giá **kĩ năng thiết yếu** khi kết thúc khóa học NPT.

Bước 3. Hướng dẫn, hỗ trợ học sinh hình thành và phát triển các kĩ năng thiết yếu trong quá trình học NPT.

Như trên đã nêu, **kĩ năng thiết yếu** được hình thành và phát triển qua nhiều hoạt động trong học tập, lao động, cuộc sống, và kéo dài trong suốt cuộc đời mỗi người. Mỗi môn học, mỗi hoạt động giáo dục trong nhà trường đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển **kĩ năng thiết yếu** cho học sinh.

Từ vị trí, mục đích, mục tiêu, nội dung chương trình của từng HĐGDNPT phổ thông cho thấy, HĐGDNPT có nhiều lợi thế trong việc giúp học sinh rèn luyện các **kĩ năng thiết yếu**.

Ví dụ: Trong chương trình nghề Tin học văn phòng, các kiến thức, kĩ năng làm việc với hệ điều hành Windows, hệ soạn thảo văn bản Word, chương trình bảng tính Excel và mạng cục bộ đều là những kiến thức, kĩ năng mà mỗi người cần có để được tuyển dụng cho những công việc làm ở văn phòng. Không những vậy, các nội dung trong chương trình, tài liệu nghề Tin học văn phòng đều có liên quan đến việc hình thành, phát triển các **kĩ năng thiết yếu** cho học sinh ở các mức độ, khía cạnh khác nhau. Do vậy, khi tổ chức HĐGDNPT, giáo viên cần chú ý hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích học sinh thực hiện những việc sau:

- Nghiên cứu kĩ mỗi bài học trước khi thực hành. Luôn chủ động tìm tòi, thử nghiệm các nội dung trong bài học mới.

Ví dụ: Học sinh sử dụng chương trình bảng tính Excel để lưu trữ thông tin của tất cả bạn bè, như ngày sinh của họ, sở thích, khả năng, v.v....Cố gắng thực hành thật nhiều, và sẽ tốt hơn nếu học sinh tự giác, tích cực thực hành cả những bài mà thầy cô không yêu cầu làm như thực hành gõ bàn phím máy vi tính nhanh bằng 10 ngón khi học nội dung về soạn thảo văn bản Word.

- Sau mỗi bài học/ chủ đề, học sinh xác định xem mình đã rèn luyện được **kĩ năng thiết yếu** nào ghi trong bảng đánh giá **kĩ năng thiết yếu**? Mức độ đạt được? Sự hài lòng của bản thân?
- Cuối mỗi chủ đề, học sinh nhìn vào bảng đánh giá **kĩ năng thiết yếu**, tìm hiểu xem kĩ năng nào mình thích rèn luyện nhất? Nội dung nào trong bài học/ chủ đề giúp mình phát triển kĩ năng đó?.

Bước 4. Đối chiếu, đánh giá những kỹ năng thiết yếu học sinh đạt được khi kết thúc khóa học NPT.

Bước này được thực hiện khi tổ chức thực hiện bài cuối cùng trong chương trình HĐGDNPT.

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm lại **Bảng 2. Đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng thiết yếu** ở phụ lục 4 để thấy được sự khác biệt của bản thân trước và sau khóa học.

Học sinh đọc kỹ từng nội dung trong bảng và đánh dấu X vào mức độ đạt được từng **kỹ năng thiết yếu** của bản thân khi kết thúc khóa học. Sau đó đối chiếu với kết quả đánh giá mức độ đạt được các **kỹ năng thiết yếu** đã làm khi bắt đầu học.

Điều quan trọng khi thực hiện bước này là thầy cô cho học sinh thấy rằng, dù học NPT nào và NPT đó có phù hợp với sở thích và khả năng của các em hay không thì các em vẫn học được những **kỹ năng thiết yếu**, hữu ích cho nghề nghiệp tương lai.

Ví dụ: Sau khi tham gia học nghề Tin học văn phòng, học sinh có thể phát hiện ra mình không phù hợp với nghề này như lúc đầu đã nghĩ, nhưng những kỹ năng thiết yếu học sinh học được qua học nghề Tin học văn phòng như kỹ năng sử dụng máy vi tính để soạn thảo văn bản, kỹ năng sắp xếp thông tin bằng chương trình bảng tính Excel,... sẽ rất hữu ích cho bất cứ nghề nghiệp nào các em sẽ làm trong tương lai.

VI. PHÁT TRIỂN SỞ THÍCH VÀ KHẢ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC NGHỀ PHỔ THÔNG

1. Mục đích

- Làm cho HĐGDNPT trở nên hấp dẫn, thu hút được sự tham gia tích cực, chủ động của học sinh;
- Học sinh hứng thú học tập, phát triển *sở thích và khả năng nghề nghiệp*, **kỹ năng thiết yếu** trong quá trình học NPT.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian tiến hành

Thực hiện trong suốt quá trình tổ chức thực hiện các chủ đề/ bài học của HĐGDNPT.

2.2. Cách thực hiện

Sự phát triển *sở thích và khả năng nghề nghiệp* của học sinh trong quá trình học

NPT phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quan trọng nhất là trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH), hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá của giáo viên NPT. Sau đây là một số gợi ý để giáo viên dạy NPT tham khảo, áp dụng vào quá trình tổ chức HĐGDNPT nhằm giúp học sinh phát triển *sở thích, khả năng nghề nghiệp* và cả các **kỹ năng thiết yếu** qua học NPT.

a. Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN của các chủ đề/ bài học trong chương trình HĐGDNPT

- **Mục đích**

Giúp giáo viên có cơ sở để xác định các PPDH, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá phù hợp nhằm đạt được mục tiêu GDHN qua mỗi chủ đề/ bài học trong chương trình HĐGDNPT.

- **Những căn cứ để xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN**

- Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, nội dung chương trình của HĐGDNPT được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông;
- Các năng lực hướng nghiệp học sinh cần đạt được thông qua HĐGDNPT (nêu ở phần 1);
- Các nhiệm vụ GDHN của công tác hướng nghiệp¹⁴
- Nội dung sách học sinh, sách giáo viên của HĐGDNPT;
- Đặc điểm và yêu cầu của nghề đối với người lao động (được trình bày trong bài Tìm hiểu nghề của sách HĐGDNPT).

Ví dụ: Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN của Nghề Tin học văn phòng được xác định dựa vào mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, nội dung chương trình của nghề Tin học văn phòng; Các năng lực hướng nghiệp học sinh cần đạt; Sách học sinh, sách giáo viên Nghề Tin học văn phòng; Đặc điểm và yêu cầu của nghề Tin học văn phòng đối với người lao động.

- **Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN**

Giáo viên dạy NPT nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan, sau đó lập bảng xác lập những mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN qua HĐGDNPT. Chú ý chỉ ra những

¹⁴ Theo Quyết định 126-CP, công tác hướng nghiệp có các nhiệm vụ chủ yếu sau: 1/Giáo dục thái độ lao động đúng đắn; 2/Tổ chức cho học sinh thực tập làm quen với một số nghề; 3/Tìm hiểu năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của từng học sinh để khuyến khích, hướng dẫn, bồi dưỡng khả năng nghề nghiệp thích hợp nhất; 4/Động viên hướng dẫn học sinh đi vào những nghề, những nơi đang cần lao động trẻ tuổi có văn hóa.

kiến thức, kĩ năng về GDHN mà học sinh cần đạt được sau khi học xong mỗi chủ đề trong chương trình.

Sau đây là ví dụ về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN qua HĐGDNPT - Nghề Tin học văn phòng ở lớp 11:

Bảng 7: Yêu cầu về giáo dục hướng nghiệp trong nghề tin học văn phòng

Chủ đề/ bài	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN
Mở đầu Bài 1- Làm quen với nghề tin học văn phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được vai trò, vị trí, triển vọng của nghề Tin học văn phòng; Mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp học tập nghề - Thu thập được một số thông tin ban đầu về nghề tin học văn phòng - Hứng thú đối với nghề Tin học văn phòng
Chủ đề 2: Hệ điều hành Windows	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được các khái niệm căn bản, các thao tác khi làm việc với hệ điều hành Windows - Thành thạo một số thao tác làm việc với hệ điều hành Windows - Tự xác định được sở thích, khả năng bản thân khi sử dụng, giao tiếp với hệ điều hành Windows - Hứng thú tìm hiểu và tích cực thực hành các thao tác làm việc với hệ điều hành Windows
Chủ đề 3: Hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ các chức năng và ứng dụng của phần mềm Word - Soạn thảo, trình bày, in được văn bản hành chính thông dụng, văn bản có bảng biểu, văn bản chia cột, chèn ảnh, hình vẽ... Từng bước đạt được yêu cầu soạn thảo văn bản Word thành thạo - Tự xác định, <i>đánh giá được sở thích, khả năng</i> làm việc với hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word của bản thân - Biết đối chiếu khả năng của bản thân với yêu cầu cần đạt khi làm việc với hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word, đặc biệt là kĩ năng định dạng, soạn thảo, trình bày văn bản để có hướng rèn luyện - Tích cực, chủ động, tự giác rèn luyện kĩ năng soạn thảo văn bản và một số kĩ năng thiết yếu trong quá trình học tập và làm việc với hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word - Hứng thú với công việc soạn thảo văn bản và quan tâm tìm hiểu các loại văn bản trong công việc văn phòng <p>Ghi chú: Trong chủ đề này, giáo viên nên tổ chức cho học sinh tìm hiểu và thực hành bài bổ sung: Đánh máy chữ nhanh bằng 10 ngón để giúp học sinh có khả năng và thói quen đánh máy vi tính nhanh bằng 10 ngón</p>

Chủ đề/ bài	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về GDHN
<p>Chủ đề 4: Bảng tính Microsoft Excel</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ một số kiến thức cơ bản, các thao tác trên bảng tính và các ứng dụng của phần mềm Excel - Lập được bảng tính và thực hiện tương đối thành thạo các thao tác trên trang tính phục vụ cho công tác văn phòng - Tự rút ra được yêu cầu cần đạt của người lao động khi làm việc với bảng tính Microsoft Excel - Tự xác định, đánh giá được <i>sở thích, khả năng</i> làm việc với bảng máy tính Microsoft Excel của bản thân - Biết đối chiếu khả năng bản thân với yêu cầu cần đạt khi làm việc với bảng tính Microsoft Excel để có hướng rèn luyện kỹ năng làm việc với bảng máy tính Microsoft Excel - Tích cực, chủ động tự học, tự rèn luyện để nâng cao khả năng làm việc bảng tính Microsoft Excel và rèn luyện một số kỹ năng thiết yếu thông qua học tập và làm việc với bảng tính Microsoft Excel - Quan tâm, hứng thú tìm hiểu các bảng tính dùng trong công việc văn phòng và có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống
<p>Chủ đề 6/ bài 34: Tìm hiểu nghề Tin học văn phòng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề, thông tin về thị trường lao động, các nơi đào tạo nghề. Có kỹ năng tìm hiểu thông tin nghề cần thiết và liên hệ bản thân để lựa chọn nghề - Sử dụng được các kiến thức, hiểu biết về nghề tin học văn phòng đã thu thập được trong suốt quá trình học nghề vào quá trình thực hiện chủ đề Tìm hiểu nghề Tin học văn phòng - Tự tin đưa ra được định hướng nghề nghiệp cho bản thân dựa vào kết quả đối chiếu sở thích, khả năng bản thân với những thông tin nghề thu thập được - Có thái độ tích cực tìm hiểu, chia sẻ thông tin nghề và định hướng nghề nghiệp tương lai

b. *Lập kế hoạch bài học và tổ chức HĐGDNPT theo kế hoạch bài học để thực hiện mục tiêu, yêu cầu GDHN*

HĐGDNPT có đặc điểm nổi bật là những kiến thức, kỹ năng của nghề rất gắn gũi với cuộc sống hàng ngày và mang tính thực tiễn cao. Nhiều học sinh đã có một số kinh nghiệm thực tế về nghề trước khi học NPT. Ví dụ, nghề Tin học văn phòng là một nghề phổ biến, gắn gũi với học sinh. Trong thực tế, có nhiều học sinh THCS, THPT đã sử dụng máy vi tính tương đối thành thạo trước khi tham gia học nghề Tin học văn phòng do đã được học ở môn Tin học và tự học ở nhà. Không những

thế, học sinh ngày nay có khả năng thu thập, tìm kiếm và chia sẻ thông tin rất nhanh bằng nhiều nguồn khác nhau như mạng internet, điện thoại di động... trong đó nguồn thông tin qua mạng internet trên máy vi tính là phổ biến nhất.

Hơn nữa, trước khi tham gia học NPT, học sinh đã được tìm hiểu một số kiến thức cơ sở ở môn Công nghệ liên quan đến NPT (Ví dụ, kiến thức về điện ở môn Công nghệ 8 - liên quan đến nghề Điện dân dụng; Kiến thức về trồng trọt ở môn Công nghệ 7 và 10 - liên quan đến nghề Làm vườn, nghề Trồng rừng; Kiến thức về nấu ăn ở Công nghệ 6 và 9 - liên quan đến nghề Nấu ăn...). Từ thực tế trên cho thấy, muốn học sinh hứng thú học NPT và phát triển được các năng lực nhận thức, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các **kĩ năng thiết yếu** qua HĐGDNPT, *giáo viên dạy NPT cần thay đổi một cách cơ bản kiểu dạy học truyền thống, chuyển mạnh từ dạy học truyền thụ một chiều sang dạy học tương tác theo quan điểm dạy học lấy học sinh làm trung tâm của quá trình dạy học*. Trong quá trình tổ chức HĐGDNPT, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn học để duy trì một môi trường học tập tích cực, cởi mở, còn học sinh sẽ tích cực, chủ động tham gia vào quá trình tìm tòi, suy nghĩ, nắm bắt kiến thức mới và vận dụng kiến thức, kĩ năng nghề vào cuộc sống. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi giáo viên tạo điều kiện cho học sinh được học tập theo hai cách tiếp cận là học tập trải nghiệm và học tập cộng tác. Đối với cách học tập trải nghiệm, giáo viên không đơn thuần là người truyền thụ kiến thức mà là người tạo cơ hội, điều kiện cho học sinh được hoạt động tìm tòi, khám phá, lĩnh hội kiến thức mới và rèn luyện kĩ năng thực hành theo khả năng cùng những trải nghiệm, hiểu biết của bản thân; Được trao đổi, chia sẻ với các bạn trong nhóm những kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân; được tìm kiếm thông tin trên Website, tham quan, ngoại khóa, hoạt động cộng đồng... trong suốt quá trình học NPT. Còn đối với cách học tập cộng tác, học sinh được giao các nhiệm vụ thực hiện trong giờ học NPT hoặc thực hiện các dự án, làm bài tập lớn, trong đó có nhiều mảng nhiệm vụ nhỏ đòi hỏi học sinh trong nhóm phải chia nhiệm vụ và giao trọng trách cho nhau để hoàn thành nhiệm vụ hoặc bài tập lớn.

Để thực hiện được hai cách tiếp cận trên, trước hết, giáo viên dạy NPT cần thay đổi cách thiết kế kế hoạch bài học theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm của quá trình dạy học và GDHN qua HĐGDNPT để theo đó thực hiện khi lên lớp theo các bước sau.

Bước 1. Xác định mục tiêu GDHN qua bài học

Cùng với việc xác định mục tiêu chung, giáo viên nên xác định **mục tiêu về GDHN** qua các nội dung cụ thể trong bài học/ chủ đề NPT. Tùy theo nội dung của từng bài học, từng chủ đề, mục tiêu GDHN có thể là học sinh hiểu được yêu cầu

cần đạt khi thực hiện quy trình kỹ thuật, có thể là đánh giá được khả năng của bản thân đối với công việc cụ thể trong NPT, cũng có thể là rèn luyện **kỹ năng thiết yếu** như kỹ năng làm việc an toàn, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc với người khác...

Ví dụ: Khi xác định mục tiêu của Bài 8. Định dạng văn bản trong nghề Tin học văn phòng, cùng với việc xác định các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng như đã ghi trong tài liệu, giáo viên có thể nhấn mạnh mục tiêu GDHN là:

- Học sinh biết được các yêu cầu cần đạt khi định dạng văn bản;
- Rèn luyện kỹ năng quản lý thông tin và hợp tác với người khác;
- Yêu thích công việc soạn thảo văn bản.

Bước 2. Lựa chọn các PPDH và hình thức dạy học

PPDH đặc trưng của HĐGDNPT là PPDH thực hành kỹ thuật vì HĐGDNPT mang tính thực hành và tính ứng dụng cao. Điều này được thể hiện rất rõ trong cấu trúc nội dung các bài học, các chủ đề của các NPT. Ví dụ, nghề Tin học văn phòng: Mỗi bài học đều có 2 phần là lý thuyết và thực hành, trong đó phần thực hành là phần trọng tâm của bài học, chủ đề. Đối với các NPT khác thì số giờ thực hành chiếm khoảng 2/3 thời lượng dành cho mỗi NPT. Do đó, trong kế hoạch bài học, giáo viên cần tăng cường sử dụng PPDH thực hành kỹ thuật và coi đây là PPDH chủ đạo. Bên cạnh đó, giáo viên cần tăng cường lựa chọn và sử dụng các PPDH tích cực trong quá trình dạy học vì PPDH thực hành kỹ thuật chỉ phát huy tác dụng và đem lại hiệu quả như mong muốn khi nó được kết hợp sử dụng với các PPDH khác như PPDH làm việc với sách và tài liệu, PPDH giải thích minh họa, PPDH trực quan, PPDH nêu và giải quyết vấn đề, PPDH hợp tác, PPDH dự án, PPDH theo góc, PPDH hợp đồng và một số kỹ thuật dạy học như kỹ thuật “bản đồ tư duy”, kỹ thuật “khăn phủ bàn”, kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật công não v.v...Giáo viên căn cứ vào nội dung, thời gian của bài học và trình độ nhận thức của học sinh để lựa chọn và xác định các PPDH cần được sử dụng kết hợp với PPDH thực hành kỹ thuật trong quá trình dạy học.

Ví dụ: Khi dạy hầu hết các bài trong chương trình, giáo viên đều có thể kết hợp sử dụng PPDH thực hành kỹ thuật với phương pháp nghiên cứu tài liệu vì trong các tài liệu NPT nói chung, sách học sinh nghề Tin học văn phòng nói riêng có phần lý thuyết hướng dẫn tương đối chi tiết, cụ thể cách thực hiện thao tác, cách làm việc trên máy. Với đặc điểm của học sinh cuối cấp THCS, THPT như đã nêu ở trên, các em có thể vừa nghiên cứu tài liệu vừa thực hành thao tác theo hướng dẫn trong tài liệu. Nhiệm vụ chủ yếu của giáo viên là tổ chức cho học sinh nghiên cứu các nội

dung trong tài liệu và chỉ ra những vấn đề học sinh cần quan tâm, lưu ý khi nghiên cứu tài liệu để thực hành đảm bảo yêu cầu.

Hoặc, giáo viên có thể sử dụng kết hợp với PPDH theo góc để tạo điều kiện cho những học sinh có phong cách học tập khác nhau¹⁵, *có sở thích, khả năng* khác nhau, có nhịp độ học tập khác nhau đều có thể tự tìm cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao và thể hiện được khả năng của mình. Sử dụng PPDH theo góc sẽ giúp học sinh có nhiều cơ hội để trải nghiệm và khám phá kiến thức, đồng thời có cảm giác thoải mái, tự tin hơn. Giáo viên nên tăng cường đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học nhằm làm tăng tính hấp dẫn của nội dung bài học. Giáo viên có thể soạn giáo án điện tử và đưa các hình ảnh động vào, nhất là những bài học hướng dẫn quy trình thực hiện như quy trình ngâm cà phê, chiết cà phê, quy trình ghép mắt... để trình chiếu khi lên lớp. Các PPDH khác như PPDH nêu và giải quyết vấn đề, PPDH dự án, PPDH theo góc, PPDH hợp tác cũng cần được giáo viên quan tâm lựa chọn đưa vào bài soạn để theo đó triển khai thực hiện ở trên lớp .

Bước 3. Xác định các phương tiện kĩ thuật, đồ dùng dạy học

Trong HĐGDNPT, phương tiện kĩ thuật, đồ dùng dạy học đóng vai trò quan trọng đối với việc hoàn thành mục tiêu chương trình vì đây chính là “công cụ” để tiến hành các PPDH trong mỗi bài học, chủ đề của chương trình, nhất là PPDH thực hành kĩ thuật. Vì lẽ đó, khi lập kế hoạch bài học cũng như khi tổ chức triển khai kế hoạch bài học, giáo viên NPT cần xác định đầy đủ những phương tiện kĩ thuật, đồ dùng dạy học tối thiểu giáo viên, học sinh cần chuẩn bị để thực hiện các PPDH, nhất là PPDH thực hành kĩ thuật. Ví dụ, phương tiện kĩ thuật, đồ dùng dạy học tối thiểu đối với hầu hết các bài trong nghề Tin học văn phòng là máy tính (tốt nhất là được nối mạng), sách học sinh, sách giáo viên, phiếu giao nhiệm vụ. Ngoài ra, tùy điều kiện của CSGD, có thể có máy chiếu projector và màn hình hiển thị... Đối với một số NPT như nấu ăn, cắt may, làm vườn, trồng rừng, thêu tay... giáo viên nên xác định cụ thể những phương tiện, đồ dùng dạy học mà học sinh có thể tham gia chuẩn bị cùng giáo viên để đảm bảo cho mọi học sinh đều được thực hành theo nội dung, yêu cầu của bài học.

¹⁵ Qua nghiên cứu người ta thấy rằng các em học sinh có phong cách học tập không giống nhau. Có em thích học qua phân tích, suy nghĩ (nghiên cứu tài liệu, đọc sách để thu nhận kiến thức); có em thích học qua quan sát (quan sát người khác làm, quan sát hình ảnh, suy ngẫm về các hoạt động đã thực hiện); có em thích học qua hoạt động trải nghiệm, khám phá, làm thử; có em thích học qua thực hành áp dụng... Khi dạy học theo góc, giáo viên bố trí cho những em có cùng phong cách học tập vào thành một nhóm (Nguồn: dạy và học tích cực, Dự án Việt- Bỉ).

Bước 4. Thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học chủ yếu trong mỗi bài học/ chủ đề của HĐGDNPT

Hiện nay, Bộ GD&ĐT đang thực hiện thí điểm dạy học theo mô hình trường học mới ở Việt Nam VNEN dựa trên các nguyên tắc của thuyết kiến tạo, trong đó, học sinh được tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập với việc tự học, tự nghiên cứu là chủ yếu và tăng cường hoạt động nhóm. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn học, nghiên cứu tài liệu và khai thác các kinh nghiệm, trải nghiệm của học sinh để từ đó các em lĩnh hội kiến thức, kĩ năng mới. Qua một số năm thí điểm cho thấy, cách thức tổ chức dạy học theo Mô hình trường học mới bước đầu có tác dụng tích cực, đem lại niềm vui trong học tập cho học sinh và có hiệu quả thiết thực trong việc hình thành, phát triển những năng lực cần thiết như năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thực hành và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn...

Nhận thấy cách thức tổ chức dạy học trong mô hình trường học mới phù hợp với đặc điểm của HĐGDNPT và đáp ứng được yêu cầu tạo điều kiện cho học sinh được học tập theo hai cách tiếp cận là học tập trải nghiệm và học tập cộng tác, chúng tôi xin được giới thiệu các hoạt động dạy học chủ yếu và cách thức tổ chức thực hiện từng hoạt động theo mô hình này để giáo viên tham khảo, vận dụng vào việc thiết kế và triển khai kế hoạch bài học¹⁶. Các nội dung có thể triển khai theo các hoạt động khác nhau: Hoạt động trải nghiệm, hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng, hoạt động bổ sung. Chi tiết về cách tiến hành các hoạt động trong một bài học của HĐGDNPT xem cụ thể ở **phụ lục 5**.

c. Một số điểm lưu ý khi tổ chức HĐGDNPT

- Đảm bảo điều kiện về trang thiết bị kĩ thuật, dụng cụ cho tất cả học sinh trong lớp học NPT đều được thực hành. Ví dụ, Đối với lớp học nghề Tin học văn phòng, tốt nhất là mỗi học sinh có 1 máy vi tính để thực hành trong suốt thời gian của giờ học.
- Tăng cường sử dụng PPDH thực hành kĩ thuật (bao gồm phương pháp hướng dẫn của giáo viên và phương pháp luyện tập thực hành của học sinh) vì đây là PPDH đặc trưng trong các giờ HĐGDNPT. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, khi sử dụng PPDH này trong quá trình tổ chức thực hiện các bài học/ chủ đề trong chương trình HĐGDNPT, giáo viên cần chú ý thay đổi trình tự thực hiện: Học sinh tìm tòi, khám phá kiến thức mới, cách làm theo hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân trước - giáo viên giải thích, hướng dẫn sau. Do học sinh phải trình bày những

¹⁶ Nguồn: Tài liệu Một số vấn đề về biên soạn tài liệu hướng dẫn học theo mô hình trường học mới Việt Nam VNEN - Dự án Mô hình trường học mới của Bộ GD&ĐT.

hiểu biết, cách làm theo kinh nghiệm của bản thân trước nên không bắt buộc mọi ý kiến, thao tác của học sinh đều đúng mà có thể được phép sai. Vấn đề quan trọng là học sinh học được qua cái sai, qua sửa lỗi. Còn giáo viên hướng dẫn sau nên chỉ tập trung hướng dẫn những thao tác mới, khó, học sinh không biết cách thực hiện hoặc không tự làm được. Khi hướng dẫn, các thao tác của giáo viên phải chuẩn xác, thành thạo, học sinh cả lớp quan sát được. Nếu nhà trường có máy chiếu Powerpoint, giáo viên nên kết hợp trình chiếu qua máy với thực hiện thao tác, nhất là những thao tác làm trên dụng cụ, vật liệu có kích thước nhỏ (như khâu, ghép mắt...) để giúp học sinh cả lớp quan sát rõ ràng, đầy đủ hơn.

- Ngoài hình thức học trên lớp, giáo viên nên khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh được học tập theo các hình thức khác như *tham quan, ngoại khóa, trải nghiệm nghề, hoặc tham gia hoạt động cộng đồng...* tùy theo điều kiện cho phép và thời gian dành cho các nội dung học tập để các em hiểu rõ hơn về sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân cũng như các nội dung, yêu cầu của nghề trong thực tế.

Ví dụ: Trong quá trình tổ chức HĐGDNPT Nghề Tin học văn phòng, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh tham quan công sở, doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến nghề Tin học văn phòng để tạo điều kiện cho các em trực tiếp mắt thấy, tai nghe về các nội dung, yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp. Nhờ đó, các em sẽ thấy được nhiều khía cạnh khác nhau của nghề nghiệp, trong đó có nhiều khía cạnh mà học sinh không biết hoặc chưa thể hình dung được nếu chỉ học trên lớp, đồng thời hiểu rõ hơn về sở thích nghề nghiệp của bản thân. Bên cạnh đó, giáo viên hướng dẫn, động viên học sinh tham gia trải nghiệm nghề ở những cơ sở doanh nghiệp có sử dụng các kĩ năng tin học văn phòng để các em có thêm cơ hội tìm hiểu nghề, thử sức mình trong hoạt động nghề thực tế. Nhờ đó, các em hiểu kiến thức sâu hơn, rèn luyện kĩ năng nghề được nhiều hơn và có hứng thú học nghề hơn.

- Thay đổi *nội dung và phương pháp đánh giá kết quả học NPT* của học sinh: Ở nước ta hiện nay thường đánh giá như thế nào thì học sinh sẽ học như thế đó. Vì vậy, để đổi mới được cách dạy, cách học NPT theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm, khi đánh giá NPT, giáo viên cần tăng cường kết hợp tự đánh giá của học sinh với đánh giá của giáo viên, đánh giá đồng đẳng (học sinh đánh giá lẫn nhau). Các bài kiểm tra không nên tập trung vào đặt các câu hỏi tự luận yêu cầu học sinh phải thuộc bài mới trả lời được mà nên đặt các câu hỏi xuất phát từ tình huống thực tiễn, yêu cầu học sinh vận dụng hiểu biết của bản thân để giải quyết tình huống. Bên cạnh đó, nên tăng cường sử dụng phương pháp trắc nghiệm để kiểm tra, đánh giá được hiểu biết, khả năng vận dụng kiến thức của học sinh trên diện rộng. Chú ý đưa yếu tố hướng nghiệp vào kiểm tra, đánh giá.

VII. TÌM HIỂU THÔNG TIN NGHỀ VÀ TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ NGHỀ PHỔ THÔNG

1. Mục đích

- Giúp học sinh có được những thông tin cần thiết về NPT bằng nhiều nguồn và phương pháp khác nhau;
- Giúp học sinh có cơ hội tiếp cận, thử sức mình trong các hoạt động nghề cụ thể liên quan tới NPT học sinh đang học. Qua đó, học sinh nâng cao được nhận thức nghề nghiệp và có cơ sở thực tiễn để đánh giá NPT này có phù hợp với mình hay không;
- Giúp học sinh hiểu rõ hơn về sở thích nghề nghiệp, khả năng nghề nghiệp của bản thân.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

Bất cứ thời gian nào trong quá trình học sinh tham gia học NPT

2.2. Các bước thực hiện

Bước 1. Tìm hiểu qua mạng Internet

Học sinh phải hiểu rõ rằng, **mục đích chủ yếu của việc các em tham gia học NPT** là giúp các em hiểu rõ hơn về *sở thích và khả năng* bản thân, đồng thời hiểu rõ hơn về các nội dung, yêu cầu của nghề để từ đó đưa ra được định hướng nghề nghiệp phù hợp. Vì vậy, cùng với việc tìm hiểu các thông tin về nghề qua sách vở, tài liệu và học NPT, các em có thể vận dụng các kiến thức NPT để tự mình tìm hiểu thêm các thông tin nghề bằng cách sử dụng công cụ tìm kiếm google, vào những trang Web như kiemviec.com, timviec.com, vietnamworks.com để xem **bản mô tả công việc**, yêu cầu bằng cấp, kinh nghiệm, lương bổng và có thêm kiến thức nghề nghiệp. Qua các thông tin lấy được từ trên mạng, các em có thể biết được những công việc rất cần các kiến thức, kĩ năng của NPT mà các em đang học. Ví dụ, các nghề thư ký văn phòng, trợ lí hành chính, trợ lí giám đốc/trợ lí tổng giám đốc, quản trị văn phòng v.v... rất cần tới kiến thức, kĩ năng của nghề tin học văn phòng. Các em cũng biết được những yêu cầu của từng công việc trên để từ đó có kế hoạch học tập, rèn luyện nếu như bản thân thấy hứng thú và có khả năng phù hợp với các công việc đó.

Bước 2. Tìm hiểu qua phỏng vấn thông tin

Sau khi đã có những hiểu biết cơ bản về các nghề liên quan đến NPT, học sinh có thể tìm hiểu thực tế về nghề bằng cách:

- Trò chuyện và phỏng vấn những sinh viên đang theo học các ngành liên quan đến NPT mà các em đang học ở các trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng hay đại học. Qua những cuộc trò chuyện, phỏng vấn, học sinh có thêm hiểu biết về điều kiện, yêu cầu, nội dung học tập ở những ngành này và có cơ sở để đối chiếu với sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân.
- Trò chuyện, phỏng vấn người lao động đang làm việc trong các nghề hoặc vị trí công việc đòi hỏi phải có kiến thức, kĩ năng của NPT các em đang học để tìm hiểu về phù hợp với nghề. Ví dụ, những học sinh học nghề Tin học văn phòng có thể trò chuyện, phỏng vấn người lao động trong nghề để hiểu thêm được trách nhiệm hàng ngày, điều kiện làm việc, yêu cầu về khả năng, sở thích, cá tính của nghề thư ký văn phòng, trợ lí hành chính, trợ lí giám đốc/trợ lí tổng giám đốc. Thông tin thu thập được sẽ giúp cho học sinh có cơ sở để đối chiếu với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân và quyết định có nên đi theo ngành học và những nghề nghiệp này hay không.

Bước 3. Tìm hiểu qua trải nghiệm thực tiễn

Một phương pháp khác mà học sinh có thể dùng nếu có điều kiện là tham gia công tác tình nguyện, làm việc bán thời gian, đi làm vào dịp nghỉ hè... trong những công việc có liên quan đến NPT các em đang học. Những trải nghiệm thực tiễn này sẽ giúp học sinh hiểu rõ hơn sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân, cũng như giúp học sinh phát triển và rèn luyện những kĩ năng thiết yếu khác.

Ví dụ: Học sinh học nghề tin học văn phòng có thể giúp sư trụ trì ở ngôi chùa gần nhà làm bản tin tài chính về việc quyên góp của các nhà hảo tâm cho các hoạt động từ thiện của chùa; Hoặc, làm một số công việc văn phòng (soạn thảo văn bản, thống kê...) giúp doanh nghiệp của gia đình; Làm nhân viên soạn thảo văn bản cho cửa hàng photocopy trong thời gian nghỉ hè...

Việc thực hiện các bước trên rất linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện xong bước 1 mới thực hiện bước 2, bước 3.

Sau khi thực hiện 2 hoặc 3 bước trên, học sinh dùng những thông tin và kinh nghiệm thu được để ra quyết định nghề nghiệp xem NPT đã học có phù hợp với mình không. Nếu có thì vì sao, và phù hợp ở những điểm nào? Nếu không thì vì sao và không phù hợp ở những điểm nào?

VIII. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA BẢN THÂN VỚI NGHỀ PHỔ THÔNG ĐÃ THAM GIA HỌC

1. Mục đích

Giúp học sinh hiểu rõ và vận dụng được những kiến thức về bản thân, về nghề nghiệp vào việc đánh giá mối tương quan giữa *sở thích và khả năng nghề nghiệp*, các **kỹ năng thiết yếu** của bản thân với NPT đã tham gia học. Từ đó tự tin đưa ra được quyết định chọn hướng học ở cấp học, bậc học cao hơn và chọn nghề phù hợp.

2. Cách tiến hành

2.1. Thời gian thực hiện

Tổ chức cho học sinh đánh giá khi **kết thúc** quá trình học NPT

2.2. Các bước thực hiện

Bước 1. Học sinh làm lại 2 phiếu trắc nghiệm về sở thích đã làm trước khi tham gia học NPT. Sau đó, so sánh kết quả hiện tại với kết quả lúc đầu theo bảng phân tích sau:

Bảng 8: Kết quả trắc nghiệm sở thích và khả năng trước và sau khi học nghề phổ thông

	Kết quả trắc nghiệm trước khi đăng kí tham gia học NPT	Kết quả trắc nghiệm sau khi đăng kí tham gia học NPT
Nhóm sở thích nổi trội nhất		
Nhóm sở thích nổi trội nhì		
Nhóm sở thích nổi trội ba		

Học sinh đọc và trả lời câu hỏi sau vào phía dưới bảng:

- **Kết quả trắc nghiệm của học sinh trước và sau khi học NPT giống hay khác nhau? Vì sao giống / vì sao khác?**

Bước 2. Học sinh tiếp tục làm bảng phân tích sau để đánh giá đánh giá sự phù hợp của bản thân với NPT đã học

Bảng 9: Đánh giá sự phù hợp của bản thân với các nội dung trong chương trình HGDNPT

Các chủ đề/ nội dung chủ yếu	Mức độ thích thú của bản thân với nội dung học	Khả năng tự nhiên của bản thân bộc lộ qua nội dung học
Chủ đề 1.....	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)
Chủ đề 2.....	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)
Chủ đề n.....	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)

Giáo viên hướng dẫn học sinh tự **đánh giá**:

- Số điểm 4 và 5 ở mỗi khung cho thấy sự phù hợp của các nội dung học trong NPT với học sinh. Điều này có nghĩa là em có sở thích và khả năng đối với những nghề có cùng mã (hoặc cùng nhóm *sở thích nghề nghiệp* Holland) với NPT;
- Số điểm 3 trở xuống cho thấy sự không phù hợp của các nội dung học trong NPT với bản thân em. Điều này có nghĩa là em không thích và không có khả năng tự nhiên đối với những nghề có cùng mã (hoặc cùng nhóm *sở thích nghề nghiệp* Holland) với NPT;
- Nếu số điểm của em cao ở cột khả năng nhưng thấp ở cột sở thích thì điều này có nghĩa là em có thể học tốt các ngành liên quan nhưng không thực sự đam mê lắm. Vì vậy, nếu em chọn ngành học hay công việc trong những ngành này, em sẽ học và làm tốt, nhưng sẽ thiếu động lực để phát triển. Có thể em sẽ cảm thấy vui vẻ sau một thời gian dài làm việc nếu công việc tiến triển tốt đẹp;

- Nếu ngược lại, số điểm của em cao ở cột sở thích nhưng thấp ở cột khả năng thì có nghĩa là em rất thích các ngành liên quan nhưng không có khả năng tự nhiên để học tốt. Vì vậy, em cần cân nhắc cẩn thận khi chọn ngành nghề trong hai lĩnh vực này.

Ví dụ: Khi kết thúc học NPT Tin học văn phòng, giáo viên dạy nghề tin học văn phòng tổ chức cho học sinh thực hiện bước 2 bằng cách đánh dấu X vào mức độ phù hợp của bản thân với từng chủ đề của nghề tin học văn phòng trong bảng sau:

Bảng 10: Đánh giá sự phù hợp của bản thân với các nội dung trong chương trình NPT Tin học văn phòng

	Mức độ thích thú của bản thân với nội dung học	Khả năng tự nhiên của bản thân bộc lộ qua nội dung học
Hệ điều hành Windows	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)
Hệ soạn thảo văn bản Word	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)
Chương trình bảng tính Excel	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)
Làm việc trong mạng cục bộ	- Rất thích và rất hứng thú (5) - Thích và hứng thú (4) - Bình thường (3) - Không thích lắm (2) - Hoàn toàn không thích và không hứng thú (1)	- Rất giỏi (5) - Giỏi (4) - Khá (3) - Bình thường (2) - Ít có khả năng(1)

Đánh giá:

- Số điểm 4 và 5 ở mỗi khung cho thấy sự phù hợp của các nội dung học trong NPT tin học văn phòng với học sinh, chứng tỏ những em học sinh này có sở thích và khả năng trong hai nhóm sở thích KT và NV.
- Số điểm 3 trở xuống cho thấy sự không phù hợp của các nội dung học trong NPT tin học văn phòng với học sinh, chứng tỏ những em học sinh này không thích và không có khả năng tự nhiên trong hai nhóm sở thích KT và NV.
- Nếu số điểm của học sinh cao ở cột khả năng nhưng thấp ở cột sở thích chứng tỏ em học sinh này có thể học tốt các ngành liên quan đến hai nhóm sở thích KT và NV nhưng không thực sự đam mê. Các em có thể chọn các ngành học hoặc làm công việc thuộc hai lĩnh vực này
- Nếu số điểm của học sinh cao ở cột sở thích nhưng thấp ở cột khả năng chứng tỏ những em học sinh này rất thích các ngành liên quan đến hai nhóm sở thích KT và NV nhưng không có khả năng tự nhiên để học tốt. Vì vậy, cần cân nhắc cẩn thận khi chọn ngành nghề trong hai lĩnh vực này.

Bước 3. Tư vấn

Sau khi học sinh tự đánh giá *sở thích và khả năng* bản thân qua hai bước trên, nếu vẫn chưa đủ tự tin để có định hướng nghề nghiệp tương lai, các em có thể tìm đến dịch vụ tư vấn hướng nghiệp để được hỗ trợ sâu hơn trong việc chọn ngành học, chọn nghề hoặc định hướng học, nghề nghiệp trong tương lai.

PHẦN

4

MẪU KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG
TẬP HUẤN CHO GIÁO VIÊN
DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG

MỤC TIÊU

Sau khóa tập huấn hai ngày, các học viên sẽ:

- Hiểu được mục đích, mục tiêu, yêu cầu GDHN qua HGDGNPT;
- Hiểu các lí thuyết hướng nghiệp cơ bản có liên quan đến HGDGNPT. Biết cách áp dụng các lí thuyết hướng nghiệp vào thực tiễn tổ chức HGDGNPT ở CSGD của học viên
- Biết cách sử dụng các nội dung trong tài liệu có hiệu quả, đồng thời biết cách hướng dẫn đồng nghiệp sử dụng tài liệu khi tổ chức HGDGNPT;
- Quan tâm và hứng thú áp dụng các nội dung trong tài liệu vào thực tiễn tổ chức HGDGNPT.

NGÀY 1. CÁC LÍ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP VÀ TRẮC NGHIỆM

I. HOẠT ĐỘNG 1. XÂY DỰNG HỢP ĐỒNG KHÓA HỌC

Thời gian: 15 phút

Mục tiêu:

- Tạo không khí thân mật, thoải mái trong lớp học;
- Xác định được nhu cầu, trách nhiệm của học viên và tập huấn viên trong khóa tập huấn;
- Thống nhất phương pháp học tập và tập huấn.

Học liệu:

- 4 tờ bìa nhỏ (dán được) cho 1 học viên
- 4 tờ giấy trắng khổ A1
- Bút dạ, bút viết
- Băng dính 2 mặt

Nhiệm vụ hoạt động 1

Trả lời 4 câu hỏi sau vào 4 tờ giấy riêng biệt:

1. Thầy/cô muốn những **học viên khác trong lớp** làm những điều gì để khóa tập huấn này thành công?
2. Thầy/cô muốn **nhóm tập huấn** viên làm những điều gì để khóa tập huấn này thành công?
3. **Bản thân** thầy/cô sẽ làm những điều gì để khóa tập huấn này thành công?
4. Thầy/ cô muốn **học hỏi được điều gì** từ khóa học này?

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giới thiệu và giải thích nhiệm vụ

2. Làm việc cá nhân:

- Mỗi học viên viết từng câu trả lời vào từng tờ giấy nhỏ được phát;
- Sau đó, học viên dán các câu trả lời lên tờ giấy A1 có ghi sẵn 4 tiêu đề theo 4 câu hỏi (được treo/dán ở trên ở trên tường của lớp tập huấn) .

3. Làm việc nhóm

Chia học viên trong lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm lấy một tờ giấy A1 có dán các câu trả lời về bàn, đọc các câu trả lời, ghi tóm tắt các ý kiến vào tờ giấy A1

4. Làm việc cả lớp

- Đại diện từng nhóm chia sẻ các ý kiến nhóm đã tập hợp được trước lớp.
- Giảng viên và học viên thống nhất hợp đồng với những giá trị chung cho khóa học, đồng thời thống nhất: Cứ khoảng 3 giờ đồng hồ, cả lớp sẽ cùng nhau đánh giá việc thực hiện được hợp đồng khóa học tốt như thế nào.

II. HOẠT ĐỘNG 2. CÁC LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP CƠ BẢN VÀ TRẮC NGHIỆM; ÁP DỤNG LÝ THUYẾT VÀ TRẮC NGHIỆM VÀO BẢN THÂN HỌC VIÊN VÀ HGDNPT

Thời gian: 180 phút

Mục tiêu:

- Hiểu được các lý thuyết hướng nghiệp cơ bản có liên quan với HGDNPT
- Biết cách làm trắc nghiệm sở thích, khả năng theo lý thuyết mật mã Holland;
- Áp dụng được các lý thuyết hướng nghiệp và trắc nghiệm vào bản thân và nghề phổ thông.

Học liệu:

- Bút dạ, bút viết, giấy trắng khổ A1;
- Tài liệu tập huấn - phần 2 của tài liệu;
- Bộ phiếu Trắc nghiệm sở thích theo lý thuyết mật mã Holland;
- 6 bản in nội dung của 6 nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland (dán ở 6 vị trí trong lớp tập huấn);
- Slide trình chiếu các nhiệm vụ hoặc phiếu giao nhiệm vụ được in ra để phát cho học viên

Các nhiệm vụ của hoạt động 2

Nhiệm vụ 1

1. Ở thời điểm hiện tại, thầy/ cô có sở thích nghề nghiệp và những kĩ năng nào? (thầy/ cô là ai?)
2. Trong 2 năm tới, thầy/cô muốn có những phát triển nghề nghiệp như thế nào? (thầy/ cô đang đi về đâu?)
3. Làm cách nào để thầy/cô có thể đạt được mục tiêu ở câu hỏi 2?

Nhiệm vụ 2

1. Trong những công việc được ghi trong nhóm sở thích thầy/ cô đã chọn, thầy/ cô thấy công việc nào phù hợp với bản thân?
2. Ngoài những công việc được ghi trong nhóm sở thích thầy/ cô đã chọn, thầy/cô thấy còn những công việc nào khác chưa được ghi, cần bổ sung?
3. Nếu chọn công việc ấy thì phải học ngành gì?

Nhiệm vụ 3

1. Thầy/cô đã có câu trả lời cho 3 bước tìm hiểu chưa? Nếu có thì chúng là gì? Nếu không thì thầy/cô sẽ làm gì để tìm ra câu trả lời?
2. Sau khi hoàn thành câu 1, hãy ghi chi tiết 4 bước hành động của thầy/cô?

Nhiệm vụ 4

1. Thầy/cô nghĩ gì về những lí thuyết vừa được trình bày?
2. Thầy/cô thấy những lí thuyết nào có thể áp dụng được và lí thuyết nào không thể áp dụng được vào HĐGDNPT ở CSGD của thầy/cô trong thời điểm hiện tại? Lí do?

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Quy trình hướng nghiệp

1.1. Làm việc cả lớp

- Giảng viên giới thiệu ba **Năng lực hướng nghiệp** cần có của học sinh, bao gồm: 1/ Năng lực nhận thức bản thân; 2/ Năng lực nhận thức nghề nghiệp và 3/ Năng lực xây dựng kế hoạch nghề nghiệp.

- Giới thiệu 3 bước trong hình 1- Sơ đồ **Quy trình hướng nghiệp**: *Em là ai? Em đang đi về đâu? Làm sao để em đi được đến nơi em muốn đến?*
- Giải thích từng bước trong hình 1- Sơ đồ **Quy trình hướng nghiệp** theo nội dung ở **mục II - phần 2** của tài liệu.
- Nhấn mạnh một số điểm sau:
 - Trong hướng nghiệp, việc giúp cho học sinh trả lời được câu hỏi *Em là ai?* là việc đầu tiên cần phải làm và đóng vai trò rất quan trọng vì chỉ khi hiểu rõ bản thân mình là ai trong 4 lĩnh vực *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp*, học sinh mới có cơ sở để chọn hướng học, chọn nghề phù hợp.
 - Ba bước trong **quy trình hướng nghiệp** có ảnh hưởng và tác động qua lại với nhau. Kết quả thực hiện bước trước là cơ sở để thực hiện bước sau. Ngược lại, kết quả thực hiện bước sau có thể giúp học sinh nhìn nhận, đánh giá lại kết quả thực hiện bước đã thực hiện trước đó. Từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp.

1.2. Làm việc cá nhân

- Giới thiệu nhiệm vụ 1 của hoạt động 3.
- Học viên suy ngẫm, vận dụng trải nghiệm thực tế của bản thân để viết vào giấy câu trả lời cho **3 câu hỏi ở nhiệm vụ 1**.

2. Lí thuyết cây nghề nghiệp

- Giới thiệu mô hình **Lí thuyết cây nghề nghiệp** và giải thích mô hình **lí thuyết cây nghề nghiệp** theo nội dung ở **mục III - phần 2** của tài liệu. Nêu ví dụ thực tế để làm rõ nội dung chủ yếu và ý nghĩa của **lí thuyết cây nghề nghiệp** đối với HGDNPT.

3. Lí thuyết mật mã Holland

3.1. Làm việc cả lớp

- Giới thiệu, giải thích nội dung chủ yếu, ý nghĩa của **lí thuyết mật mã Holland** và mô hình lục giác Holland theo nội dung ở **mục IV - phần 2** của tài liệu. Nêu ví dụ thực tế.
- Yêu cầu một học viên trong lớp nêu ví dụ về học sinh của mình để làm rõ **lí thuyết mật mã Holland**.

3.2. Làm việc cá nhân

- Học viên làm trắc nghiệm sở thích phần 1, phần 2 ở **phụ lục 1**.

Sau khi làm xong 2 phiếu trắc nghiệm sở thích, các học viên trong lớp đến đứng ở tờ giấy có ghi nhóm sở thích của mình. Học viên đọc và quyết định xem những khả năng của mình có phù hợp với nhóm sở thích này không. Nếu có, ở lại nhóm đó. Nếu không, chuyển qua nhóm khác mà phù hợp sở thích của mình.

3.3. Làm việc nhóm

- Các học viên có cùng nhóm sở thích tạo thành nhóm mới;
- Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ 2;
- Các học viên trong nhóm thảo luận, chia sẻ suy nghĩ của bản thân theo nội dung của nhiệm vụ 2. Ghi vào giấy các ý kiến của mọi người trong nhóm.
- Giảng viên đến từng nhóm, hỏi một số học viên về lí do chọn nhóm này, không chọn nhóm khác? Cảm xúc của bản thân khi đứng vào nhóm đã chọn?
- Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.

4. Lí thuyết hệ thống và mô hình lập kế hoạch nghề

4.1. Làm việc cả lớp

- Giới thiệu **Lí thuyết hệ thống và mô hình lập kế hoạch nghề**. Giải thích 2 lí thuyết này theo nội dung ở **mục V, mục VI - phần 2** của tài liệu.
- Mời một học viên trong lớp kể lại câu chuyện của bản thân hoặc học trò cũ để minh họa cho 2 lí thuyết hướng nghiệp.

4.2. Làm việc cá nhân

- Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ 3 và lưu ý: Những ý kiến trong nhiệm vụ 3 mang tính chất riêng tư nên mọi người chỉ viết vào giấy cho mình biết, không trình bày trước lớp;
- Học viên viết vào giấy các ý kiến của bản thân theo các câu hỏi của nhiệm vụ 3;
- Giảng viên hỏi học viên có thắc mắc/câu hỏi gì để giải thích.

5. Lí thuyết vị trí điều khiển

5.1. Làm việc cả lớp

- Giảng viên giới thiệu mô hình lí thuyết vị trí điều khiển. Giải thích theo nội dung trong mục VII - phần 2 của tài liệu. Sau đó nêu ví dụ thực tế để làm rõ nội dung, ý nghĩa của lí thuyết vị trí điều khiển
- Mời 1 học viên trong lớp liên hệ bản thân và kể lại câu chuyện của mình hoặc học sinh của mình để minh họa cho lí thuyết vị trí điều khiển.

5.2. Làm việc cá nhân

- Giảng viên nêu yêu cầu: Thầy/cô hãy ghi lại một chuyện xảy ra trong đời khi mà cách suy nghĩ tích cực (tôi làm chủ đời mình) đã giúp thầy/ cô vượt qua khó khăn đó;
- Học viên suy ngẫm và ghi tóm tắt nội dung câu chuyện của bản thân.

5.3. Làm việc nhóm

- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 người. Mỗi người kể lại câu chuyện của bản thân liên quan đến lí thuyết vị trí điều khiển.

Mời đại diện 1- 2 nhóm kể lại trước lớp câu chuyện có thật trong cuộc sống liên quan đến lí thuyết vị trí điều khiển;

Liên hệ trong giáo dục: Hiểu rõ lí thuyết vị trí điều khiển sẽ giúp học sinh có ý chí vươn lên, biết vượt qua khó khăn, vượt qua chính mình để đạt được mục tiêu đặt ra.

6. Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch

6.1. Làm việc cả lớp

- Giảng viên giới thiệu và giải thích lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch theo nội dung trong mục VIII- phần 2 của tài liệu.
- Nêu ý nghĩa của lí thuyết may mắn có kế hoạch và nêu ví dụ minh họa. Có thể kể câu chuyện của bản thân chứng minh cho lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch.

6.2. Làm việc nhóm

- Giảng viên nêu nhiệm vụ: Thầy/ cô hãy thảo luận, chia sẻ với người cạnh mình một điều may mắn/không may mắn mà bản thân đã gặp được trong hoạt động nghề nghiệp mình. Nói rõ điều may mắn/không may mắn ấy là gì? và đã ảnh hưởng đến sự nghiệp của thầy/ cô ra sao?
- Học viên thảo luận nhóm đôi nhiệm vụ trên và ghi tóm tắt vào giấy;
- Mời 1 - 2 học viên chia sẻ câu chuyện của mình trước lớp;
- Giảng viên nhấn mạnh ý nghĩa của Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch: Sự may mắn phải do mình tạo ra. Nếu hiểu rõ lí thuyết này sẽ khuyến khích, thổi vào mỗi người một niềm tin để sống tốt hơn

7. Thảo luận về các lí thuyết hướng nghiệp

- Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ 4.
- Tổ chức cho học viên thảo luận nhóm theo 2 câu hỏi trong nhiệm vụ 4. Ghi kết quả thảo luận vào giấy và dán lên bảng.
- Giảng viên, học viên trong lớp đọc các kết quả thảo luận được dán trên bảng và chia sẻ ý kiến

III. HOẠT ĐỘNG 3. KỸ NĂNG THIẾT YẾU

Thời gian: 80 phút

Mục tiêu:

- Hiểu được kỹ năng thiết yếu và ý nghĩa của các kỹ năng thiết yếu trong hoạt động nghề nghiệp.
- Biết cách xác định các kỹ năng thiết yếu của bản thân.
- Áp dụng được các hiểu biết về kỹ năng thiết yếu để tự đánh giá những kỹ năng thiết yếu của bản thân được hình thành và phát triển qua hoạt động nghề nghiệp

Học liệu:

- Bút dạ, bút viết, giấy trắng khổ A1.
- Tài liệu tập huấn - phần 3 và phụ lục 6 của tài liệu
- Slide trình chiếu nhiệm vụ hoạt động 3 hoặc phiếu giao nhiệm vụ được in ra để phát cho học viên

Nhiệm vụ hoạt động 3

Xây dựng mô hình của mỗi người theo các bước:

Bước 1: Nhớ lại hình ảnh của mình khi **mới bước vào nghề dạy học**

Bước 2: Ghi lại những kỹ năng bản thân rèn luyện được sau 2 năm trong nghề

Bước 3: Theo thầy/ cô, trong những kỹ năng ấy, kỹ năng nào có thể được sử dụng trong bất cứ vị trí công việc nào (thư ký, quản lý, bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật, ...)

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu nội dung phiếu nhiệm vụ hoạt động 3.

2. Làm việc cá nhân

Học viên suy nghĩ và ghi vào giấy các ý kiến cá nhân theo từng nhiệm vụ hoạt động 3

3. Làm việc nhóm

- Mỗi nhóm 4 người, trong đó ít nhất có 1 nữ và mọi người đến từ các trường khác nhau. Mọi người trong nhóm chia sẻ về kết quả làm việc cá nhân và ghi vào tờ giấy khổ A1 ý kiến chung của cả nhóm về nhiệm vụ của hoạt động 3
- Đính kết quả thảo luận vào vị trí được phân công. Mỗi nhóm cử một người ở lại trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Những người còn lại đến các nhóm khác nghe đại diện của nhóm trình bày kết quả thảo luận nhiệm vụ của hoạt động 3;

- Giảng viên nêu tóm tắt ý kiến thảo luận của các nhóm. Sau đó giải thích thế nào là **kĩ năng thiết yếu** và tại sao phải có **kĩ năng thiết yếu**?

4. Làm bài tập áp dụng

- Học viên xem **phụ lục 4**, đọc nội dung trong bảng 1: Các **kĩ năng thiết yếu**. Tiếp tục đọc bảng 2, tự đánh giá mức độ đạt được các **kĩ năng thiết yếu** của bản thân bằng cách đánh dấu X vào cột dọc ngang hàng với từng **kĩ năng thiết yếu**.
- So sánh kết quả này với kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 3.

Giảng viên kết luận hoạt động 3 và nêu ý nghĩa của **kĩ năng thiết yếu**.

IV. HOẠT ĐỘNG 4. XÁC ĐỊNH CÁC KĨ NĂNG THIẾT YẾU HỌC SINH HỌC ĐƯỢC QUA HGDNPT

Thời gian: 60 phút

Mục tiêu: củng cố và xác định được những kĩ năng thiết yếu mà học sinh học được qua HGDNPT

Học liệu:

- Bút dạ, bút viết
- Giấy khổ A1, A4.
- Tài liệu tập huấn - Phần 3 của tài liệu
- Slide trình chiếu nội dung nhiệm vụ hoạt động 4 hoặc phiếu nhiệm vụ hoạt 4 được in sẵn để phát cho học viên.

Nhiệm vụ hoạt động 4

1. Theo thầy/cô, học sinh sẽ học được những kĩ năng nào từ HGDNPT mà thầy/ cô đang giảng dạy.
2. Những kĩ năng nào trong số các kĩ năng trên là kĩ năng thiết yếu?

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ của hoạt động 4

2. Làm việc nhóm

- Chia lớp thành các nhóm. Tốt nhất là chia nhóm theo nhóm NPT mà học viên đang giảng dạy (Nhóm các nghề Nông nghiệp; Nhóm các nghề Dịch vụ; Nhóm các nghề Công nghiệp; Nhóm nghề Tin học văn phòng...).
- Học viên thảo luận, chia sẻ ý kiến theo nội dung trong phiếu nhiệm vụ. Thư kí nhóm ghi lại ý kiến của mọi người trong nhóm.

3. Làm việc cả lớp

Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận về những kỹ năng học sinh sẽ học được từ NPT và chỉ ra những **kỹ năng thiết yếu** trong số những kỹ năng đó.

4. Nhận xét, đánh giá ngày tập huấn thứ nhất và giao bài tập về nhà

- Giảng viên nhận xét về tinh thần thái độ học tập và kết quả thực hiện hợp đồng khóa tập huấn ngày thứ nhất.
- Giao bài tập về nhà: Làm trắc nghiệm sở thích cho một người thân trong gia đình (cháu, con bạn, học trò, ...). Không nên làm cho con mình.

V. HOẠT ĐỘNG 5. ĐÁNH GIÁ NGÀY 1

Kết thúc ngày tập huấn thứ nhất, giảng viên tổ chức cho học viên đánh giá kết quả làm việc trong ngày thông qua việc trả lời 3 câu hỏi sau vào thẻ/ giấy nhỏ:

1. Chia sẻ một điều thầy/ cô nhớ nhất trong ngày hôm nay?
2. Nếu có thể thay đổi một/ những hoạt động trong ngày hôm nay thì thầy/cô sẽ thay đổi như thế nào?
3. Thầy/cô sẽ sử dụng những nội dung nào của ngày hôm nay vào việc tổ chức HĐGDNPT ở CSGD của mình.

NGÀY THỨ HAI. THỰC HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ

VI. HOẠT ĐỘNG 6. ÔN LẠI NHỮNG LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP ĐÃ HỌC TRONG NGÀY 1

Thời gian: 20 phút

Mục tiêu: Ôn tập, củng cố và trao đổi về các lý thuyết hướng nghiệp đã tập huấn ngày 1

Học liệu: Các mô hình lý thuyết hướng nghiệp ở phần 2 của tài liệu

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu nội dung ngày thứ hai
 - Ôn lại lý thuyết hướng nghiệp và áp dụng lý thuyết hướng nghiệp vào HĐGDNPT;
 - Hiểu nội dung tài liệu và thực hành sử dụng tài liệu.
2. Giảng viên trình chiếu, nhắc lại những lý thuyết hướng nghiệp được áp dụng vào HĐGDNPT và những **kỹ năng thiết yếu** được hình thành qua học NPT.

3. Mời một số học viên báo cáo kết quả làm bài tập ở nhà trước lớp.

4. Làm việc nhóm

Học viên thảo luận nhóm đôi: Thầy/cô hãy chia sẻ với người bên cạnh về một lí thuyết hướng nghiệp mà thầy/cô tâm đắc nhất trong ngày 1.

VII. HOẠT ĐỘNG 7. THỰC HÀNH DẠY NỘI DUNG TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH, KHẢ NĂNG CỦA HỌC SINH TRƯỚC KHI HỌC NPT

Thời gian: 80 phút

Mục tiêu: Hiểu nội dung của lí thuyết mật mã Holland và áp dụng được vào việc dạy thử nội dung trắc nghiệm sở thích, khả năng khi tổ chức dạy NPT

Học liệu:

- Phiếu trắc nghiệm sở thích phần 1, phần 2 (**phụ lục 1**)
- Bảng: các nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland hoặc Bộ phiếu có hình các nghề nghiệp điển hình trong từng nhóm tính cách (**phụ lục 2**)
- Tài liệu tập huấn: **Mục III - Phần 2, mục I- Phần 3 và phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 5 - Phần phụ lục.**
- Giấy, bút viết.

Nhiệm vụ hoạt động 7

1. Soạn giáo án để dạy trong 30 phút với mục tiêu là giúp học sinh nhận ra các em thuộc nhóm sở thích nào.
2. Chia sẻ trong nhóm 3 người giáo án của mình cùng nhận lời góp ý từ các thành viên nhóm
3. Một người thực hành dạy trước lớp.

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ của hoạt động 7

2. Làm việc cá nhân

- Học viên nghiên cứu **mục III - Phần 2**, sau đó nghiên cứu **mục I - Phần 3** của tài liệu.
- Tham khảo bài dạy “Làm trắc nghiệm sở thích và tìm hiểu khả năng” do học viên lớp tập huấn giảng viên nòng cốt soạn và thực hành ở trường THPT (**phụ lục 4**)

- Soạn bài để dạy nội dung: “Làm trắc nghiệm sở thích và tìm hiểu khả năng” trước khi học sinh đăng kí học NPT.

Sử dụng nội dung trong **mục I - phần 3** của tài liệu để soạn bài.

3. Làm việc nhóm

- Giảng viên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 - 4 người.
- Học viên trao đổi, chia sẻ trong nhóm về bài soạn của mình. Các thành viên khác trong nhóm góp ý cho bài soạn.

4. Thực hành dạy nội dung đã soạn

- Tìm người thực hành dạy trước lớp bằng cách bốc thăm hoặc đề nghị học viên trong lớp xung phong.
- Tổ chức dạy theo nội dung bài đã soạn và đã được góp ý trong 30 phút. Tốt nhất là dạy trên đối tượng học sinh phổ thông - nếu bố trí được. Nếu không bố trí được lớp học sinh phổ thông, các thành viên trong lớp đóng vai học sinh. Lúc này, giảng viên nhắc lại hợp đồng lớp học để mọi người nhiệt tình tham gia đóng vai.

5. Viết phiếu góp ý giờ dạy

- Mỗi học viên ghi vào tờ giấy nhỏ khổ A5 hai ý sau:
 - Thầy/ cô học hỏi được những điều gì qua bài dạy thực hành?
 - Thầy/ cô sẽ thêm hoặc thay đổi điều gì nếu dạy bài này?
- Giảng viên thu lại các phiếu góp ý.

6. Nêu một số điểm giáo viên cần lưu ý với học sinh khi làm trắc nghiệm về sở thích, khả năng:

- Trắc nghiệm chỉ là công cụ, không phải là chìa khóa mở ra một cách đầy đủ và chính xác các sở thích, khả năng của tất cả mọi người;
- Trắc nghiệm cho các em cơ hội để lắng đọng và tìm hiểu về bản thân;
- Kết quả trắc nghiệm không phải là câu trả lời cuối cùng, mà chỉ là một gợi ý cho mỗi người tự tìm ra câu trả lời từ nội tâm mình.

Sau khi học sinh làm trắc nghiệm, giáo viên không cho học sinh câu trả lời (học ngành nào? học nghề gì?). Nếu biết học sinh có sở thích thuộc nhóm nào, giáo viên có thể hỗ trợ bằng cách cung cấp địa chỉ Website để các em tiếp tục tìm hiểu thêm.

VIII. HOẠT ĐỘNG 8. THỰC HÀNH DẠY NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THIẾT YẾU

Thời gian: 80 phút

Mục tiêu: Học viên hiểu kỹ năng thiết yếu và áp dụng được vào việc dạy thử nội dung Đánh giá kỹ năng thiết yếu khi tổ chức dạy NPT

Học liệu:

- Bản photocopy Bảng 1 và bảng 2 ở phụ lục 6 - phần phụ lục
- Tài liệu tập huấn: Mục IV- Phần 3 và phụ lục 4, phụ lục 6 - Phần phụ lục.
- Giấy, bút viết.

Nhiệm vụ hoạt động 8

1. Soạn giáo án để dạy trong 30 phút với mục tiêu là giúp học sinh tự đánh giá kỹ năng thiết yếu của bản thân.
2. Chia sẻ trong nhóm 2 người giáo án của mình cùng nhận lời góp ý từ thành viên nhóm
3. Một người thực hành dạy trước lớp.

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu nhiệm vụ của hoạt động 8

2. Làm việc cá nhân

- Học viên nghiên cứu kỹ **mục IV - Phần 3** của tài liệu và các bảng 1, bảng 2 trong **phụ lục 4**;
- Soạn bài để dạy nội dung: “*Đánh giá kỹ năng thiết yếu của bản thân*”;

Sử dụng nội dung trong **mục IV- phần 3** của tài liệu để soạn bài.

3. Làm việc nhóm

Hai học viên/ nhóm trao đổi, chia sẻ và góp ý bài soạn cho nhau

4. Thực hành dạy nội dung bài đã soạn

- Tìm người thực hành dạy bằng cách bốc thăm hoặc học viên trong lớp xung phong dạy;
- Tổ chức dạy theo nội dung bài đã soạn và đã được góp ý trong 30 phút. Tốt nhất là dạy trên đối tượng học sinh phổ thông (nếu bố trí được). Nếu không bố trí được lớp học sinh phổ thông, các thành viên trong lớp đóng vai ọc sinh. Lúc này, giảng viên nhắc lại hợp đồng lớp học để mọi người nhiệt tình tham gia đóng vai.

5. Viết phiếu góp ý giờ dạy

- Mỗi học viên ghi vào tờ giấy nhỏ khổ A5 hai ý sau:
 - + Thầy/ cô học hỏi được những điều gì qua bài dạy thực hành?
 - + Thầy/ cô sẽ thêm hoặc thay đổi điều gì nếu dạy bài này?
- Giảng viên thu lại các phiếu góp ý.

6. Giảng viên nêu một số điểm giáo viên cần lưu ý khi tổ chức cho học sinh tự đánh giá **kỹ năng thiết yếu** của bản thân:

- Việc hình thành và rèn luyện **kỹ năng thiết yếu** cho học sinh qua dạy học nói chung, qua HĐGDNPT nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng. Do đó, giáo viên cần tổ chức cho học sinh tự đánh giá **kỹ năng thiết yếu** để các em biết được mình đã có những **kỹ năng thiết yếu** nào? Còn thiếu **kỹ năng thiết yếu** nào? ngay từ khi **bắt đầu** và khi **kết thúc** học NPT.
- Giáo viên nên thực tập đánh giá **kỹ năng thiết yếu** của bản thân, người thân và bạn bè trước khi dạy nội dung này trên lớp.
- Bất cứ học sinh nào cũng có **kỹ năng thiết yếu**, không học sinh nào không có.

IX. HOẠT ĐỘNG 9. GÓP Ý, TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

Thời gian: 45 phút

Mục tiêu: Tự đánh giá, đánh giá và rút kinh nghiệm giờ dạy thực hành để tổ chức thực hiện bài dạy trong thực tiễn đạt hiệu quả.

Học liệu: - Phiếu góp ý của cả lớp về 2 bài dạy
- Giấy khổ A2, bút dạ, bút viết.

CÁCH TIẾN HÀNH

- Giảng viên chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm có một người vừa thực hành dạy trước lớp. Nhóm 1 nhận phiếu góp ý bài dạy “*Tìm hiểu sở thích, khả năng*”. Nhóm 2 nhận phiếu góp ý bài dạy “*Đánh giá kỹ năng thiết yếu của bản thân*”.
- Ghi tên bài dạy lên đầu tờ giấy khổ A2, sau đó kẻ thành 2 cột: Cột 1 ghi **Học hỏi được**; Cột 2 ghi **Sẽ thêm/ Thay đổi** (theo 2 câu hỏi từng cá nhân đã trả lời). Cũng có thể ghi vào 2 tờ giấy khổ A4: 1 tờ ghi Học hỏi được, 1 tờ ghi Sẽ thêm/ Thay đổi. Mọi người trong nhóm đọc từng phiếu góp ý để thư kí nhóm ghi vào tờ giấy chung của nhóm. Những ý kiến trùng với ý kiến trước thì không ghi.
- Học viên dạy thực hành đại diện cho nhóm trình bày các ý kiến góp ý. Có thể phản biện những ý kiến chưa đồng tình hoặc trình bày lại ý tưởng cho người góp ý hiểu rõ hơn.
- Giảng viên nhận xét chung hoặc bày tỏ ý kiến cá nhân (nếu thấy cần thiết).

X. HOẠT ĐỘNG 10. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU GDHN QUA HĐGDNPT

Thời gian: 45 phút

Mục tiêu: Hiểu được nội dung chính và cách sử dụng tài liệu

Học liệu: Tài liệu Giáo dục hướng nghiệp qua Hoạt động giáo dục nghề phổ thông

CÁCH TIẾN HÀNH

1. Giảng viên giới thiệu cấu trúc và các nội dung chính trong tài liệu.
2. Hướng dẫn sử dụng tài liệu trong quá trình tổ chức HĐGDNPT, bao gồm: Đối tượng sử dụng; Mục đích sử dụng; Cách sử dụng.

XI. HOẠT ĐỘNG 11: ĐÁNH GIÁ KHÓA TẬP HUẤN

1. Mỗi học viên tự đánh giá năng lực sau khóa tập huấn về khả năng tiến hành các công việc sau:

- Giáo dục hướng nghiệp qua HĐGDNPT đang đảm nhận: %
- Chia sẻ nội dung với đồng nghiệp : %
- Tập huấn cho đồng nghiệp : %

2. Ghi lại những cảm nhận của bản thân sau khóa tập huấn theo gợi ý sau:

- Thầy/ cô hãy chia sẻ một điều thầy/cô nhớ nhất trong đợt tập huấn.
- Nếu có thể thay đổi một/những hoạt động của khóa tập huấn thì thầy/cô sẽ thay đổi như thế nào?
- Thầy/ cô sẽ sử dụng những nội dung nào trong lần tập huấn này vào thực tiễn tổ chức HĐGDNPT?.

Học viên ghi vào giấy những đánh giá trên và nộp lại cho giảng viên

XII. TỔNG KẾT KHÓA TẬP HUẤN

PHẦN

5

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Phần 1 Phiếu trắc nghiệm sở thích

Đánh dấu X vào ô vuông trước mỗi câu mà bạn thấy phù hợp với mình. Đừng suy nghĩ quá nhiều khi lựa chọn câu trả lời.

Thời gian hoàn thành : 20 phút.

Mỗi ô được đánh dấu sẽ tính là 1 điểm, không phải điểm cao là làm giỏi mà phải lựa chọn theo đúng suy nghĩ bản thân.

<input type="checkbox"/> Tôi tự thấy mình là người khá về các môn thể thao <input type="checkbox"/> Tôi là người yêu thích thiên nhiên <input type="checkbox"/> Tôi là người hay tò mò về thế giới xung quanh mình (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống) <input type="checkbox"/> Tôi là người độc lập <input type="checkbox"/> Tôi thích sửa chữa đồ vật, vật dụng xung quanh tôi <input type="checkbox"/> Tôi thích làm việc sử dụng tay chân (làm vườn, sửa chữa nhà cửa) <input type="checkbox"/> Tôi thích tập thể dục <input type="checkbox"/> Tôi thích dành dụm tiền <input type="checkbox"/> Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn thành (không thích bỏ dở việc) <input type="checkbox"/> Tôi thích làm việc một mình	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Kỹ thuật</p> <p style="text-align: center;">_____</p>
<input type="checkbox"/> Tôi là người rất hay để ý tới chi tiết và cẩn thận <input type="checkbox"/> Tôi tò mò về mọi thứ <input type="checkbox"/> Tôi có thể tính những bài toán phức tạp <input type="checkbox"/> Tôi thích giải các bài tập toán <input type="checkbox"/> Tôi thích sử dụng máy tính <input type="checkbox"/> Tôi rất thích đọc sách <input type="checkbox"/> Tôi thích sưu tập (đá, tem, tiền đồng) <input type="checkbox"/> Tôi thích trò chơi ô chữ <input type="checkbox"/> Tôi thích học các môn khoa học <input type="checkbox"/> Tôi thích những thách thức	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Nghiên cứu</p> <p style="text-align: center;">_____</p>
<input type="checkbox"/> Tôi rất sáng tạo <input type="checkbox"/> Tôi thích vẽ, tô màu và sơn <input type="checkbox"/> Tôi có thể chơi một nhạc cụ <input type="checkbox"/> Tôi thích tự thiết kế quần áo cho mình hoặc mặc những thời trang lạ và thú vị <input type="checkbox"/> Tôi thích đọc truyện viễn tưởng, kịch và thơ ca <input type="checkbox"/> Tôi thích mỹ thuật và thủ công <input type="checkbox"/> Tôi xem rất nhiều phim <input type="checkbox"/> Tôi thích chụp hình mọi thứ (chim, người, cảnh đẹp) <input type="checkbox"/> Tôi thích học một ngoại ngữ <input type="checkbox"/> Tôi thích hát, đóng kịch và khiêu vũ	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Nghệ thuật</p> <p style="text-align: center;">_____</p>

<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Tôi rất thân thiện <input type="checkbox"/> Tôi thích chỉ dẫn hoặc dạy người khác <input type="checkbox"/> Tôi thích nói chuyện trước đám đông <input type="checkbox"/> Tôi làm việc rất tốt trong nhóm <input type="checkbox"/> Tôi thích điều hành các cuộc thảo luận <input type="checkbox"/> Tôi thích giúp đỡ những người gặp khó khăn <input type="checkbox"/> Tôi chơi các môn thể thao có tính đồng đội <input type="checkbox"/> Tôi thích đi dự tiệc <input type="checkbox"/> Tôi thích làm quen với bạn mới <input type="checkbox"/> Tôi thích làm việc với các nhóm hoạt động xã hội tại trường học, nhà thờ, chùa, phường, xóm, hay cộng đồng 	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Xã hội</p> <p style="text-align: center;">_____</p>
<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Tôi thích học hỏi về tài chính (tiền bạc) <input type="checkbox"/> Tôi thích bán các sản phẩm (kẹo, bút viết v.v...) <input type="checkbox"/> Tôi nghĩ mình thuộc dạng nổi tiếng ở trường <input type="checkbox"/> Tôi thích lãnh đạo nhóm và các cuộc thảo luận <input type="checkbox"/> Tôi thích được bầu vào các vị trí quan trọng trong nhóm hoặc câu lạc bộ trong và ngoài nhà trường <input type="checkbox"/> Tôi thích có quyền và thích ở vị trí lãnh đạo <input type="checkbox"/> Tôi muốn sở hữu một doanh nghiệp nhỏ <input type="checkbox"/> Tôi thích tiết kiệm tiền <input type="checkbox"/> Tôi thích làm việc cho tới khi công việc hoàn tất <input type="checkbox"/> Tôi thích mạo hiểm và tham gia các cuộc phiêu lưu mới 	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Quản lí</p> <p style="text-align: center;">_____</p>
<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Tôi thích gọn gàng và ngăn nắp <input type="checkbox"/> Tôi thích phòng của tôi thường xuyên gọn gàng và ngăn nắp <input type="checkbox"/> Tôi thích sưu tầm các bài báo về các sự kiện nổi tiếng <input type="checkbox"/> Tôi thích lập những danh sách các việc cần làm <input type="checkbox"/> Tôi thích sử dụng máy tính <input type="checkbox"/> Tôi rất thực tế và cân nhắc mọi chi phí trước khi mua một thứ gì đó <input type="checkbox"/> Tôi thích đánh máy bài tập của trường lớp hơn là viết tay <input type="checkbox"/> Tôi thích đảm nhận công việc thư ký trong một câu lạc bộ hay nhóm <input type="checkbox"/> Khi làm toán, tôi hay kiểm tra lại bài làm nhiều lần <input type="checkbox"/> Tôi thích viết thư 	<p>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</p> <p style="text-align: center;">Nhóm Nghiệp vụ</p> <p style="text-align: center;">_____</p>

Phần 2 của Phiếu trắc nghiệm sở thích

Làm phần 1 trước khi làm phần 2. Từ kết quả của phần 1, viết số điểm của ba nhóm cao nhất xuống dưới đây. Nếu bạn có hai hay ba phần bằng nhau thì cũng không sao. Đây là kết quả sở thích của bạn. Hãy dùng kết quả trắc nghiệm sở thích của bạn để tìm hiểu bạn có tính cách gì và một số công việc phù hợp bạn nhất.

Hãy gạch dưới chân những nghề mà bạn thấy thích ở cột bên phải

Nhóm sở thích của bạn:

	Tổng số cao nhất	Tổng số cao thứ hai	Tổng số cao thứ ba
Nhóm Kỹ thuật là những người có tính thực tế	Nghề nghiệp bạn thích		
Những ai có khả năng như một vận động viên thể thao hoặc có khả năng như một thợ máy, thích làm với những vật cụ thể, máy móc, dụng cụ, cây cối, con vật, hoặc các hoạt động ngoài trời.	Vận hành máy, cơ khí ứng dụng, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, cắt may, thêu, đan, móc, kĩ thuật phòng thí nghiệm, lái xe, lái tàu, công nghệ thông tin,... y tá điều dưỡng...	Kĩ sư ô tô Kĩ sư chế tạo máy Kĩ sư ngành tự động hóa Kĩ sư nông, lâm, ngư nghiệp. Kĩ sư thiết kế cảnh quang đô thị, công trình công cộng, kĩ sư công nghệ may, kĩ sư công nghệ thông tin, bác sĩ...	Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc.
Nhóm Nghiên cứu là những người thích tìm tòi, khám phá, điều tra	Nghề nghiệp bạn thích		
Những ai thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề.	Lập trình viên, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm, chăn nuôi, thú y, kỹ thuật viên phục hồi răng, chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên nghiên cứu các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội...	Nhà sinh vật học Nha sĩ/Dược sĩ Kĩ sư phần mềm Nhà khảo cổ học Nhà hóa học/vật lí học/địa lí học, nhà nghiên cứu (địa chất, sử, dân tộc học..), bác sĩ, giảng viên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa	

<p>Nhóm Nghệ thuật là những người có sở thích thẩm mỹ, sáng tạo</p>	<p>Nghề nghiệp bạn thích</p>	
<p>Những ai có khả năng nghệ thuật, sáng tác, trực giác và thích làm việc trong các tình huống không có kế hoạch trước như dùng trí tưởng tượng và sáng tạo.</p>	<p>Trung cấp nghề, các TTKTTHHN của địa phương. Các ngành nghề này cũng được đào tạo trực tiếp tại đơn vị tuyển dụng sau một thời gian thực hành và làm việc trực tiếp tại đơn vị đó.</p> <p>Thiết kế đồ họa, phóng viên, thợ chụp ảnh, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...), thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, nhà thơ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, chăm sóc cây cảnh, cắm hoa, tía rau củ, làm hoa...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp nghề, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương</p>	<p>học tự nhiên và khoa học xã hội...</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện trên toàn quốc.</p> <p>Giám đốc quảng cáo Kỹ sư thiết kế đồ họa, kiến trúc sư, giáo viên dạy kịch, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ, kỹ sư thiết kế mẫu, giảng viên văn học...</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, nhạc viện trên toàn quốc.</p>
<p>Nhóm Xã hội là những người thích hoạt động xã hội</p>	<p>Nghề nghiệp bạn thích</p>	
<p>Những ai thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác; có khả năng về ngôn ngữ.</p>	<p>Nhà hoạt động xã hội, y tá cộng đồng, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ Hội phụ nữ, nhân viên khách sạn/ resort, nhân viên bảo hiểm...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp nghề, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương</p>	<p>Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, luật sư, bác sĩ khoa tâm thần, thần kinh, chuyên gia tâm lý, chuyên gia tư vấn học đường, chuyên gia tư vấn bất động sản...</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, trên toàn quốc.</p>

Nhóm Quản lí là những người có sở thích kinh doanh, lãnh đạo, thuyết phục người khác	Nghề nghiệp bạn thích	
<p>Những ai thích làm việc với những người khác, có khả năng tác động, thuyết phục, thể hiện, lãnh đạo hoặc quản lí các mục tiêu của tổ chức, các lợi ích kinh tế.</p>	<p>Công an, quân đội, quản trị kinh doanh, kĩ thuật hệ thống thông tin, quản trị mạng, chủ doanh nghiệp, chủ đại lí kinh doanh, chuyên viên PR, quản lí khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, kế toán ...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp nghề, các trường trung cấp cảnh sát, trung cấp quân sự, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương</p>	<p>Quản lí khách sạn, giám đốc tín dụng, giám đốc ngân hàng, sĩ quan công an, sĩ quan quân đội, chánh án, viện kiểm sát nhân dân, quản lí giáo dục các cấp, kế toán trưởng</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, trên toàn quốc.</p>
Nhóm Nghiệp vụ là những người thích nguyên tắc, làm việc với con số, báo cáo hoặc làm việc với máy móc được sắp đặt trật tự.	Nghề nghiệp bạn thích	
<p>Những ai thích làm việc với dữ liệu, con số; có khả năng làm việc văn phòng, thống kê; thực hiện các công việc đòi hỏi chi tiết, tỉ mỉ, cẩn thận hoặc làm theo hướng dẫn của người khác.</p>	<p>Kế toán, thanh tra các ban ngành, thủ thư, thư ký, nhân viên lưu trữ, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, tiếp tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp nghề, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương</p>	<p>Cử nhân các ngành ngân hàng, tài chính, hành chính tổng hợp, tổ chức cán bộ, giáo viên, kiểm toán viên, nghiên cứu viên, luật sư, công an hình sự...</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, trên toàn quốc.</p>

PHỤ LỤC 2

Các nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland

I. NHÓM KỸ THUẬT

Kiểu thực tế cụ thể - thao tác kỹ thuật, ký hiệu KT

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm kỹ thuật có sở thích và khả năng khám phá, sử dụng máy móc, làm những công việc sử dụng thao tác tay chân như các ngành nghề thuộc về cơ khí, ô tô, điện, tin học hoặc các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo của tay chân như thể thao, nấu nướng, chăm sóc cây xanh, thủ công mỹ nghệ...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Thực tế - Cụ thể

- Thể lực tốt suy nghĩ thực tế;
- Tư duy, trí nhớ tốt;
- Say mê, nghiêm túc thực hiện các qui trình kỹ thuật;
- Sáng tạo, khéo tay, tỉ mỉ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Thị lực tốt;
- Trí tưởng tượng không gian tốt;
- Phản ứng cảm giác/ vận động nhanh, chính xác;
- Chịu đựng trạng thái căng thẳng;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Khí chất thần kinh ổn định.

2. Môi trường làm việc tương ứng

Các công việc liên quan đến điều khiển máy móc, đồ vật hoặc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng; Làm việc ngoài trời, đòi hỏi sự khéo léo chân tay khi sử dụng các công cụ, máy móc hoặc trong hoạt động thể thao.

Nghề phù hợp điển hình: Trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, điện - điện tử, cơ khí, điều khiển, sử dụng, sửa chữa máy móc, các nghề thủ công mỹ nghệ, vận động viên, huấn luyện viên, cảnh sát, cứu hỏa...

Chống chỉ định của những công việc trên¹⁷:

- Dị ứng dầu mỡ, hóa chất;
- Lao, hen, hẹp van tim, viêm thận;

¹⁷ Giáo viên giải thích thuật ngữ “chống chỉ định”: Không nên làm nghề thuộc nhóm này nếu người đó bị mắc các tật hoặc bệnh mà nghề không “chấp nhận” như các tật hoặc bệnh kể trên

- Loạn thị, loạn sắc, mù màu;
- Run tay và mồ hôi quá nhiều;
- Tâm lí không ổn định.

3. Các ngành nghề đào tạo

Vận hành máy, chế tạo máy, cơ khí ứng dụng, tự động, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, thể thao, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, thủ nghệ thuật, đan, móc, làm hoa, cắm hoa, điêu khắc, nhân viên kĩ thuật phòng thí nghiệm, tài xế, lái tàu, công nghệ thông tin, nấu ăn, quản lí cảnh quan và môi trường, trồng hoa, cây cảnh, may dân dụng, may công nghiệp, làm vườn, nuôi trồng thủy sản...

Các công việc hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kĩ thuật trình độ trung cấp nghề, kĩ sư thực hành, chế tạo, sản xuất, kiểm tra, điều khiển hệ thống, gia công, chế biến cơ - hóa - điện = điện tử, ô tô, đầu bếp...

Hiện nay, tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại Trung tâm Kĩ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp (TTKTTHHN), Trung tâm dạy nghề (TTDN), Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TTGDTeX) của địa phương, các trường Trung cấp nghề (TCN), Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), các trường cao đẳng, đại học vùng và Trung ương.

II. NHÓM NGHIÊN CỨU

Kiểu người kiên trì - khoa học - nghiên cứu, ký hiệu NC

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm nghiên cứu có sở thích và khả năng làm việc độc lập, nghiên cứu say mê về một lĩnh vực nào đó như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, nghiên cứu về văn hóa xã hội...

Có khả năng để chuẩn bị làm việc với hệ thống khái niệm khoa học, tìm ra quy luật chung để trình bày dưới dạng hệ thống ký hiệu. Ở mức cao hơn, những người nhóm này có khả năng hoạt động giao tiếp trí tuệ, tư duy trừu tượng, lao động sáng tạo khoa học bậc cao để phát hiện quy luật và thiết kế chiến lược KHKT và KHXH.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Khoa học - Kiên trì

- Phát triển mạnh tư duy logic;
- Kiên trì, làm việc có phương pháp, ham hiểu biết;
- Có óc tò mò, quan sát tinh tế;
- Nhạy cảm, phán đoán, ứng xử kịp thời, tự đặt ra yêu cầu cao và nghiêm khắc đối với chính mình;
- Có tính quyết đoán, thất bại không nản;
- Có khả năng tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có năng lực vượt khó, thông minh, có kĩ năng sống thích ứng;

2. Môi trường làm việc tương ứng

Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, giáo dục, văn hóa....

Nghề phù hợp điển hình: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, giáo dục, môi trường, bác sĩ, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm...

Chống chỉ định

- BLao;
- Thiếu máu;
- Động kinh;
- Tim mạch;
- Tâm thần.

3. Các ngành nghề đào tạo

Kĩ sư công nghệ phần mềm, nhân viên các phòng thí nghiệm, các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, động vật học, thực vật học, công nghệ sinh học, môi trường, tâm lí học, lập trình viên, toán học, vật lí, hóa học, sử học, địa lí, văn học, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giảng viên đại học...

III. NHÓM NGHỆ THUẬT

Kiểu người sáng tạo tự do - văn học - nghệ thuật, ký hiệu NT

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm nghệ thuật rất thích và có khả năng làm việc thiên về tính chất nghệ thuật như viết văn, bình thơ, vẽ, thiết kế mỹ thuật, đạo diễn, nghệ sĩ....

Đây là dạng nghề đang phát triển mạnh theo nhu cầu xã hội. Cùng trong nhóm này là các nhà văn, các biên kịch, nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ,...

Khả năng của người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Sáng tạo - Tự do

- Sáng tạo, linh hoạt và thông minh;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Tinh thần phục vụ tự nguyện;
- Có tính tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có khả năng sống thích ứng;
- Diễn tả ngôn từ lịch sự, rõ ràng;
- Hiểu biết về lịch sử, văn hóa, chính trị.

2. Môi trường làm việc tương ứng

Sáng tác trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, thủ công mỹ nghệ; biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, dẫn chương trình.

Nghề phù hợp điển hình: Sáng tác văn học, thơ ca, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nghệ sĩ biểu diễn (nhạc, kịch, hát múa...), họa sĩ, nhạc sĩ, điêu khắc, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo, giảng viên văn học...

Chống chỉ định

- Bệnh lao, truyền nhiễm
- Dị tật, nói ngọng, điếc

3. Các ngành nghề đào tạo

Viết văn, kiến trúc sư, họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại TTKTTHHN, TTGD TX hoặc TTDN của địa phương, các trường nghề, TCN, TCCN các trường cao đẳng, đại học vùng và trên toàn quốc.

IV. NHÓM XÃ HỘI

Kiểu người linh hoạt quảng giao - phục vụ xã hội, ký hiệu XH

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm xã hội có sở thích và khả năng làm việc, giao tiếp người với người, thích đi đây, đi đó. Trong nhóm này có nghề giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Quảng giao - Linh hoạt

- Có khả năng tổng kết, quy nạp, diễn dịch;
- Biết lắng nghe, lắng nghe tích cực, có phản hồi;
- Sáng tạo, linh hoạt, thông minh;
- Tuyệt đối tôn trọng ý kiến của thân chủ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Lịch thiệp;
- Thần kinh vững mạnh, tự kiểm chế tốt;
- Tôn trọng mọi người;
- Sức khỏe tốt, bền bỉ;
- Có tính sáng tạo;
- Tinh thần phục vụ tự nguyện.

2. Môi trường làm việc tương ứng

Làm các công việc trong môi trường mang tính xã hội cao, thường xuyên giao tiếp với người khác hoặc có nhiều cơ hội giúp đỡ, huấn luyện và chỉ dẫn người khác.

Nghề phù hợp điển hình: Dạy học, y khoa, dược khoa, luật sư, tư vấn tâm lý, hướng dẫn viên du lịch...

Chống chỉ định

- Lao;
- Thiếu máu;
- Tâm thần không ổn định;
- Bệnh truyền nhiễm.

3. Các ngành nghề đào tạo

Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, y tá, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, luật sư, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ hội phụ nữ, nhân viên khách sạn/Khu nghỉ dưỡng (Resort)...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, TTDN của địa phương, các trường TCCN, cao đẳng và các trường đại học vùng và Trung ương.

V. NHÓM QUẢN LÝ

Kiểu người chủ động uy quyền - dựng nghiệp quản lý, ký hiệu QL

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm quản lý có sở thích và khả năng làm việc thiên về ra lệnh cho người khác và lãnh đạo một nhóm người hay cả một tập thể lớn. Nghề thuộc nhóm này mang tính chất quản lý như công an, sỹ quan, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, quản lý chuyên nghiệp, điều hành hoạt động hệ thống có tầm cỡ ảnh hưởng rộng lớn tới nhiều con người, nhiều vấn đề ở cấp vĩ mô.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Chủ nghĩa - Uy quyền

- Nhà quản trị theo quan niệm mới, tránh độc quyền;
- Trí tuệ là một quyền lực;
- Tính cách cương nghị, biểu hiện từ vóc dáng đến tư thế đi đứng, ăn nói;
- Là người có kỹ năng sống: Hòa hòa, thích ứng, sáng suốt, tinh táo hơn người, có hệ thần kinh vững mạnh, bình tĩnh xét đoán tình hình, đối tượng, có trí nhớ tốt, tập trung sâu bền vững.

Đòi hỏi phải có các kỹ năng:

- Kiến tạo tổ chức;
- Xây dựng giá trị mới cho tổ chức;
- Tạo ra động lực hoạt động;
- Không ngừng tự giáo dục và giáo dục thuộc cấp, xây dựng tổ chức học tập.

2. Môi trường làm việc tương ứng

Môi trường làm việc mang tính chất quản lý, lãnh đạo, ra lệnh cho người khác và thực hiện các chức năng:

- Điều hành chung;
- Chủ trì sản xuất;
- Điều phối thông tin, chiến lược giao tiếp;
- Giám sát từng giai đoạn, trợ giáo;
- Tạo điều kiện hòa hợp và hội nhập.

Nghề phù hợp điển hình: Nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, luật sư...

3. Các ngành nghề đào tạo

Công an, sỹ quan quân đội, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, chủ doanh nghiệp, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), quản lý khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, quản lý giáo dục các cấp...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại các trường nghề, TCN, trường TCCN, các trường cao đẳng, đại học vùng và trên toàn quốc.

VI. NHÓM NGHIỆP VỤ

Kiểu người thận trọng nề nếp - nghiệp vụ quy củ, ký hiệu NV

1. Đặc điểm

Những người ở nhóm nghiệp vụ có sở thích và có khả năng làm việc ở văn phòng, làm các công việc sổ sách như văn thư, hành chánh, tài vụ, bưu điện, tiếp tân,...

Nhóm nghề này đòi hỏi phải có hoạt động giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, có nghiệp vụ, được huấn luyện từ trung cấp đến đại học trong doanh nghiệp, trong hoạt động phục vụ công cộng,...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Nề nếp - Thận trọng

- Lĩnh hội diễn tả ngôn từ lịch sự, hấp dẫn, rõ ràng;
- Thận trọng nhưng nhanh nhẹn;
- Ứng xử kịp thời, siêng năng;
- Hiểu biết về lịch sử, chính trị, văn hoá, nghệ thuật, ...;
- Hiểu rõ người đối thoại;
- Làm việc ngăn nắp, điều độ, không nhầm lẫn;
- Có trí nhớ tốt;
- Tự tin, biết điều tiết, kiềm chế;
- Có khả năng hoạt động độc lập;
- Giỏi ngoại ngữ và ứng xử;
- Xử lí thông tin tốt.

2. Môi trường làm việc tương ứng

Môi trường làm việc mang tính chất giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, đòi hỏi có tính nghiệp vụ như lưu trữ văn thư, kế toán, tài chính, tin dụng, ...

Nghề phù hợp điển hình: Nhân viên ngân hàng, kế toán, thư kí văn phòng, biên tập viên, thủ thư...

Chống chỉ định

- Bệnh lao, bệnh truyền nhiễm;
- Dị tật, nói ngọng, điếc;

3. Các ngành nghề đào tạo

Thư ký, nhân viên lưu trữ, thư viện, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, lễ tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại TTDN của địa phương, các trường TCCN và các trường cao đẳng, đại học vùng và Trung ương.

PHỤ LỤC 3. CÁC KỸ NĂNG THIẾT YẾU

Bảng 1. Mô tả các kỹ năng thiết yếu

Có nhiều cách phân loại kỹ năng thiết yếu. Sau đây, là 3 nhóm kỹ năng thiết yếu: Nhóm kỹ năng cơ bản, nhóm kỹ năng quản lý bản thân và nhóm kỹ năng làm việc nhóm.

A. Nhóm kỹ năng cơ bản: Là những kỹ năng cần thiết phải có để có thể phát triển các kỹ năng khác, bao gồm:

- **Kỹ năng thông hiểu và giao tiếp:** Đọc và hiểu thông tin (từ ngữ, hình ảnh, sơ đồ); Viết và nói sao cho người khác dễ ý và hiểu ý mình; Lắng nghe và đặt câu hỏi để hiểu và đánh giá đúng quan điểm của người khác; Chia sẻ thông tin bằng những phương tiện và công nghệ giao tiếp khác nhau (giọng nói, email, vi tính); Sử dụng những kiến thức và kỹ năng về khoa học, kỹ thuật, logic toán học để giải thích và làm rõ ý.
- **Kỹ năng quản lý thông tin:** Định vị, thu thập, và sắp xếp thông tin bằng những hệ thống thông tin và kỹ thuật công nghệ phù hợp; Truy cập, phân tích, và áp dụng kiến thức, kỹ năng từ những ngành khác nhau (như kỹ thuật, ngôn ngữ, khoa học, kỹ thuật, toán, khoa học xã hội và nhân văn).
- **Kỹ năng sử dụng con số:** Quyết định điều gì cần được đo lường và tính toán; Dùng những phương pháp, dụng cụ, và kỹ thuật phù hợp để quan sát và ghi chép dữ liệu; Ước lượng và xác minh các tính toán.
- **Kỹ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề:** Đánh giá tình hình và nhận dạng vấn đề; Tìm và đánh giá những quan điểm khác nhau dựa trên sự kiện; Nhìn nhận nhiều chiều khác nhau về một vấn đề, bao gồm nhân văn, quan hệ giữa các cá nhân, kỹ thuật, khoa học, và logic; Nhận định nguyên nhân gốc rễ của vấn đề; Sáng tạo trong lúc tìm kiếm những giải pháp khác nhau; Sẵn sàng sử dụng những phương pháp khoa học, kỹ thuật, và logic để suy nghĩ, nhận biết, và chia sẻ kiến thức, giải quyết vấn đề, và ra quyết định; Đánh giá các giải pháp rồi cho lời khuyên hay quyết định; Thực hiện giải pháp; Kiểm tra để biết giải pháp có hiệu quả không, và tìm cơ hội để hoàn thiện.

B. Nhóm kỹ năng quản lý bản thân: Là những kỹ năng riêng tư, thái độ, và hành vi thúc đẩy tiềm năng phát triển của mỗi người, bao gồm:

- **Kỹ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan:** Tự tin và tự hào về bản thân; Đối xử với người khác, với các vấn đề, và tình huống bằng sự chân thành, trung thực, và đạo đức cá nhân; Nhận biết và trân trọng những cố gắng tốt đẹp của bản

thân và người khác; Tự chăm sóc sức khỏe cá nhân; Biểu lộ sự thích thú, sáng kiến, và nỗ lực.

- **Trách nhiệm:** Đặt ra những mục tiêu và ưu tiên sự cân bằng giữa công việc và đời sống cá nhân; Lên kế hoạch và quản lý thời gian, tiền bạc, và những tài nguyên khác để đạt mục tiêu; Đánh giá, đo lường, và quản lý rủi ro; Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho hành động của mình và của nhóm mình; Có trách nhiệm và đóng góp vào cộng đồng.
- **Linh hoạt:** Làm việc độc lập và trong nhóm; Thực hiện nhiều công việc hay dự án trong một lúc; Sáng tạo và tháo vát: Nhận diện và đề xuất những cách khác nhau để đạt được mục tiêu và hoàn thành công việc; Cởi mở và phản ứng tích cực khi có thay đổi; Học hỏi từ những lỗi lầm của mình và ghi nhận lời góp ý; Đối phó với tình trạng không chắc chắn.
- **Học hỏi liên tục:** Sẵn sàng học hỏi và phát triển liên tục; Đánh giá những điểm mạnh và những điểm cần phát triển của bản thân; Tự đặt ra mục tiêu học hỏi cho riêng mình; Nhận biết và sử dụng những nguồn và cơ hội học hỏi; Lên kế hoạch và đạt được mục tiêu của riêng mình.
- **Làm việc an toàn:** Cẩn thận, để ý, và làm theo những thông lệ và thủ tục an toàn cho bản thân và nhóm tại nơi làm việc.

C. Nhóm kỹ năng làm việc nhóm: Là những kỹ năng và phẩm chất cần có để đóng góp hiệu quả, bao gồm:

- **Kỹ năng làm việc với người khác:** Hiểu và làm việc trong chức năng nhóm; Đảm bảo mục tiêu của nhóm rõ ràng; linh hoạt: tôn trọng, cởi mở và khuyến khích những ý tưởng, quan điểm, và đóng góp của những thành viên trong nhóm; Nhận biết và tôn trọng tính đa dạng của con người, những khác biệt và ý kiến của một cá nhân; Đón nhận và cung cấp ý kiến phản hồi trong tinh thần xây dựng và thái độ cẩn trọng; Đóng góp cho nhóm bằng cách chia sẻ thông tin và khả năng chuyên môn; Lãnh đạo hay hỗ trợ khi phù hợp, tạo động lực để nhóm đạt thành tích tốt; Hiểu rõ vai trò của mâu thuẫn trong nhóm để tìm giải pháp.
- **Kỹ năng tham gia dự án và công việc:** Lên kế hoạch, thiết kế, hay hoàn thành một dự án hay công việc từ đầu đến cuối với những mục tiêu và kết quả rõ ràng; Phát triển một kế hoạch, nhận phản hồi, kiểm tra, thay đổi, và thực hiện; Làm việc theo những tiêu chuẩn và chi tiết chất lượng đã được đồng ý; Chọn và sử dụng những dụng cụ và kỹ thuật phù hợp cho một dự án hay công việc; Thích nghi với sự thay đổi của các điều kiện và thông tin; Liên tục theo dõi sự thành công của dự án hay công việc và nhận định những phương pháp để hoàn thiện nó.

Bảng 2. Đánh giá kỹ năng thiết yếu của bản thân

Kỹ năng thiết yếu (1)	Mức độ (2)				Những hoạt động giúp bản thân rèn luyện các kỹ năng thiết yếu (3)
	Tốt	Tương đối tốt	Bình thường	Chưa có/ chưa biết	
<p>1. Kỹ năng thông hiểu và giao tiếp</p> <p>1.1. Đọc và hiểu thông tin (từ ngữ, hình ảnh, sơ đồ).</p> <p>1.2. Viết và nói sao cho người khác dễ ý và hiểu ý mình.</p> <p>1.3. Lắng nghe và đặt câu hỏi để hiểu và đánh giá đúng quan điểm của người khác.</p> <p>1.4. Chia sẻ thông tin bằng những công nghệ giao tiếp khác nhau (email, facebook, điện thoại).</p>					Ví dụ: Tích cực viết và trình bày các ý tưởng của bản thân trong các giờ học NPT; Tích cực thực hành soạn thảo các văn bản hành chính; Tập viết những mẫu truyện ngắn trên máy tính; Trao đổi, chia sẻ với các bạn khi hoạt động nhóm; Tham gia các cuộc giao lưu về nghề nghiệp do lớp/nhà trường tổ chức; Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân; Liên lạc với thầy cô và bạn bè qua điện thoại và email; (chia sẻ những ý tưởng qua facebook...
<p>2. Kỹ năng quản lý thông tin</p> <p>2.1. Định vị, thu thập, và sắp xếp thông tin bằng Hệ điều hành Windows.</p> <p>2.2. Định vị, thu thập, và sắp xếp thông tin bằng Hệ soạn thảo văn bản Word.</p> <p>2.3. Định vị, thu thập và sắp xếp thông tin bằng Chương trình bảng tính Excel.</p>					Ví dụ: làm bài báo cáo trong lớp bằng hệ soạn thảo văn bản Word; làm danh sách lớp cho cô giáo chủ nhiệm bằng chương trình bảng tính Excel...
<p>3. Kỹ năng sử dụng con số: Dùng những phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để quan sát và ghi chép dữ liệu cũng như để ước lượng và xác minh các tính toán.</p>					

<p>4. Kỹ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề</p> <p>4.1. Khả năng nhận định vấn đề.</p> <p>4.2. Tìm và đánh giá những quan điểm khác nhau dựa trên sự kiện.</p> <p>4.3. Nhìn nhận nhiều chiều khác nhau về một vấn đề.</p> <p>4.4. Nhận định nguyên nhân gốc rễ của vấn đề.</p> <p>4.5. Đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề.</p>					
<p>5. Kỹ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan</p> <p>5.1. Tự tin và tự hào về bản thân.</p> <p>5.2. Đối xử với người khác, với các vấn đề, và tình huống bằng sự chân thành, trung thực, và đạo đức cá nhân.</p> <p>5.3. Nhận biết và trân trọng những cố gắng tốt đẹp của bản thân và người khác.</p> <p>5.4. Tự chăm sóc sức khỏe cá nhân.</p> <p>5.5. Biểu lộ sự thích thú, sáng kiến và nỗ lực.</p>					
<p>6. Trách nhiệm</p> <p>6.1. Có khả năng xác định mục tiêu lâu dài.</p> <p>6.2. Lên kế hoạch và quản lí thời gian, tiền bạc và những tài nguyên khác để đạt mục tiêu.</p> <p>6.3. Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho hành động của mình và của nhóm mình.</p> <p>6.4. Có trách nhiệm và đóng góp vào cộng đồng.</p>					
<p>7. Linh hoạt</p> <p>7.1. Làm việc độc lập và trong nhóm.</p> <p>7.2. Cởi mở và phản ứng tích cực khi có thay đổi.</p> <p>7.3. Học hỏi từ những lỗi lầm của mình và ghi nhận lời góp ý.</p>					

<p>8. Học hỏi liên tục</p> <p>8.1. Sẵn sàng học hỏi và phát triển liên tục.</p> <p>8.2. Đánh giá những điểm mạnh và những điểm cần phát triển của bản thân.</p> <p>8.3. Tự đặt ra mục tiêu học hỏi cho riêng mình.</p> <p>8.4. Lên kế hoạch và đạt được mục tiêu của riêng mình.</p>					
<p>9. Làm việc an toàn</p> <p>Cẩn thận, để ý, và làm theo những thông lệ và thủ tục an toàn cho bản thân và nhóm tại trường lớp.</p>					
<p>10. Kỹ năng làm việc với người khác</p> <p>10.1. Hiểu và làm việc trong chức năng nhóm.</p> <p>10.2. Linh hoạt, tôn trọng, cởi mở và khuyến khích những ý tưởng, quan điểm và đóng góp của những thành viên trong nhóm.</p> <p>10.3. Đón nhận và cung cấp ý kiến phản hồi trong tinh thần xây dựng và thái độ can trọng.</p> <p>10.4. Hiểu rõ vai trò của mâu thuẫn trong nhóm để tìm giải pháp.</p>					
<p>11. Kỹ năng tham gia dự án và công việc:</p> <p>11.1. Lên kế hoạch, thiết kế, hay hoàn thành một dự án, công việc từ đầu đến cuối với những mục tiêu và kết quả rõ ràng.</p> <p>11.2. Phát triển một kế hoạch, nhận phản hồi, kiểm tra, thay đổi, và thực hiện.</p> <p>11.3. Làm việc theo những tiêu chuẩn và chi tiết chất lượng đã được đồng ý.</p>					

PHỤ LỤC 4

Bài giảng tìm hiểu Sở thích và khả năng nghề nghiệp

Bùi Đình Đường - giáo viên chủ nhiệm trường THPT Nam Đàn 1, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thực hành với học sinh lớp 11 trường THPT Nghi Lộc 3, huyện Nghi Lộc, Nghệ An



CHIA SẺ



- 1 Sở thích của em là gì ?
- 2 Em có năng khiếu gì nổi bật ?
- 3 Em dự định chọn nghề gì trong tương lai ?

TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH

- Bước 1.** Đọc phiếu trắc nghiệm và đánh dấu vào những nội dung nào các em thích. (8')
- Bước 2.** Cộng điểm theo từng nhóm sở thích. Mỗi ý được đánh dấu tương ứng 1 điểm. (2')
- Bước 3.** Xác định nhóm sở thích (*nhóm có số điểm cao nhất*). Tìm đến vị trí có tên của nhóm phù hợp với nhóm có sở thích của mình. (2')
- Bước 4.** Tìm hiểu đặc điểm của từng nhóm sở thích. (3')
- Bước 5.** Trò chơi mô tả nghề nghiệp. Mỗi nhóm lựa chọn một nghề và cử đại diện lên mô tả nghề đó bằng hành động (*không được dùng lời nói*). (5')

LÍ THUYẾT MẬT MÃ HOLLAND

Date _____



- TS. John L. Holland (1919-2008) là một nhà tâm lý học người Mỹ.

- Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ, thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp.

- Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách và có sáu môi trường hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: **Nhóm kĩ thuật (KT)**; **Nhóm nghiên cứu (NC)**; **Nhóm nghệ thuật (NT)**; **Nhóm xã hội (XH)**; **Nhóm quản lí (QL)**; **Nhóm nghiệp vụ (NV)**.



PHỤ LỤC 5

Cách tiến hành các bài học trong hoạt động giáo dục nghề phổ thông

A. Hoạt động trải nghiệm

* **Mục đích:** Tạo cơ hội cho học sinh huy động được những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân để giải quyết các vấn đề có nội dung liên quan đến bài học mới; Rèn luyện cho học sinh năng lực nhận thức, khả năng biểu đạt, đề xuất vấn đề.

Giúp cho giáo viên biết được học sinh đã có những hiểu biết gì liên quan đến nội dung bài học

* **Cách tiến hành:**

Hoạt động này tương ứng với hoạt động giới thiệu bài và nêu mục đích bài học.

Điểm khác biệt cơ bản ở đây là khi bắt đầu bài học, giáo viên sẽ nêu các câu hỏi gợi mở hoặc yêu cầu học sinh đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ đề cập trong bài học. Học sinh sẽ phải huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, trải nghiệm của bản thân để giải quyết nhiệm vụ giáo viên vừa nêu theo hình thức hoạt động cá nhân trước, sau đó hoạt động nhóm để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm. Kết thúc hoạt động này, giáo viên trao đổi với học sinh về kết quả thực hiện hoạt động 1, qua đó biết được mức độ hiểu biết của học sinh đối với nội dung bài mới để có cơ sở tổ chức cho học sinh học theo khả năng ở hoạt động tiếp theo .

Vì vậy, giáo viên có thể thiết kế hoạt động 1 như sau:

1/ Giáo viên nêu một tình huống trong thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học, hỏi học sinh trong lớp sẽ giải quyết tình huống này như thế nào?

Ví dụ: Trước khi học bài 17. Các khái niệm cơ bản (phần 4 - Chương trình bảng tính EXEL, HGDNDPT Nghề Tin học văn phòng lớp 11), giáo viên có thể nêu tình huống sau: Theo yêu cầu của nhà trường, thầy/ cô phải có các số liệu thống kê về kết quả học tập các môn văn hóa của lớp mình ngay trong ngày mai để đưa vào báo cáo. Làm thế nào để thực hiện được yêu cầu của nhà trường một cách đầy đủ, chính xác trong thời gian rất ngắn? Các em hãy giúp thầy/ cô đưa ra giải pháp?

2/ Hoạt động cá nhân: Học sinh suy nghĩ, vận dụng hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân để đưa ra cách giải quyết.

3/ Hoạt động nhóm: Học sinh lập thành từng nhóm, chia sẻ những suy nghĩ, kinh nghiệm của bản thân với các bạn trong nhóm

4/ Hoạt động với giáo viên: Học sinh chia sẻ kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm. Dẫn dắt vào bài mới.

B. Hoạt động cơ bản

* **Mục đích:** Học sinh tìm tòi, khám phá, lĩnh hội kiến thức mới và cơ sở khoa học của kiến thức mới trong bài học; Rèn luyện năng lực lập luận, giải thích những kiến thức khoa học được đề cập trong bài.

* **Cách thức tiến hành**

Bước này tương ứng với hoạt động tìm hiểu kiến thức mới trong các bài học lí thuyết; Hướng dẫn ban đầu đối với các bài thực hành. Điểm khác biệt cơ bản ở đây là giáo viên không dạy kiến thức mới ngay mà yêu cầu học sinh dựa vào nghiên cứu nội dung, hướng dẫn trong tài liệu và vận dụng những kiến thức liên quan, kinh nghiệm của bản thân để tìm tòi, khám phá, trình bày hoặc lập luận về kiến thức mới theo 3 câu hỏi: *Là gì? Như thế nào? Sẽ như thế nào?* (Các câu hỏi này khuyến khích học sinh tìm hiểu thêm kiến thức ngoài bài học). Từ những hiểu biết, trình bày hoặc lập luận của học sinh, giáo viên sẽ tập trung hướng dẫn, giải thích những nội dung mới học sinh chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng. Với những nội dung trong bài học mà học sinh đã hiểu hoặc làm được, giáo viên chỉ nhắc lại cho có hệ thống, không cần giải thích, hướng dẫn nhiều. Làm như vậy, học sinh sẽ được học theo khả năng, có nhiều thời gian suy nghĩ, tương tác với các bạn trong lớp và giáo viên, không bị áp đặt, không phải học đi học lại những nội dung đã biết. Giáo viên tập trung được nhiều thời gian cho việc hướng dẫn, giải thích những nội dung mới, khó trong bài.

Để thực hiện được yêu cầu trên, giáo viên có thể thiết kế hoạt động 2 như sau:

1/ Giáo viên nêu nhiệm vụ học tập. Tốt nhất nên nêu nhiệm vụ dưới dạng câu hỏi.

Ví dụ: Giáo viên nêu nhiệm vụ học tập của bài 17. Các khái niệm cơ bản (Sách học sinh nghề Tin học văn phòng lớp 11) dưới dạng câu hỏi như sau:

Em hãy cho biết, thế nào là chương trình bảng tính Excel? Nêu và lập luận về những tiện ích của chương trình bảng tính Excel?

Theo em, thực hiện các thao tác làm việc với chương trình bảng tính Excel như thế nào?

Hãy lập một bảng dữ liệu về điểm kiểm tra môn toán, văn của các bạn trong nhóm (4 - 6 HS/ nhóm) và nhập các dữ liệu đó vào bảng tính

2/ Hoạt động cá nhân: Học sinh nghiên cứu nội dung bài học trong tài liệu, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời của bản thân.

3/ Hoạt động nhóm: Từng cá nhân chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân theo những nhiệm vụ giáo viên giao cho. Các cá nhân khác lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện hoặc quan sát cách thực hiện thao tác của bạn, sau đó góp ý và ghi tóm tắt kết quả làm việc nhóm vào giấy để trình bày. Giáo viên đến các nhóm để học sinh được trao đổi trực tiếp với giáo viên. Qua đó, giáo viên biết được khả năng nhận thức, thực hành những nội dung trong bài mới của học sinh trước khi tổ chức hoạt động cả lớp.

4/ Hoạt động cả lớp: Đại diện học sinh trình bày, lập luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước lớp. Học sinh khác có thể hỏi thêm và nhận xét. Giáo viên tóm tắt những nội dung học sinh trình bày, sau đó hướng dẫn, giải thích những nội dung học sinh chưa hiểu, chưa làm được hoặc hiểu, làm chưa đúng.

C. Hoạt động thực hành

* **Mục đích:** Học sinh vận dụng những hiểu biết đã thu nhận được để giải quyết những vấn đề có liên quan hoặc thực hiện nội dung thực hành trong bài học để rèn luyện kỹ năng kỹ thuật. Qua hoạt động thực hành của học sinh, giáo viên cũng biết được mức độ nắm vững và vận dụng kiến thức của học sinh.

* Cách tiến hành

Đặc trưng cơ bản của HĐGDNPT là hoạt động thực hành. Do vậy, nội dung thực hành có ở hầu hết các chủ đề/ bài học trong các chương trình HĐGDNP. Điều này thể hiện rất rõ trong mỗi bài học, mỗi chủ đề của nghề Tin học văn phòng. Vì vậy, giáo viên có thể thiết kế và triển khai hoạt động này theo các bước sau:

1/ Giáo viên nêu nhiệm vụ, yêu cầu thực hành. Trong tài liệu nghề Tin học văn phòng đã nêu rõ nội dung thực hành. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh thực hành luôn những nội dung đó hoặc bổ sung thêm cho phù hợp với trình độ của học sinh, đồng thời khuyến khích học sinh tìm hiểu thêm cách làm khác ngoài nội dung đã ghi trong tài liệu.

Ví dụ: Giáo viên có thể yêu cầu học sinh thực hành 5 bài tập trong nội dung thực hành của bài 17 (trang 112-114), đồng thời khuyến khích học sinh tìm một số nội dung khác như nhập dữ liệu về ngày tháng năm sinh, địa chỉ của các bạn trong lớp vào bảng tính...

2/ Hoạt động cá nhân: Học sinh vận dụng những nội dung thu nhận được để thực hiện nhiệm vụ thực hành được giao. Trong quá trình hoạt động cá nhân, chỗ nào học sinh thấy chưa hiểu rõ hoặc làm không được, có thể chia sẻ với giáo viên để được giáo viên hỗ trợ.

3/ Hoạt động nhóm: Học sinh trao đổi, chia sẻ cách làm, kết quả thực hiện của bản thân. Có thể giải thích cho bạn trong nhóm cách mà mình đã thực hiện. Qua đó, các em có thể sửa lỗi cho nhau và học hỏi lẫn nhau

4/ Hoạt động cả lớp: Một số học sinh trình bày cách làm và kết quả thực hành trước lớp. Học sinh khác và giáo viên quan sát, nhận xét.

5/ Đánh giá: Căn cứ vào kết quả thực hành, học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dựa vào các yêu cầu giáo viên đã nêu. Cùng với việc đánh giá kết quả học tập, giáo viên chú ý đánh giá sở thích và khả năng của học sinh đối với những nội dung chủ yếu trong bài học/ chủ đề/ chương trình.

Ví dụ: Sau khi học xong bài 17, cùng với việc đưa ra các câu hỏi để kiểm tra hiểu biết của học sinh về các nội dung chủ yếu trong chủ đề này, giáo viên có thể đưa ra một số câu hỏi để học sinh tự đánh giá như sau:

Em hãy đánh dấu X vào ô thích hợp ở đầu câu trả lời sau:

Sau khi học xong các bài học này

- Em thấy các nội dung trong bài này rất thú vị
- Em thấy các nội dung trong bài này bình thường
- Em thấy các nội dung trong bài này rất chán vì.....
- Em hiểu được tất cả các nội dung trong bài
- Em chỉ hiểu được một ít nội dung trong bài
- Em không hiểu gì về các nội dung trong bài vì.....
- Em đã thực hành tốt tất cả các nội dung trong bài
- Em chỉ làm được một ít nội dung thực hành trong bài
- Em không làm được các nội dung thực hành trong bài vì.....

Việc trả lời phiếu hỏi giúp học sinh đánh giá được sở thích, khả năng của bản thân đối với bài học, đồng thời cũng giúp cho giáo viên có cơ sở để điều chỉnh PPDH và cá thể hóa việc hướng dẫn học cho học sinh ở những bài học sau.

D. Hoạt động ứng dụng

*** Mục đích:** Học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã lĩnh hội được từ bài học vào thực tiễn ở gia đình, cộng đồng; Khuyến khích học sinh tìm tòi, sáng tạo, tìm ra cái mới từ những nội dung đã học trong quá trình thực hành ứng dụng ở gia đình, xã hội, cộng đồng.

Nếu học sinh thường xuyên thực hiện có hiệu quả hoạt động này sẽ tác động rất tốt tới việc phát triển sở thích, khả năng của bản thân, đặc biệt là năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong thực tiễn, năng lực sáng tạo.

* Cách tiến hành

Hoạt động ứng dụng được triển khai ở gia đình, cộng đồng, sau khi kết thúc hoạt động thực hành trên lớp. Nội dung của hoạt động ứng dụng do học sinh tự nghĩ ra dưới dạng bài tập. Nội dung bài tập không chỉ gắn chặt với nội dung đã học ở lớp mà còn có thể mở rộng để phát triển khả năng sáng tạo của học sinh. Trong quá trình thực hành ứng dụng, học sinh có thể trao đổi, tranh thủ sự hỗ trợ của gia đình, địa phương, bạn bè.

Ví dụ: Sau khi học xong nội dung của bài 8. Định dạng văn bản (Nghề Tin học văn phòng lớp 11), học sinh có thể đặt ra bài tập để thực hành ứng dụng: Sử dụng các lệnh định dạng để trình bày tờ báo tường của lớp.

Hoặc sau khi học xong bài về Giâm cành (bài 7 và bài 13 Tài liệu HGDNPT Nghề Làm vườn lớp 11), học sinh có thể đặt bài tập ứng dụng là Thực hiện giâm cành một số giống cây ở địa phương và so sánh kết quả ra rễ của cành giâm.

Để học sinh thực hiện có kết quả thực hành ứng dụng, giáo viên nên hướng dẫn học sinh thực hiện theo các bước sau:

1/ Yêu cầu học sinh về nhà đặt một bài tập thực hành cho bản thân.

2/ Học sinh tìm tài liệu nghiên cứu để làm bài tập do mình đặt ra. Những chỗ còn vướng mắc có thể trao đổi với người trong gia đình hoặc người khác để nhận được sự hỗ trợ. Ghi tên bài tập, cách giải quyết và kết quả làm bài tập vào vở.

3/ Trao đổi, chia sẻ với các bạn và giáo viên về bài tập ứng dụng của mình.

4/ Đánh giá: Kết quả làm bài tập ứng dụng của học sinh là cơ sở để giáo viên đưa ra nhận xét, đánh giá mức độ hiểu bài, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn và khả năng sáng tạo của học sinh.

E. Hoạt động bổ sung

*** Mục đích:** Khuyến khích học sinh tiếp tục tìm hiểu và mở rộng kiến thức, kỹ năng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ lên lớp. Nếu giáo viên thường xuyên quan tâm hướng dẫn học sinh thực hiện hoạt động này sẽ giúp học sinh phát triển năng lực tự học, tự bổ sung để hoàn thiện hiểu biết cũng như kỹ năng của bản thân

*** Cách tiến hành**

- Giáo viên giao nhiệm vụ và cung cấp cho học sinh tên các nguồn tài liệu (sách hoặc địa chỉ trên mạng).
- Học sinh tìm đọc thông tin từ các nguồn giáo viên cung cấp để thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao.

Ví dụ: Sau khi học bài 1- Nghề Tin học văn phòng, giáo viên có thể giao cho học sinh nhiệm vụ: Xác định 1- 2 nghề trong thực tế đòi hỏi phải có kiến thức Tin học văn phòng. Mô tả công việc và những nhiệm vụ chủ yếu của nghề. Nguồn: [http:// hướng nghiệp viet.com.vn](http://hướngnghiệpviet.com.vn); sách Tôi chọn nghề - Tủ sách hướng nghiệp, Nhà xuất bản Kim Đồng...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu tiếng Việt

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/ 2006/QĐBGDDT.
- Bộ giáo dục và Đào tạo, Sách học sinh và sách giáo viên Hoạt động giáo dục nghề phổ thông, nghề Tin học Văn phòng, Ngô Ánh Tuyết (chủ biên), Nhà xuất bản giáo dục, 2012.
- Báo cáo nghiên cứu Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở hai tỉnh Nghệ An, Quảng Nam; Khung công việc cải thiện Hoạt động giáo dục nghề phổ thông theo cách tiếp cận hướng nghiệp lấy học sinh làm trung tâm, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Châu - VVOB Việt Nam, tháng 8 năm 2013.
- Tài liệu Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học, 2012, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và ThS. Nguyễn Thị Châu.
- Tài liệu bổ sung sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9, lớp 10, 11,12. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và TS. Nguyễn Ngọc Tài , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013

Các tài liệu tiếng Anh

- Australian Blueprint: <http://www.blueprint.edu.au/>
- The Conference Board of Canada, Employability Skills, www.conferenceboard.ca/education
- Dwyer, J. (1998) The Launch Manual: A young person's introduction to the principles of world takeover. Chairman Publications: Iowa, USA.
- Ho, P. (2012) RMIT University Vietnam, Career Centre, Career Tree, October 2012
- McCowna & Alpine (2011) Model of Career Development, Personal Communication
- New Zealand Career Education Benchmark: <http://www2.careers.govt.nz/benchmarks/>
- Rath, T. (2007) Strengthfinder 2.0. Gallup Press, New York, NY
- Nguyen, L. (2012) Career Development Framework. Personal Communication
- Nguyen, L. (2011) Model of Career Development Services, Personal Communication
- Schutt Jr., D. (2008) How To Plan & Develop A Career Centre, Infobase Publishing, New York, NY

NHÀ XUẤT BẢN

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

**GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP
QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

.....

Biên tập nội dung

.....

Kĩ thuật vi tính:

HOÀNG HIỀN

TÀI LIỆU KHÔNG BÁN

Bản quyền: Tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Vương quốc Bỉ

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc vì các mục đích phi thương mại khác, tuy nhiên, cần ghi rõ nguồn tài liệu khi sao chép hoặc trích dẫn.

In 3.000 cuốn khổ 20.5x29.5cm, tại **CÔNG TY CP IN LA BÀN**

Đăng kí KHXB số:

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2013

